PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 25/2013/TT-BTNMT ngày 12 tháng 9 năm 2013 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Cao Bằng

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH CAO BẰNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BTNMT ngày 12 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(Tiếp theo Công báo số 631 + 632)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 34	KX	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình			22° 42' 06"	105° 51' 42"	22° 40' 15"	106° 04' 55"	F-48-32-D
xóm Cao Lù	DC	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình	22° 42' 51"	106° 51' 16"					F-48-32-D
xóm Khuổi My	DC	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình	22° 42' 30"	105° 49' 28"					F-48-32-D
xóm Khuổi Ngọa	DC	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình	22° 42' 42"	105° 51' 18"					F-48-32-D
xóm Khuổi Trà	DC	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình	22° 44' 12"	105° 47' 10"					F-48-32-D
xóm Khuổi Trà	DC	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình	22° 43' 00"	105° 47' 41"					F-48-32-D
Khuổi Ún	DC	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình	22° 44' 16"	105° 46' 16"					F-48-32-D
xóm Khuổi Vầy	DC	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình	22° 43' 55"	105° 49' 13"					F-48-32-D
Kiềm Sang	DC	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình	22° 40' 41"	105° 49' 30"					F-48-32-D
xóm Lũng Lỳ	DC	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình	22° 43' 50"	105° 51' 46"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Lũng Riềm	DC	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình	22° 44' 01"	105° 45' 18"					F-48-32-D
xóm Nà Đoong	DC	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình	22° 43' 30"	105° 45' 41"					F-48-32-D
xóm Nặm Dân	DC	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình	22° 43' 04"	105° 48' 30"					F-48-32-D
Nậm Hủm	DC	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình	22° 43' 27"	105° 47' 15"					F-48-32-D
Nặm Hủm	DC	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình	22° 42' 30"	105° 46' 51"					F-48-32-D
Nặm Khâm	DC	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình	22° 42' 40"	105° 50' 26"					F-48-32-D
xóm Nặm Kim	DC	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình	22° 42' 25"	105° 46' 15"					F-48-32-D
sông Neo	TV	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình			22° 42' 20"	106° 49' 12"	22° 44' 25"	106° 47' 44"	F-48-32-D
xóm Nộc Soa	DC	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình	22° 39' 57"	105° 49' 39"					F-48-32-D
suối Nộc Soa	TV	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình			22° 40' 54"	105° 49' 34"	22° 41' 27"	105° 49' 44"	F-48-32-D
xóm Phiêng Pèng	DC	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình							
Tà Phình	DC	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình	22° 43' 43"	105° 51' 06"					F-48-32-D
xóm Xà Pèng	DC	xã Ca Thành	H. Nguyên Bình	22° 41' 40"	105° 47' 40"					F-48-32-D
Bể Nước	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyên Bình	22° 33' 35"	106° 05' 29"					F-48-33-C
xóm Đông Bao	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyên Bình	22° 37' 26"	106° 05' 17"					F-48-33-C
xóm Đông Bon	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyên Bình	22° 36' 56"	106° 05' 49"					F-48-33-C
xóm Gảm Tẹm	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyên Bình	22° 37' 05"	106° 03' 39"					F-48-33-C
núi Hoàng Quang	SV	xã Hoa Thám	H. Nguyên Bình	22° 38' 57"	106° 03' 11"					F-48-33-C
xóm Khuổi Hoa	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyên Bình	22° 33' 12"	106° 05' 17"					F-48-33-C
Khuổi Lải	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyên Bình	22° 36' 09"	106° 03' 58"					F-48-33-C
Khuổi Mòn	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyên Bình	22° 38' 20"	106° 03' 50"					F-48-33-C
xóm Khuổi Phay	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyên Bình	22° 37' 15"	106° 04' 38"					F-48-33-C
Khuổi Tàn	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyên Bình	22° 37' 40"	106° 04' 13"					F-48-33-C
Khuổi Thỏ	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyên Bình	22° 35' 28"	106° 06' 16"					F-48-33-C
xóm Nà Chắn	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyên Bình							
xóm Nà Đáu	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyên Bình	22° 36' 29"	106° 04' 58"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Ngần	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyên Bình	22° 36' 48"	106° 06' 29"					F-48-33-C
đồn Nà Ngần	KX	xã Hoa Thám	H. Nguyên Bình							F-48-32-C
xóm Phiêng Cháu	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyên Bình							
núi Phiêng Cháu	SV	xã Hoa Thám	H. Nguyên Bình	22° 33' 50"	106° 04' 56"					F-48-33-C
sông Tà Cây	TV	xã Hoa Thám	H. Nguyên Bình			22° 34' 15"	106° 03' 48"	22° 36' 22"	106° 04' 50"	F-48-33-C
xóm Thang Coỏng	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyên Bình							
khuổi Thỏ	TV	xã Hoa Thám	H. Nguyên Bình			22° 36' 09"	106° 06' 12"	22° 36' 37"	106° 06' 07"	F-48-33-C
Trần Bằng	DC	xã Hoa Thám	H. Nguyên Bình	22° 35' 11"	106° 02' 50"					F-48-33-C
Khuổi Khim	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyên Bình	22° 32' 35"	105° 56' 06"					F-48-32-D
xóm Khuổi Lỉn	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyên Bình	22° 33' 17"	105° 59' 14"					F-48-32-D
xóm Khuổi Luông	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyên Bình	22° 32' 45"	105° 58' 09"					F-48-32-D
xóm Nà Lẹng	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyên Bình	22° 33' 29"	105° 57' 40"					F-48-32-D
Nà Mia	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyên Bình	22° 34' 57"	105° 56' 44"					F-48-32-D
núi Nà Mia	SV	xã Hưng Đạo	H. Nguyên Bình	22° 34' 57"	105° 56' 15"					F-48-32-D
xóm Nà Niếng	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyên Bình	22° 33' 17"	105° 56' 10"					F-48-32-D
xóm Roỏng Cun	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyên Bình	22° 32' 49"	105° 56' 59"					F-48-32-D
xóm Thôm Coóc	DC	xã Hưng Đạo	H. Nguyên Bình	22° 33' 55"	105° 55' 43"					F-48-32-D
quốc lộ 34	KX	xã Lang Môn	H. Nguyên Bình			22° 39' 36"	106° 08' 35"	22° 40' 15"	106° 04' 55"	F-48-33-C
Bó Pha	DC	xã Lang Môn	H. Nguyên Bình	22° 39' 34"	106° 07' 53"					F-48-33-C
Đơ Si	DC	xã Lang Môn	H. Nguyên Bình	22° 39' 39"	106° 06' 27"					F-48-33-C
xóm Kẻ Già	DC	xã Lang Môn	H. Nguyên Bình	22° 39' 27"	106° 05' 37"					F-48-33-C
xóm Kẻ Sy	DC	xã Lang Môn	H. Nguyên Bình	22° 39' 50"	106° 06' 08"					F-48-33-C
khau Kẻ Sy	SV	xã Lang Môn	H. Nguyên Bình	22° 39' 17"	106° 06' 19"					F-48-33-C
xóm Lũng Hính	DC	xã Lang Môn	H. Nguyên Bình	22° 39' 58"	106° 08' 18"					F-48-33-C
xóm Nà Bao	DC	xã Lang Môn	H. Nguyên Bình	22° 40' 21"	106° 05' 12"					F-48-33-C
xóm Nà Lẹng	DC	xã Lang Môn	H. Nguyên Bình	22° 39' 42"	106° 08' 24"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Nọi 1	DC	xã Lang Môn	H. Nguyên Bình	22° 38' 18"	106° 05' 38"					F-48-33-C
xóm Nà Nọi 2	DC	xã Lang Môn	H. Nguyên Bình	22° 38' 47"	106° 04' 58"					F-48-33-C
Nà Nu	DC	xã Lang Môn	H. Nguyên Bình	22° 39' 35"	106° 07' 26"					F-48-33-C
xóm Nà Piao	DC	xã Lang Môn	H. Nguyên Bình	22° 40' 00"	106° 07' 12"					F-48-33-C
xóm Nà Po	DC	xã Lang Môn	H. Nguyên Bình	22° 40' 25"	106° 06' 50"					F-48-33-C
núi Pù Nạn	SV	xã Lang Môn	H. Nguyên Bình	22° 39' 06"	106° 07' 22"					F-48-33-C
núi Quang	SV	xã Lang Môn	H. Nguyên Bình	22° 39' 42"	106° 07' 17"					F-48-33-C
khau Tu Lùm	SV	xã Lang Môn	H. Nguyên Bình	22° 38' 12"	106° 06' 32"					F-48-33-C
xóm Bản Chang	DC	xã Mai Long	H. Nguyên Bình	22° 38' 30"	105° 46' 26"					F-48-32-D
xóm Bó Cạn	DC	xã Mai Long	H. Nguyên Bình	22° 39' 22"	105° 47' 58"					F-48-32-D
xóm Cốc Cai	DC	xã Mai Long	H. Nguyên Bình	22° 39' 29"	105° 45' 14"					F-48-32-D
xóm Cốc Mia	DC	xã Mai Long	H. Nguyên Bình	22° 38' 39"	105° 45' 47"					F-48-32-D
xóm Cốc Mòn	DC	xã Mai Long	H. Nguyên Bình	22° 41' 13"	105° 46' 50"					F-48-32-D
xóm Khuổi Hẩu	DC	xã Mai Long	H. Nguyên Bình	22° 39' 53"	105° 46' 56"					F-48-32-D
xóm Khuổi Phung	DC	xã Mai Long	H. Nguyên Bình							F-48-32-C
suối Khuổi Rịa	TV	xã Mai Long	H. Nguyên Bình			22° 38' 29"	105° 44' 58"	22° 37' 38"	105° 44' 18"	F-48-32-C
xóm Lũng Páp	DC	xã Mai Long	H. Nguyên Bình	22° 37' 16"	105° 45' 18"					F-48-32-D
xóm Lũng Thích	DC	xã Mai Long	H. Nguyên Bình	22° 37' 52"	105° 46' 54"					F-48-32-D
xóm Nà Lầm	DC	xã Mai Long	H. Nguyên Bình	22° 38' 51"	105° 47' 01"					F-48-32-D
xóm Nà Ngù	DC	xã Mai Long	H. Nguyên Bình	22° 39' 03"	105° 45' 46"					F-48-32-D
xóm Pù Miàng	DC	xã Mai Long	H. Nguyên Bình							F-48-32-C
xóm Sáng Lìn	DC	xã Mai Long	H. Nguyên Bình	22° 38' 45"	105° 48' 20"					F-48-32-D
xóm Bản Cải - Kéo Gạm	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình	22° 40' 55"	106° 06' 23"					F-48-33-C
xóm Bản Deng	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình	22° 41' 42"	106° 05' 13"					F-48-33-C
xóm Đồn Cáu	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình	22° 41' 06"	106° 05' 21"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đông Chang	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình	22° 41' 19"	106° 05' 39"					F-48-33-C
xóm Đông Chiêm	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình	22° 41' 05"	106° 06' 07"					F-48-33-C
xóm Gòi Gà	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình	22° 41' 17"	106° 05' 07"					F-48-33-C
hang Kéo Quảng	KX	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình							F-48-33-C
xóm Khuổi Pảng	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình	22° 41' 24"	106° 07' 11"					F-48-33-C
xóm Khuôn Nộc	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình	22° 41' 49"	106° 05' 56"					F-48-33-C
xóm Lũng Chang	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình	22° 41' 26"	106° 04' 46"					F-48-33-C
xóm Lũng Duốc	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình	22° 41' 42"	106° 04' 46"					F-48-33-C
hang Lũng Tàn	KX	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình							F-48-33-C
xóm Nà Ca	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình	22° 40' 56"	106° 05' 16"					F-48-33-C
xóm Nà Lẹng	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình	22° 41' 50"	106° 06' 57"					F-48-33-C
xóm Nà Ngoả	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình	22° 41' 36"	106° 06' 30"					F-48-33-C
DTLS Nền nhà ông Dương Mạc Thạch	KX	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình							F-48-33-C
xóm Nóc Mò	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình							
xóm Pác Phai	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình	22° 41' 27"	106° 05' 32"					F-48-33-C
xóm Phiêng Sa	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình	22° 42' 25"	106° 05' 46"					F-48-33-C
xóm Rỏng Mười	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình	22° 40' 45"	106° 05' 46"					F-48-33-C
xóm Thôm Phát	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình	22° 40' 59"	106° 05' 30"					F-48-33-C
Tử	DC	xã Minh Tâm	H. Nguyên Bình	22° 41' 13"	106° 06' 17"					F-48-33-C
quốc lộ 34	KX	xã Minh Thanh	H. Nguyên Bình			22° 39' 40"	106° 02' 18"	22° 38' 53"	105° 58' 54"	F-48-33-C; 32-D
xóm Bản Hỏ	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyên Bình	22° 39' 09"	106° 00' 36"					F-48-33-C
Bò Ca	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyên Bình	22° 39' 29"	105° 59' 38"					F-48-32-D
Bó Vài	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyên Bình	22° 39' 04"	105° 59' 16"					F-48-32-D
xóm Cô Ba	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyên Bình	22° 39' 49"	106° 01' 39"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Khoang	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyên Bình	22° 39' 31"	106° 00' 31"					F-48-33-C
xóm Nà Luộc	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyên Bình	22° 39' 17"	106° 01' 00"					F-48-33-C
xóm Nà Roỏng	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyên Bình	22° 39' 01"	106° 01' 50"					F-48-33-C
xóm Nà Tổng	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyên Bình	22° 39' 26"	106° 01' 51"					F-48-33-C
sông Nguyên Bình	TV	xã Minh Thanh	H. Nguyên Bình			22° 39' 16"	106° 00' 24"	22° 39' 41"	106° 02' 17"	F-48-33-C
hang Thẳm Loỏng	KX	xã Minh Thanh	H. Nguyên Bình							F-48-33-C
xóm Tổng Say	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyên Bình	22° 39' 41"	106° 01' 15"					F-48-33-C
xóm Vũ Ngược	DC	xã Minh Thanh	H. Nguyên Bình	22° 39' 37"	106° 00' 02"					F-48-33-C
núi Pia Nón	SV	xã Phan Thanh	H. Nguyên Bình	22° 36' 22"	105° 47' 00"					F-48-32-D
xóm Bản Chiếu	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyên Bình	22° 35' 08"	105° 49' 48"					F-48-32-D
xóm Bình Đường	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyên Bình	22° 37' 20"	105° 49' 52"					F-48-32-D
núi Cà Thoong	SV	xã Phan Thanh	H. Nguyên Bình	22° 33' 56"	105° 46' 40"					F-48-32-D
xóm Cáng Cam	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyên Bình							F-48-32-D
Cáng Lò	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyên Bình	22° 35' 55"	105° 45' 22"					F-48-32-D
xóm Lũng Chủ	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyên Bình	22° 34' 44"	105° 47' 49"					F-48-32-D
xóm Nà Mùng	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyên Bình							F-48-32-D
xóm Nậm Sâu	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyên Bình	22° 36' 01"	105° 49' 46"					F-48-32-D
suối Năng	TV	xã Phan Thanh	H. Nguyên Bình			22° 31' 37"	105° 47' 59"	22° 36' 02"	105° 44' 44"	F-48-32-D
sông Pác Phán	TV	xã Phan Thanh	H. Nguyên Bình			22° 34' 21"	105° 48' 35"	22° 33' 09"	105° 47' 01"	F-48-32-D
Pác Phắn	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyên Bình	22° 33' 30"	105° 47' 23"					F-48-32-D
xóm Phiêng Lầu	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyên Bình							F-48-32-D
Phúng Hò	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyên Bình	22° 37' 36"	105° 49' 19"					F-48-32-D
xóm Phúng Liáng (Phùng Lang)	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyên Bình							F-48-32-D
Sieo Léng	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyên Bình	22° 38' 17"	105° 50' 09"					F-48-32-D
Tầm Bẩu	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyên Bình	22° 36' 39"	105° 47' 50"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Tổng Sinh	DC	xã Phan Thanh	H. Nguyên Bình	22° 35' 38"	105° 50' 58"					F-48-32-D
đường tỉnh 212	KX	xã Quang Thành	H. Nguyên Bình			22° 37' 44"	105° 54' 37"	22° 36' 17"	105° 53' 03"	F-48-32-D
xóm Nà Hảy	DC	xã Quang Thành	H. Nguyên Bình	22° 37' 27"	105° 58' 13"					F-48-32-D
Ca Chắp	DC	xã Quang Thành	H. Nguyên Bình	22° 37' 43"	105° 56' 44"					F-48-32-D
Canh Hội	DC	xã Quang Thành	H. Nguyên Bình	22° 36' 12"	105° 57' 51"					F-48-32-D
đèo Cô Li A	SV	xã Quang Thành	H. Nguyên Bình	22° 36' 17"	10° 53' 03"					F-48-32-D
xóm Cốc Bó	DC	xã Quang Thành	H. Nguyên Bình	22° 37' 24"	105° 54' 00"					F-48-32-D
xóm Giẻ Giả	DC	xã Quang Thành	H. Nguyên Bình	22° 36' 49"	105° 57' 31"					F-48-32-D
xóm Khuổi Xả	DC	xã Quang Thành	H. Nguyên Bình	22° 37' 23"	105° 57' 01"					F-48-32-D
xóm Lũng Mười	DC	xã Quang Thành	H. Nguyên Bình	22° 36' 46"	105° 54' 41"					F-48-32-D
Nà Khuổi	DC	xã Quang Thành	H. Nguyên Bình	22° 36' 39"	105° 59' 06"					F-48-32-D
xóm Nà Lèng	DC	xã Quang Thành	H. Nguyên Bình	22° 36' 56"	105° 55' 33"					F-48-32-D
xóm Nà Lừa	DC	xã Quang Thành	H. Nguyên Bình	22° 36' 29"	105° 58' 47"					F-48-32-D
xóm Nà Lủng		xã Quang Thành	H. Nguyên Bình							
núi Nà Ní	SV	xã Quang Thành	H. Nguyên Bình	22° 37' 02"	105° 51' 52"					F-48-32-D
Nà Pẻn	DC	xã Quang Thành	H. Nguyên Bình	22° 36' 43"	105° 58' 41"					F-48-32-D
xóm Nà Pùng	DC	xã Quang Thành	H. Nguyên Bình	22° 36' 36"	105° 56' 44"					F-48-32-D
xóm Pác Tháy	DC	xã Quang Thành	H. Nguyên Bình	22° 36' 52"	105° 56' 52"					F-48-32-D
xóm Thôm Ca	DC	xã Quang Thành	H. Nguyên Bình	22° 36' 08"	105° 58' 35"					F-48-32-D
xóm Vài Khao	DC	xã Quang Thành	H. Nguyên Bình	22° 35' 33"	105° 55' 22"					F-48-32-D
khuổi Riền	TV	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình			22° 35' 07"	106° 02' 19"	22° 36' 27"	106° 03' 22"	F-48-33-C
An Mã	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 36' 39"	106° 02' 31"					F-48-33-C
suối Bản Đống	TV	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình			22° 34' 52"	105° 59' 58"	22° 34' 20"	105° 59' 00"	F-48-32-D
xóm Bản Um	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 35' 05"	106° 00' 37"					F-48-33-C
Bó Ẩm	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 36' 34"	105° 59' 41"					F-48-32-D
Cốc Thỏ	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 37' 21"	105° 59' 21"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Dòn Dù	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 38' 01"	105° 58' 36"					F-48-32-D
sông Hiến	TV	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình			22° 36' 13"	106° 01' 04"	22° 36' 27"	106° 03' 22"	F-48-33-C
Khau Đinh	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 35' 19"	105° 58' 45"					F-48-32-D
DTLS Khu rừng Trần Hưng Đạo	KX	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 35' 33"	106° 00' 53"					F-48-33-C
xóm Nà An	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình							
xóm Nà Dủ	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 36' 19"	106° 01' 53"					F-48-33-C
Nà Háng	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 36' 08"	106° 01' 14"					F-48-33-C
xóm Nà Hoảng	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 36' 47"	106° 01' 52"					F-48-33-C
Nà Lủng	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 36' 06"	105° 59' 12"					F-48-32-D
xóm Nà Mạ	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình							
sông Nà Mạ	TV	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình			22° 36' 56"	106° 00' 03"	22° 36' 13"	106° 01' 04"	F-48-33-C
xóm Nà Múc	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 36' 56"	106° 00' 17"					F-48-33-C
xóm Nà Sang	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 35' 22"	106° 01' 51"					F-48-33-C
xóm Nà Vạ	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 36' 21"	106° 01' 39"					F-48-33-C
Nà Viềng	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 36' 36"	106° 01' 55"					F-48-33-C
sông Nhiên	TV	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình			22° 34' 52"	105° 59' 58"	22° 35' 25"	106° 00' 50"	F-48-33-C
Pác Cáp	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 36' 03"	106° 00' 52"					F-48-33-C
xóm Pác Dài	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 35' 31"	106° 00' 13"					F-48-33-C
Pác Nát	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 36' 51"	10° 60' 10"					F-48-33-C
xóm Phai Khắt	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 36' 26"	106° 00' 56"					F-48-33-C
đồn Phai Khắt	KX	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình							F-48-33-C
xóm Pù Mìn	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 36' 52"	106° 02' 43"					F-48-33-C
xóm Tát Căng	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 37' 39"	105° 59' 15"					F-48-32-D
Thôm Hin	DC	xã Tam Kim	H. Nguyên Bình	22° 36' 03"	106° 00' 21"					F-48-33-C
xóm Bản Chang	DC	xã Thái Học	H. Nguyên Bình	22° 42' 28"	106° 00' 28"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Bó Kim	DC	xã Thái Học	H. Nguyên Bình	22° 40' 47"	106° 00' 47"					F-48-33-C
xóm Cốc Căng	DC	xã Thái Học	H. Nguyên Bình	22° 41' 53"	106° 00' 02"					F-48-33-C
núi Kéo Lũng Tan	SV	xã Thái Học	H. Nguyên Bình	22° 40' 54"	106° 00' 27"					F-48-33-C
xóm Làng Phùng	DC	xã Thái Học	H. Nguyên Bình	22° 40' 27"	106° 00' 13"					F-48-33-C
xóm Lũng An	DC	xã Thái Học	H. Nguyên Bình	22° 41' 23"	106° 00' 44"					F-48-33-C
xóm Lũng Chang	DC	xã Thái Học	H. Nguyên Bình	22° 39' 50"	105° 59' 29"					F-48-32-D
Lũng Dụng	DC	xã Thái Học	H. Nguyên Bình							
xóm Lũng Ỉn	DC	xã Thái Học	H. Nguyên Bình							
Lũng Kèng	DC	xã Thái Học	H. Nguyên Bình							
xóm Lũng Pán	DC	xã Thái Học	H. Nguyên Bình	22° 40' 54"	106° 01' 37"					F-48-33-C
xóm Lũng Rảo	DC	xã Thái Học	H. Nguyên Bình	22° 40' 46"	105° 59' 38"					F-48-32-D
xóm Lũng Vài	DC	xã Thái Học	H. Nguyên Bình							
núi Lũng Vẹn	SV	xã Thái Học	H. Nguyên Bình	22° 42' 47"	106° 00' 33"					F-48-33-C
Nậm Thong	DC	xã Thái Học	H. Nguyên Bình	22° 41' 36"	105° 58' 12"					F-48-32-D
xóm Pác Tu	DC	xã Thái Học	H. Nguyên Bình							
xóm Quang Đâu	DC	xã Thái Học	H. Nguyên Bình	22° 40' 42"	105° 58' 43"					F-48-32-D
xóm Quang Noọc	DC	xã Thái Học	H. Nguyên Bình	22° 40' 10"	105° 58' 53"					F-48-32-D
xóm Toong Chinh	DC	xã Thái Học	H. Nguyên Bình							
đường tỉnh 212	KX	xã Thành Công	H. Nguyên Bình			22° 36' 17"	105° 53' 03"	22° 36' 17"	105° 48' 42"	F-48-32-D
Bản Sẻ	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 34' 21"	105° 54' 26"					F-48-32-D
núi Phia Đén	SV	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 33' 49"	105° 52' 14"					F-48-32-D
xóm Bản Chang	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 31' 48"	105° 53' 20"					F-48-32-D
xóm Bản Đổng	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình							
suối Bản Đổng	TV	xã Thành Công	H. Nguyên Bình			22° 31' 39"	105° 51' 37"	22° 31' 39"	105° 53' 22"	F-48-32-D
suối Bản Sẻ	TV	xã Thành Công	H. Nguyên Bình			22° 32' 29"	105° 54' 56"	22° 34' 28"	105° 54' 55"	F-48-32-D
xóm Cốc Phường	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 31' 46"	105° 52' 06"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đồi Thông	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 34' 41"	105° 52' 10"					F-48-32-D
suối Khau Cảng	TV	xã Thành Công	H. Nguyên Bình			22° 34' 36"	105° 53' 13"	22° 32' 57"	105° 53' 41"	F-48-32-D
xóm Khau Gảng	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 32' 40"	105° 54' 08"					F-48-32-D
xóm Khau Vài	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 31' 28"	105° 52' 40"					F-48-32-D
xóm Lũng Quang	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 34' 05"	105° 50' 21"					F-48-32-D
xóm Nà Bản	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 32' 24"	105° 50' 05"					F-48-32-D
Nà Ngạm	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 31' 58"	105° 49' 11"					F-48-32-D
xóm Nà Rẻo	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 33' 13"	105° 54' 16"					F-48-32-D
xóm Nà Vài	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 31' 32"	105° 50' 07"					F-48-32-D
Nậm Dân	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 31' 21"	105° 55' 06"					F-48-32-D
suối Nặm Dân	TV	xã Thành Công	H. Nguyên Bình			22° 30' 14"	105° 54' 07"	22° 31' 53"	105° 54' 39"	F-48-32-D
xóm Nặm Phiêng	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình							
Nậm Toòng	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 32' 47"	105° 51' 17"					F-48-32-D
xóm Nhả Máng	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình							
nậm Pác Khuổi Lò	TV	xã Thành Công	H. Nguyên Bình			22° 33' 39"	105° 50' 43"	22° 31' 28"	105° 48' 09"	F-48-32-D
núi Phia Chao	SV	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 34' 17"	105° 50' 43"					F-48-32-D
xóm Phia Đén	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 33' 59"	105° 52' 09"					F-48-32-D
núi Phia Thán	SV	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 29' 55"	105° 54' 15"					F-48-44-B
Phiêng Phát	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình	22° 32' 08"	10° 55' 23"					F-48-32-D
xóm Pù Vài	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình							
xóm Tát Slâm	DC	xã Thành Công	H. Nguyên Bình							
nậm Tòng	TV	xã Thành Công	H. Nguyên Bình			22° 32' 36"	105° 52' 17"	22° 33' 08"	105° 50' 18"	F-48-32-D
xóm Bản Nùng 1	DC	xã Thể Dục	H. Nguyên Bình							F-48-32-D
xóm Bản Nùng 2	DC	xã Thể Dục	H. Nguyên Bình							F-48-32-D
núi Còi Mi	SV	xã Thể Dục	H. Nguyên Bình	22° 39' 00"	105° 56' 19"					F-48-32-D
núi Khuổi Âu	SV	xã Thể Dục	H. Nguyên Bình	22° 41' 18"	105° 55' 17"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khuổi Ngo	DC	xã Thể Dục	H. Nguyên Bình	22° 40' 11"	105° 56' 38"					F-48-32-D
xóm Lũng Nọi	DC	xã Thể Dục	H. Nguyên Bình							
xóm Nà Biốc	DC	xã Thể Dục	H. Nguyên Bình	22° 40' 02"	105° 54' 55"					F-48-32-D
Nậm Ún	DC	xã Thể Dục	H. Nguyên Bình	22° 39' 13"	105° 55' 34"					F-48-32-D
xóm Pác Bó	DC	xã Thể Dục	H. Nguyên Bình	22° 39' 02"	105° 55' 24"					F-48-32-D
Phia Nọi	DC	xã Thể Dục	H. Nguyên Bình	22° 40' 38"	105° 56' 54"					F-48-32-D
xóm Phia Toọc	DC	xã Thể Dục	H. Nguyên Bình	22° 38' 30"	105° 55' 09"					F-48-32-D
núi Sam Kha	SV	xã Thể Dục	H. Nguyên Bình	22° 42' 09"	105° 56' 36"					F-48-32-D
Tắc Ngò	DC	xã Thể Dục	H. Nguyên Bình	22° 41' 15"	105° 56' 01"					F-48-32-D
Tổng Đở (Tổng Đâư)	DC	xã Thể Dục	H. Nguyên Bình	22° 40' 03"	105° 55' 54"					F-48-32-D
xóm Tổng Ngà	DC	xã Thể Dục	H. Nguyên Bình	22° 40' 09"	105° 55' 25"					F-48-32-D
quốc lộ 34	KX	xã Thịnh Vượng	H. Nguyên Bình			22° 35' 20"	106° 09' 00"	22° 33' 52"	106° 06' 24"	F-48-33-C
Khuổi Bon	DC	xã Thịnh Vượng	H. Nguyên Bình	22° 35' 20"	106° 08' 56"					F-48-33-C
xóm Khuổi Đeng	DC	xã Thịnh Vượng	H. Nguyên Bình	22° 30' 52"	106° 06' 50"					F-48-33-C
Khuổi Địa	DC	xã Thịnh Vượng	H. Nguyên Bình	22° 31' 27"	106° 06' 16"					F-48-33-C
xóm Khuổi Pất	DC	xã Thịnh Vượng	H. Nguyên Bình	22° 33' 33"	106° 07' 34"					F-48-33-C
xóm Khuổi Thin	DC	xã Thịnh Vượng	H. Nguyên Bình	22° 33' 29"	106° 08' 04"					F-48-33-C
Khuổi Xóm	DC	xã Thịnh Vượng	H. Nguyên Bình	22° 34' 57"	106° 07' 13"					F-48-33-C
núi Lũng Lỉnh	SV	xã Thịnh Vượng	H. Nguyên Bình	22° 32' 11"	106° 08' 00"					F-48-33-C
Nà Lung	DC	xã Thịnh Vượng	H. Nguyên Bình	22° 32' 22"	106° 07' 28"					F-48-33-C
Nà Pò	DC	xã Thịnh Vượng	H. Nguyên Bình	22° 32' 46"	106° 08' 51"					F-48-33-C
xóm Sẻ Pản	DC	xã Thịnh Vượng	H. Nguyên Bình	22° 34' 23"	106° 08' 26"					F-48-33-C
núi Thăm Đén	SV	xã Thịnh Vượng	H. Nguyên Bình	22° 32' 19"	106° 09' 19"					F-48-33-C
xóm Cảm Ngọa	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyên Bình	22° 41' 48"	105° 55' 43"					F-48-32-D
xóm Đán Khao	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyên Bình							
xóm Khau Khác	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyên Bình	22° 43' 54"	105° 54' 55"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Khau Khít	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyên Bình	22° 43' 09"	105° 54' 25"					F-48-32-D
xóm Khau Vai	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyên Bình	22° 43' 01"	105° 54' 04"					F-48-32-D
xóm Khuổi Tông	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyên Bình	22° 41' 16"	105° 54' 38"					F-48-32-D
Khuổi Vầy	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyên Bình	22° 41' 53"	105° 54' 26"					F-48-32-D
xóm Lũng Rọc	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyên Bình	22° 44' 27"	105° 54' 13"					F-48-32-D
xóm Nặm Rằng	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyên Bình							
xóm Pác Tháy	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyên Bình	22° 42' 27"	105° 54' 53"					F-48-32-D
núi Pha Giam	SV	xã Triệu Nguyên	H. Nguyên Bình	22° 42' 51"	105° 56' 23"					F-48-32-D
xóm Thin Pản	DC	xã Triệu Nguyên	H. Nguyên Bình	22° 44' 25"	105° 55' 11"					F-48-32-D
quốc lộ 34	KX	xã Vũ Nông	H. Nguyên Bình			22° 40' 15"	105° 51' 23"	22° 42' 06"	106° 51' 42"	F-48-32-D
Báng Nưa	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyên Bình	22° 41' 00"	105° 53' 54"					F-48-32-D
xóm Lũng Báng	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyên Bình							
Lũng Cốp	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyên Bình	22° 41' 21"	105° 53' 30"					F-48-32-D
xóm Lũng Khoen	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyên Bình	22° 39' 46"	105° 53' 33"					F-48-32-D
Lũng Kim	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyên Bình	22° 40' 22"	105° 54' 16"					F-48-32-D
xóm Lũng Luông	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyên Bình	22° 41' 42"	105° 51' 33"					F-48-32-D
xóm Lũng Nặm	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyên Bình	22° 39' 46"	105° 54' 15"					F-48-32-D
xóm Lũng Nọi	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyên Bình	22° 40' 10"	105° 50' 49"					F-48-32-D
xóm Lũng Thán	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyên Bình	22° 40' 38"	105° 52' 23"					F-48-32-D
Nậm Pha Nưa	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyên Bình	22° 40' 28"	105° 53' 27"					F-48-32-D
xóm Po Cốp	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyên Bình							
xóm Thin San	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyên Bình	22° 41' 12"	105° 52' 22"					F-48-32-D
Tỳ Hạ	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyên Bình	22° 39' 51"	105° 53' 15"					F-48-32-D
Tỳ Thượng	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyên Bình	22° 40' 03"	105° 53' 03"					F-48-32-D
xóm Xí Thầu	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyên Bình							
xóm Xiên Pièng	DC	xã Vũ Nông	H. Nguyên Bình							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 34	KX	xã Yên Lạc	H. Nguyên Bình			22° 40' 00"	105° 50' 50"	22° 42' 06"	106° 51' 42"	F-48-32-B+20-D; F-48-32-D
núi Bọ Kia	SV	xã Yên Lạc	H. Nguyên Bình	22° 44' 28"	105° 50' 49"					F-48-32-D
Chắp Thái	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyên Bình	22° 46' 24"	105° 51' 21"					F-48-32-B+20-D
xóm Chì Đòi	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyên Bình	22° 44' 46"	105° 51' 49"					F-48-32-D
xóm Khuổi Cáp	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyên Bình							
xóm Khuổi Lùng	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyên Bình	22° 44' 32"	105° 49' 27"					F-48-32-D
Lũng Lếch	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyên Bình	22° 45' 05"	105° 50' 49"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Ót	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyên Bình							
xóm Lũng Súng	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyên Bình	22° 44' 40"	105° 50' 05"					F-48-32-D
Lũng Un	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyên Bình	22° 45' 14"	105° 51' 30"					F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Làng	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyên Bình							
Nậm Puổm	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyên Bình	22° 46' 44"	105° 49' 47"					F-48-32-B+20-D
Nậm Rằng	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyên Bình	22° 45' 19"	105° 53' 02"					F-48-32-B+20-D
xóm Tàn Pà	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyên Bình	22° 45' 59"	105° 50' 32"					F-48-32-B+20-D
Tham Han	DC	xã Yên Lạc	H. Nguyên Bình	22° 47' 39"	105° 50' 38"					F-48-32-B+20-D
quốc lộ 3	KX	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa			22° 30' 05"	106° 33' 31"	22° 33' 25"	106° 29' 19"	F-48-33-D
phố Phục Hòa 1	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa							F-48-34-C+D
xóm Bản Chàm	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 33' 10"	106° 29' 43"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Bằng Giang	TV	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa			22° 32' 49"	106° 29' 29"	22° 29' 35"	106° 32' 54"	F-48-34-C+D; F-48-33-D;
xóm Bó Chiểng	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 31' 19"	106° 32' 53"					F-48-34-C+D
xóm Bó đa	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa							
xóm Bó Khoang	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 32' 56"	106° 30' 25"					F-48-34-C+D
núi Bó Kim	SV	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 31' 34"	106° 31' 53"					F-48-34-C+D
xóm Bó Pu	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa							
xóm Bó Tờ	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 30' 55"	106° 31' 58"					F-48-34-C+D
núi Bó Xẩng	SV	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 32' 46"	106° 31' 06"					F-48-34-C+D
xóm Cải	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 30' 49"	106° 33' 11"					F-48-34-C+D
xóm Cốc Khau	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 30' 04"	106° 32' 31"					F-48-34-C+D
núi Khung Giảo	SV	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 32' 22"	106° 31' 29"					F-48-34-C+D
suối Khuổi Lầu	TV	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa			22° 31' 22"	106° 32' 17"	22° 31' 17"	106° 31' 24"	F-48-34-C+D
núi Lủng Luông	SV	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 31' 46"	106° 31' 51"					F-48-34-C+D
xóm Nà Mười	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 31' 00"	106° 32' 25"					F-48-34-C+D
xóm Nà Rài	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 32' 22"	106° 29' 58"					F-48-34-C+D
Nà Rắng	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 32' 37"	106° 30' 31"					F-48-34-C+D
xóm Nà Seo	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 32' 39"	106° 30' 06"					F-48-34-C+D
xóm Pác Bó 1	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa							F-48-34-C+D
xóm Pác Bó 2	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa							F-48-34-C+D
xóm Pác Tò	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 31' 46"	106° 31' 20"					F-48-34-C+D
núi Phia Cáy	SV	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 30' 34"	106° 34' 26"					F-48-34-C+D
núi Phia Khao	SV	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 31' 08"	106° 32' 07"					F-48-34-C+D
xóm Phia Xếp	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 30' 29"	106° 32' 53"					F-48-34-C+D
Phục Hòa		TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa							F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
phố Phục Hòa 2	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa							F-48-34-C+D
Pó Pết	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 30' 00"	106° 33' 21"					F-48-34-C+D
xóm Pò Rịn	DC	TT. Hòa Thuận	H. Phục Hòa	22° 32' 07"	106° 30' 20"					F-48-34-C+D
quốc lộ 3	KX	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa			22° 28' 28"	106° 34' 41"	22° 30' 05"	106° 33' 31"	F-48-46-A; F-48-34-C+D
sông Bằng Giang	TV	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa			22° 30' 13"	106° 34' 45"	22° 28' 12"	106° 34' 34"	F-48-46-A; F-48-34-C+D
xóm Bó Pết	DC	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa							
xóm Bó Pu	DC	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 30' 02"	106° 34' 12"					F-48-34-C+D
xóm Đoỏng Lèng	DC	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 29' 55"	106° 33' 54"					F-48-46-A
Nhà máy Đường Phục Hòa	SV	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 29' 32"	106° 33' 10"					F-48-46-A
xóm Hưng Long	DC	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 29' 29"	106° 34' 12"					F-48-46-A
núi Kỳ Lân	SV	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 29' 48"	106° 34' 43"					F-48-46-A
xóm Pác Phéc	DC	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 29' 26"	106° 33' 09"					F-48-46-A
núi Phia Cáy	SV	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 30' 16"	106° 34' 08"					F-48-34-C+D
xóm Phia Khoang	DC	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 29' 08"	106° 34' 39"					F-48-46-A
xóm Pò Tập	DC	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 28' 40"	106° 34' 35"					F-48-46-A
cửa khẩu Tà Lùng	KX	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 28' 28"	106° 34' 41"					F-48-46-A
cầu Thủy Khẩu	KX	TT. Tà Lùng	H. Phục Hòa	22° 28' 28"	106° 34' 41"					F-48-46-A
sông Bắc Vọng	TV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa			22° 35' 50"	106° 35' 55"	22° 36' 34"	106° 33' 03"	F-48-34-C+D
xóm Bản Mển	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 33' 55"	106° 32' 25"					F-48-34-C+D
xóm Bản Mỏ	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 06"	106° 32' 11"					F-48-34-C+D
xóm Bản Riềng Dưới	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 44"	106° 33' 37"					F-48-34-C+D
xóm Bản Riềng Trên	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 26"	106° 33' 50"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bó An	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 33' 47"	106° 32' 26"					F-48-34-C+D
Bó Dạ	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 27"	106° 32' 39"					F-48-34-C+D
núi Cách Linh	SV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 35' 02"	106° 31' 17"					F-48-34-C+D
xóm Cách Linh 1	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa							F-48-34-C+D
xóm Cách Linh 2	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa							F-48-34-C+D
núi Chọc Rây	SV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 36"	106° 31' 57"					F-48-34-C+D
núi Chọc Sước	SV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 55"	106° 35' 41"					F-48-34-C+D
núi Cốc Sàng	SV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 33' 55"	106° 32' 44"					F-48-34-C+D
núi Đông Âm	SV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 15"	106° 35' 37"					F-48-34-C+D
xóm Đông Chiêu	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 28"	106° 32' 25"					F-48-34-C+D
dãy núi Khau Luông	SV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 35' 01"	106° 32' 46"					F-48-34-C+D
xóm Khưa Đa	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa							
suối Khuổi Lầu	TV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa			22° 34' 42"	106° 32' 32"	22° 33' 34"	106° 32' 20"	F-48-34-C+D
xóm Khuổi Luông	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa							
suối Khuổi Luông	TV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa			22° 35' 08"	106° 33' 58"	22° 35' 32"	106° 34' 15"	F-48-34-C+D
xóm Khuổi Piao	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 35' 15"	106° 35' 43"					F-48-34-C+D
xóm Khuổi Xám	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 35' 04"	106° 35' 09"					F-48-34-C+D
suối Khuổi Xám	TV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa			22° 35' 02"	106° 34' 13"	22° 35' 41"	106° 34' 26"	F-48-34-C+D
núi Lăng Hoài	SV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 35' 15"	106° 33' 06"					F-48-34-C+D
xóm Lăng Hoài Nooc	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 35' 42"	106° 31' 54"					F-48-34-C+D
núi Lũng Cân	SV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 01"	106° 33' 41"					F-48-34-C+D
Lũng Hoài	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 32"	106° 35' 14"					F-48-34-C+D
núi Lũng Phắng	SV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 01"	106° 33' 01"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Thính	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa							
xóm Lũng Vài	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Noọc Tổng	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 36' 03"	106° 31' 22"					F-48-34-C+D
Pò	DC	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 34' 35"	106° 33' 01"					F-48-34-C+D
suối Pó Tèng	TV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa			22° 34' 14"	106° 33' 52"	22° 34' 40"	106° 33' 28"	F-48-34-C+D
núi Pò Tỹ Nằng	SV	xã Cách Linh	H. Phục Hòa	22° 35' 04"	106° 33' 42"					F-48-34-C+D
suối Bắc Vọng	TV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa			22° 31' 03"	106° 34' 48"	22° 33' 50"	106° 36' 06"	F-48-34-C+D
xóm Bản Chang	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 34' 40"	106° 30' 19"					F-48-34-C+D
xóm Bản Chu	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa							
xóm Bản Mầy	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 32' 24"	106° 34' 24"					F-48-34-C+D
xóm Bản Mới	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 32' 55"	106° 31' 59"					F-48-34-C+D
suối Bản Sát	TV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa			22° 33' 37"	10° 63' 40"	22° 33' 08"	106° 34' 47"	F-48-34-C+D
xóm Bó Luông	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 31' 29"	106° 32' 41"					F-48-34-C+D
núi Bó Mẹ	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 32' 19"	106° 33' 07"					F-48-34-C+D
xóm Bó Nộc - Bó Tèng	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 12"	106° 32' 46"					F-48-34-C+D
suối Bó Tèng	TV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa			22° 33' 29"	106° 32' 46"	22° 31' 56"	106° 33' 47"	F-48-34-C+D
xóm Cốc Khuyết	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 34' 18"	106° 30' 30"					F-48-34-C+D
xóm Cốc Lùng	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa							
xóm Cốc Phường	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 31' 42"	106° 33' 59"					F-48-34-C+D
núi Cốc Phường	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 31' 31"	106° 33' 12"					F-48-34-C+D
núi Kéo Hích	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 32' 14"	106° 34' 52"					F-48-34-C+D
xóm Không Vắc - Rằng Keo	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 30"	106° 32' 06"					F-48-34-C+D
xóm Khưa Nính	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa							
suối Khuổi Lầu	TV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa			22° 32' 59"	106° 32' 11"	22° 31' 22"	106° 32' 17"	F-48-34-C+D
núi Lăng Rườn	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 35"	106° 35' 17"					F-48-34-C+D
núi Lũng Cân	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 45"	106° 34' 37"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Lũng Lầu	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 32' 32"	106° 33' 26"					F-48-34-C+D
núi Lũng Mây	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 31' 39"	106° 34' 43"					F-48-34-C+D
núi Lủng Nâu	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 32' 04"	106° 34' 07"					F-48-34-C+D
núi Lủng Nọi	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 26"	106° 34' 50"					F-48-34-C+D
núi Lũng Nưa	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 56"	106° 35' 37"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Om	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 31' 17"	106° 34' 47"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Riềng	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 28"	106° 33' 35"					F-48-34-C+D
núi Lũng Ruồm	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 30' 59"	106° 34' 30"					F-48-34-C+D
núi Lũng Tém	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 31' 11"	106° 34' 15"					F-48-34-C+D
Lũng Thính	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 34' 28"	106° 31' 21"					F-48-34-C+D
núi Lũng Vài	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 34' 03"	106° 35' 00"					F-48-34-C+D
xóm Nà Chích	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 17"	106° 35' 33"					F-48-34-C+D
suối Nà Niếng	TV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa			22° 33' 18"	106° 35' 02"	22° 33' 06"	106° 35' 23"	F-48-34-C+D
núi Ngườm Khoen	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 31' 25"	106° 33' 56"					F-48-34-C+D
Pác Liêng	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 32' 55"	106° 35' 14"					F-48-34-C+D
núi Phia Đeng	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 47"	106° 33' 11"					F-48-34-C+D
núi Phia Lắc	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 32' 46"	106° 33' 05"					F-48-34-C+D
núi Phia Luông	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 09"	106° 32' 30"					F-48-34-C+D
núi Ro Miếng	SV	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 36"	106° 34' 17"					F-48-34-C+D
xóm Sát Thượng	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 05"	106° 34' 28"					F-48-34-C+D
xóm Thang Nà	DC	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa							
đập Thủng Quây	KX	xã Đại Sơn	H. Phục Hòa	22° 33' 51"	106° 36' 06"					F-48-34-C+D
Bó Pha	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa							
xóm Bó Sẳng	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 38' 19"	106° 30' 30"					F-48-34-C+D
xóm Cốc Chia	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa							
xóm Cốc Đứa	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 38' 10"	106° 31' 16"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Ga Ma	SV	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 36' 47"	106° 32' 09"					F-48-34-C+D
xóm Hương Lỵ	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 38' 19"	106° 32' 01"					F-48-34-C+D
xóm Kéo Nạn	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 36' 44"	106° 31' 20"					F-48-34-C+D
xóm Khưa Mạnh	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 36' 17"	106° 31' 45"					F-48-34-C+D
núi Lũng Lạc	SV	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 39' 55"	106° 31' 20"					F-48-34-C+D
Lũng Liềng	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 38' 03"	106° 30' 57"					F-48-34-C+D
Nà Nhục	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 38' 45"	106° 31' 24"					F-48-34-C+D
xóm Nà Pài	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 38' 46"	106° 31' 39"					F-48-34-C+D
xóm Nà Suối A	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa							F-48-34-C+D
xóm Nà Suối B	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa							F-48-34-C+D
núi Sà Lai	SV	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 36' 49"	106° 30' 39"					F-48-34-C+D
xóm Ta Lạc	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 39' 07"	106° 31' 09"					F-48-34-C+D
xóm Thua Khua	DC	xã Hồng Đại	H. Phục Hòa	22° 39' 01"	106° 31' 18"					F-48-34-C+D
quốc lộ 3	KX	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa			22° 33' 25"	106° 29' 19"	22° 35' 03"	106° 28' 24"	F-48-34-C+D; F-48-33-D
xóm Bản Chang	DC	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 33' 56"	106° 28' 34"					F-48-33-D
xóm Bản Rằm	DC	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 32' 57"	106° 28' 59"					F-48-33-D
Sông Bằng Giang	TV	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa							
xóm Búng Ổ	DC	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 33' 09"	106° 28' 57"					F-48-33-D
núi Đỏng Sung	SV	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 33' 46"	106° 27' 12"					F-48-33-D
đèo Khau Chỉa	SV	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 33' 37"	106° 28' 59"					F-48-33-D
núi Khau Chỉa	SV	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 34' 35"	106° 29' 14"					F-48-33-D
xóm Lũng Chỉa	DC	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 33' 46"	106° 29' 29"					F-48-33-D
xóm Lũng Cọ	DC	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 34' 47"	106° 28' 43"					F-48-33-D
xóm Nà Dạ	DC	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 34' 10"	106° 27' 46"					F-48-33-D
núi Phia Luông	SV	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa	22° 34' 33"	106° 27' 59"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Sầm Xuyên	TV	xã Lương Thiện	H. Phục Hòa			22° 32' 49"	106° 29' 25"	22° 34' 41"	106° 27' 20"	F-48-33-D
đường tỉnh 208	KX	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa			22° 31' 56"	106° 30' 31"	22° 30' 20"	106° 28' 24"	F-48-33-C; F-48-33-D
núi Ái Nhì	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 29' 10"	106° 32' 02"					F-48-46-A
xóm Bản Đơ (Bản Đâu)	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa							
suối Bản Neng	TV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa			22° 30' 21"	106° 28' 25"	22° 31' 37"	106° 30' 40"	F-48-33-D; F-48-34-C+D
suối Bản Phân	TV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa			22° 27' 58"	106° 31' 26"	22° 27' 29"	106° 32' 04"	F-48-46-A
sông Bằng Giang	TV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa			22° 32' 46"	106° 28' 43"	22° 28' 24"	106° 34' 17"	F-48-33-D; F-48-34-C+D; F-48-46-A
xóm Bó Lếch	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 31' 37"	106° 30' 53"					F-48-34-C+D
núi Hắc Luông	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 30' 46"	106° 30' 53"					F-48-34-C+D
núi Hia Nhan	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 28' 08"	106° 32' 30"					F-48-46-A
núi Khuổi Thôm	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 31' 10"	106° 29' 11"					F-48-33-D
núi Ki Dép	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 28' 51"	106° 32' 15"					F-48-46-A
xóm Lăng Bản	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa							
xóm Lập Phân	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 27' 52"	106° 31' 57"					F-48-46-A
núi Lũng Om	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	2° 22' 88"	106° 33' 29"					F-48-46-A
xóm Lũng Vài	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa							
núi Mã Lâm	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 28' 35"	106° 32' 29"					F-48-46-A
núi Mã Quỷnh	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 27' 44"	106° 32' 14"					F-48-46-A
xóm Mẩu	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 28' 56"	106° 33' 10"					F-48-46-A
Mới	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 29' 59"	106° 31' 56"					F-48-34-C+D
xóm Nà Bó	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 31' 25"	106° 30' 27"					F-48-34-C+D
xóm Nà Chào	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Nà Lập	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 27' 59"	106° 32' 25"					F-48-46-A
xóm Nà Lếch	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa							
xóm Nà Phường	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa							
xóm Nà Quang	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 30' 04"	106° 31' 34"					F-48-34-C+D
xóm Nà Riềng	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 29' 31"	106° 32' 34"					F-48-46-A
xóm Nà Thắm	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 29' 02"	106° 33' 40"					F-48-46-A
núi Nà Vẹn	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 28' 14"	106° 31' 30"					F-48-46-A
Nặm Khao	KX	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa							F-48-33-C; F-48-33-D
xóm Nặm Tốc	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa							
Ngườm Lồm	KX	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa							F-48-33-C; F-48-33-D
núi Phe Rượt	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 28' 52"	106° 32' 49"					F-48-46-A
núi Pho Luông	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 29' 22"	106° 31' 46"					F-48-46-A
xóm Pò Hầu	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa							
núi Rõng Cài	SV	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 28' 16"	106° 31' 47"					F-48-46-A
xóm Tục Mỹ	DC	xã Mỹ Hưng	H. Phục Hòa	22° 31' 34"	106° 30' 30"					F-48-34-C+D
xóm Ba Liên	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 32' 29"	106° 26' 22"					F-48-33-D
xóm Bản Chập	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 32' 43"	106° 26' 06"					F-48-33-D
xóm Bản Ruồng	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 30' 50"	106° 27' 03"					F-48-33-D
sông Bằng Giang	TV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa			22° 33' 08"	106° 23' 49"	22° 32' 46"	106° 28' 42"	F-48-33-D
xóm Bình Lâu - Thác Lao	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa							
núi Chư Giai	SV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 30' 31"	106° 26' 59"					F-48-33-D
núi Cốc Đứa	SV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 30' 43"	106° 28' 19"					F-48-33-D
suối Giuồng	TV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa			22° 30' 32"	106° 27' 15"	22° 32' 40"	106° 25' 35"	F-48-33-D
xóm Khau Chẻ	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 32' 18"	106° 23' 55"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khuổi Én	TV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa			22° 30' 24"	106° 27' 44"	22° 32' 46"	106° 28' 43"	F-48-33-D
Lâu Nưa	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 33' 09"	106° 25' 11"					F-48-33-D
Lâu Tẩư	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 33' 38"	106° 25' 31"					F-48-33-D
Nà Khao	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 31' 52"	106° 28' 03"					F-48-33-D
xóm Nà Mười	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 32' 14"	106° 25' 59"					F-48-33-D
xóm Nà Phia	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 31' 54"	106° 26' 27"					F-48-33-D
xóm Ngườm Cuông	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa							
xóm Nưa Khau	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 32' 12"	106° 26' 50"					F-48-33-D
núi Pà Nót	SV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 33' 14"	106° 26' 10"					F-48-33-D
xóm Pác Rắc - Lũng Liềng	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 34' 07"	106° 26' 26"					F-48-33-D
xóm Pác Râm	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa							
núi Phia Giả	SV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 31' 52"	106° 25' 22"					F-48-33-D
núi Phia Khao	SV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 31' 30"	106° 26' 04"					F-48-33-D
núi Phia Sung	SV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 30' 59"	106° 26' 21"					F-48-33-D
xóm Phiêng Cọn - Háng Mấu	DC	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 34' 01"	106° 25' 39"					F-48-33-D
núi Pò Mệt	SV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 32' 17"	106° 24' 25"					F-48-33-D
núi Pù Biểu	SV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 32' 39"	106° 27' 18"					F-48-33-D
núi Roóng Nọi	SV	xã Tiên Thành	H. Phục Hòa	22° 31' 51"	106° 27' 10"					F-48-33-D
sông Bắc Vọng	TV	xã Triệu Ẩu	H. Phục Hòa			22° 40' 22"	106° 35' 04"	22° 35' 50"	106° 35' 55"	F-48-34-C+D
xóm Bản Buống	DC	xã Triệu Ẩu	H. Phục Hòa	22° 37' 17"	106° 32' 48"					F-48-34-C+D
xóm Bản Co	DC	xã Triệu Ẩu	H. Phục Hòa	22° 39' 11"	106° 35' 15"					F-48-34-C+D
xóm Bản Sàng	DC	xã Triệu Ẩu	H. Phục Hòa							
Hoằng Xà	DC	xã Triệu Ẩu	H. Phục Hòa							
xóm Khún Hạ	DC	xã Triệu Ẩu	H. Phục Hòa	22° 38' 07"	106° 34' 19"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Khún Thượng	DC	xã Triệu Ẩu	H. Phục Hòa	22° 37' 30"	106° 34' 50"					F-48-34-C+D
suối Khuổi Kheng	TV	xã Triệu Ẩu	H. Phục Hòa			22° 36' 52"	106° 34' 29"	22° 37' 40"	106° 33' 37"	F-48-34-C+D
xóm Khuổi Khuông	DC	xã Triệu Ẩu	H. Phục Hòa	22° 37' 35"	106° 33' 42"					F-48-34-C+D
Khuổi Rung	DC	xã Triệu Ẩu	H. Phục Hòa							
núi Lũng Phia	SV	xã Triệu Ẩu	H. Phục Hòa	22° 38' 17"	106° 32' 32"					F-48-34-C+D
Nà Khọt	DC	xã Triệu Ẩu	H. Phục Hòa	22° 38' 40"	106° 34' 26"					F-48-34-C+D
xóm Nà Lòa	DC	xã Triệu Ẩu	H. Phục Hòa	22° 39' 39"	106° 35' 06"					F-48-34-C+D
Nà Pài	DC	xã Triệu Ẩu	H. Phục Hòa	22° 39' 28"	106° 35' 26"					F-48-34-C+D
xóm Nà Sao	DC	xã Triệu Ẩu	H. Phục Hòa	22° 37' 33"	106° 32' 37"					F-48-34-C+D
núi Pác Mơ	SV	xã Triệu Ẩu	H. Phục Hòa	22° 36' 25"	106° 35' 25"					F-48-34-C+D
xóm Phia Chiếu	DC	xã Triệu Ẩu	H. Phục Hòa							
xóm Roong Phàng	DC	xã Triệu Ẩu	H. Phục Hòa							
xóm Tha Miang	DC	xã Triệu Ẩu	H. Phục Hòa	22° 37' 12"	106° 33' 07"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 206	KX	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên			22° 41' 53"	106° 26' 28"	22° 41' 24"	106° 26' 27"	F-48-33-D
miếu Bách Linh	KX	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên							F-48-33-D
Đầu Khung	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên							
tổ dân phố Đông Thái	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên	22° 41' 44"	106° 26' 36"					F-48-33-D
tổ dân phố Hòa Bình	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên							
tổ dân phố Hòa Nam	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên	22° 41' 31"	106° 26' 20"					F-48-33-D
tổ dân phố Hòa Trung	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên							
tổ dân phố Hồng Thái	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên							
tổ dân phố Phố Cũ	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên	22° 41' 48"	106° 26' 25"					F-48-33-D
tổ dân phố Phố Mới	DC	TT. Quảng Uyên	H. Quảng Uyên							
sông Bắc Vọng	TV	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên			22° 43' 50"	106° 28' 00"	22° 43' 00"	106° 28' 54"	F-48-33-D
xóm Bản Nưa	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 02"	106° 30' 57"					F-48-34-C+D
núi Bo Săm	SV	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 24"	106° 29' 38"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đâư Rằng - Nà Đâư	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 42' 55"	106° 30' 29"					F-48-34-C+D
xóm Khung Lũng	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 11"	106° 29' 06"					F-48-33-D
núi Lũng Lạn	SV	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 25"	106° 30' 11"					F-48-34-C+D
núi Nả	SV	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 42' 52"	106° 29' 36"					F-48-33-D
xóm Nà Chá 1	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 33"	106° 28' 47"					F-48-33-D
xóm Nà Chá 2	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 44' 16"	106° 28' 28"					F-48-33-D
xóm Nà Chá 3	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 39"	106° 28' 16"					F-48-33-D
xóm Nà Lèng 1	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên							F-48-33-D
xóm Nà Lèng 2	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên							F-48-33-D
núi Nhà Làng	SV	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 59"	106° 30' 18"					F-48-34-C+D
xóm Nưa Thôm	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 18"	106° 30' 27"					F-48-34-C+D
núi Pò Cáy	SV	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 54"	106° 28' 13"					F-48-33-D
xóm Sộc Lạn	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên							
Thông Khuôn	DC	xã Bình Lăng	H. Quảng Uyên	22° 43' 13"	106° 30' 03"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 207	KX	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên			22° 41' 08"	106° 30' 24"	22° 41' 51"	106° 34' 03"	F-48-34-C+D
xóm Bản Un	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 40' 56"	106° 32' 29"					F-48-34-C+D
xóm Bản Vươn	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên							
xóm Báng Hạ	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên							
xóm Báng Trên	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên							
Cốc Cuổi	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 40' 16"	106° 33' 27"					F-48-34-C+D
xóm Háng Chẩu	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên							
xóm Kéo Quân - Nặm Cáp	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 41' 17"	106° 33' 32"					F-48-34-C+D
đèo Khau Mòn	SV	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 41' 53"	106° 33' 38"					F-48-34-C+D
Lũng Guộc	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 39' 42"	106° 32' 30"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Hoài - Đoỏng Mo	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 41' 09"	106° 30' 46"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Luông	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 40' 35"	106° 33' 54"					F-48-34-C+D
Lũng Nọi	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 40' 46"	106° 33' 28"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Ra	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 39' 49"	106° 33' 38"					F-48-34-C+D
Lũng Thàn	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên							
núi Lũng Thang	SV	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 40' 34"	106° 30' 14"					F-48-34-C+D
núi Lũng Vọng	SV	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 39' 10"	106° 33' 55"					F-48-34-C+D
suối Luốc Cương	TV	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên							
xóm Nà Tẩu	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 40' 26"	106° 30' 11"					F-48-34-C+D
xóm Pác Nặm	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 41' 05"	106° 31' 50"					F-48-34-C+D
Pác Sau	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên							
xóm Phia Chín	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 40' 10"	106° 32' 28"					F-48-34-C+D
núi Phia Linh	SV	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 41' 39"	106° 31' 33"					F-48-34-C+D
xóm Rằng Vỹ - Thình Khau	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 41' 56"	106° 32' 25"					F-48-34-C+D
Tẩu Nặm	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 39' 01"	106° 32' 33"					F-48-34-C+D
xóm Thang Lũng	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 40' 27"	106° 31' 09"					F-48-34-C+D
xóm Thình Phù	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên							
xóm Thông Than	DC	xã Cai Bộ	H. Quảng Uyên	22° 41' 58"	106° 33' 04"					F-48-34-C+D
quốc lộ 3	KX	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên			22° 39' 42"	106° 26' 22"	22° 41' 24"	106° 25' 44"	F-48-33-D
xóm An Mạ	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 40' 58"	106° 26' 57"					F-48-33-D
xóm Bó Cái	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 40' 36"	106° 28' 40"					F-48-33-D
xóm Canh Man	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 40' 15"	106° 26' 16"					F-48-33-D
xóm Cốc Coóc	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên							
xóm Cốc Tắn	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 41' 01"	106° 26' 28"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đồng Ất - Lũng Phầy	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 41' 07"	106° 26' 14"					F-48-33-D
Đông Bó Lình	KX	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên							F-48-33-D
xóm Giao Hạ	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên							
xóm Giao Thượng	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên							
núi Khâm Phục	SV	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 39' 33"	106° 26' 56"					F-48-33-D
Khò Ma	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 39' 36"	106° 29' 23"					F-48-33-D
xóm Khưa Lay	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 39' 53"	106° 29' 20"					F-48-33-D
xóm Lũng Lù	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 39' 52"	106° 27' 28"					F-48-33-D
xóm Lũng Lỳ	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 41' 06"	106° 27' 58"					F-48-33-D
xóm Lũng Miêng	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 40' 05"	106° 29' 16"					F-48-33-D
xóm Lũng Ngườm	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 39' 57"	106° 26' 43"					F-48-33-D
xóm Lũng Ngưu	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 41' 39"	106° 27' 26"					F-48-33-D
xóm Lũng Nu	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 38' 59"	106° 27' 46"					F-48-33-D
Lũng Ỏ	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 41' 27"	106° 26' 01"					F-48-33-D
Lũng Roạt	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 40' 23"	106° 28' 44"					F-48-33-D
xóm Nà Rạc	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 40' 32"	106° 27' 23"					F-48-33-D
xóm Pác Nà - Kéo Pắc	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 38' 59"	106° 30' 13"					F-48-34-C+D
núi Phia Khao	SV	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 41' 14"	106° 28' 17"					F-48-33-D
xóm Sai Khang	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 39' 08"	106° 29' 46"					F-48-33-D
xóm Tắc Kha	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 40' 09"	106° 28' 02"					F-48-33-D
xóm Tộc Ngôn	DC	xã Chí Thảo	H. Quảng Uyên	22° 41' 37"	106° 26' 49"					F-48-33-D
xóm Bản Chang	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 41' 14"	106° 21' 14"					F-48-33-D
xóm Cô Ra	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 40' 41"	106° 21' 23"					F-48-33-D
xóm Cốc Pheo - Pò Rẻ	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 40' 54"	106° 21' 31"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lạn Dưới	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 41' 09"	106° 22' 30"					F-48-33-D
xóm Lạn Trên	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 41' 32"	106° 22' 02"					F-48-33-D
núi Lũng Vai	SV	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 41' 47"	106° 21' 22"					F-48-33-D
xóm Lũng Vài	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 40' 27"	106° 22' 00"					F-48-33-D
xóm Pác Cạm	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 41' 24"	106° 21' 29"					F-48-33-D
xóm Pác Tàn	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 39' 37"	106° 22' 02"					F-48-33-D
núi Tặc Kheo	SV	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 41' 45"	106° 20' 51"					F-48-33-D
núi Tát Khao	SV	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 39' 16"	106° 21' 43"					F-48-33-D
xóm Thang Lũng	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 40' 21"	106° 21' 35"					F-48-33-D
xóm Thiêng Vài	DC	xã Đoài Khôn	H. Quảng Uyên	22° 40' 38"	106° 21' 36"					F-48-33-D
đường tỉnh 207	KX	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên			22° 41' 08"	106° 30' 24"	22° 42' 43"	106° 27' 04"	F-48-34-C+D; F-48-33-D
sông Bắc Vọng	TV	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên			22° 43' 00"	106° 28' 54"	22° 40' 21"	106° 29' 56"	F-48-33-D
xóm Chắm Ché	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 09"	106° 27' 59"					F-48-33-D
xóm Đoỏng Pán 1	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 17"	106° 30' 10"					F-48-34-C+D
xóm Đoỏng Pán 2	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 17"	106° 30' 10"					F-48-34-C+D
xóm Đoỏng Pán 3	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 17"	106° 30' 10"					F-48-34-C+D
núi Khau Kheo	SV	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 54"	106° 30' 27"					F-48-34-C+D
Khôn Pán	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 44"	106° 30' 15"					F-48-34-C+D
hồ Khưa Luông	TV	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên			22° 40' 38"	106° 29' 47"	22° 40' 38"	106° 29' 47"	F-48-33-D
Lũng Răm	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 31"	106° 29' 40"					F-48-33-D
xóm Nà Cháu	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 50"	106° 29' 19"					F-48-33-D
xóm Nà Phục	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 54"	106° 28' 38"					F-48-33-D
xóm Nà Sao	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 29"	106° 28' 36"					F-48-33-D
thủy điện Nà Tở (Nà Tâư)	KX	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 01"	106° 28' 44"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Vường 1	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên							F-48-33-D
xóm Nà Vường 2	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 21"	106° 29' 07"					F-48-33-D
xóm Nặm Pản	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 38"	106° 27' 17"					F-48-33-D
cầu Ngườm Đẳn	KX	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 10"	106° 27' 41"					F-48-33-D
xóm Pác Đa	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 41' 03"	106° 29' 32"					F-48-33-D
Pắc Không	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 34"	106° 27' 30"					F-48-33-D
xóm Pác Lũng	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 35"	106° 29' 01"					F-48-33-D
Pắc Mất	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 19"	106° 27' 30"					F-48-33-D
xóm Phò Muồng	DC	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 05"	106° 28' 36"					F-48-33-D
núi Roỏng Loỏng	SV	xã Độc Lập	H. Quảng Uyên	22° 42' 02"	106° 29' 35"					F-48-33-D
quốc lộ 3	KX	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên			22° 35' 03"	106° 28' 24"	22° 36' 27"	106° 28' 02"	F-48-33-D
Bản Đăm	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 36' 16"	106° 25' 07"					F-48-33-D
xóm Bản Hoán	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 35' 26"	106° 26' 11"					F-48-33-D
xóm Bản Khau	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 36' 16"	106° 25' 39"					F-48-33-D
xóm Bản Tin	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 35' 54"	106° 26' 18"					F-48-33-D
xóm Bình Linh - Phia Đeng	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 35' 08"	106° 27' 11"					F-48-33-D
xóm Bó Huy	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 36' 21"	106° 26' 03"					F-48-33-D
Kéo Mò	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 35' 23"	106° 26' 55"					F-48-33-D
đèo Khau Chỉa	SV	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên							F-48-33-D
xóm Lũng Luông	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên							
xóm Lũng Luông - Lũng Nhùng	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 35' 54"	106° 28' 28"					F-48-33-D
xóm Lũng Tao	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 36' 27"	106° 27' 37"					F-48-33-D
núi Lũng Xe	SV	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 36' 30"	106° 28' 32"					F-48-33-D
xóm Nà Bó	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 36' 53"	106° 26' 07"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Luông	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 35' 53"	106° 25' 23"					F-48-33-D
xóm Phia Túm	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên							
suối Sầm Xuyên	TV	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên			22° 36' 01"	106° 26' 04"	22° 34' 41"	106° 27' 20"	F-48-33-D
xóm Thôm Đán	DC	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên	22° 34' 32"	106° 26' 23"					F-48-33-D
suối Thoóc Kéo	TV	xã Hạnh Phúc	H. Quảng Uyên			22° 36' 19"	106° 24' 55"	22° 35' 04"	106° 26' 20"	F-48-33-D
xóm Bản Áo	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 37' 20"	106° 25' 24"					F-48-33-D
xóm Bản Lộng	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 36' 43"	106° 25' 20"					F-48-33-D
Bó Luông	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 36' 44"	106° 24' 39"					F-48-33-D
xóm Bó Mèo	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 36' 55"	106° 25' 03"					F-48-33-D
suối Bó Ru	TV	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên			22° 36' 40"	106° 25' 31"	22° 36' 50"	106° 24' 50"	F-48-33-D
núi Chắm Ché	SV	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 33' 45"	106° 24' 15"					F-48-33-D
xóm Cốc Chia	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 36' 29"	106° 24' 49"					F-48-33-D
xóm Lũng Cà - Lũng Kít	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 34' 48"	106° 24' 13"					F-48-33-D
xóm Lũng Muông 1	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 35' 19"	106° 24' 55"					F-48-33-D
xóm Lũng Muông 2	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 35' 03"	106° 24' 32"					F-48-33-D
xóm Lũng Muông 3	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên							
xóm Lũng Nhân	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 36' 15"	106° 24' 01"					F-48-33-D
xóm Lũng Ỏ - Lũng Đẩy	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 35' 37"	106° 23' 29"					F-48-33-D
Lũng Tàn	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 35' 33"	106° 23' 09"					F-48-33-D
xóm Lũng Tàn - Lũng Nhùng	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 35' 08"	106° 23' 22"					F-48-33-D
xóm Lũng Thốc	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 34' 09"	106° 24' 16"					F-48-33-D
xóm Nà Tha	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 36' 48"	106° 25' 26"					F-48-33-D
xóm Thông Thá	DC	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 36' 06"	106° 24' 20"					F-48-33-D
núi Y Hà	SV	xã Hoàng Hải	H. Quảng Uyên	22° 34' 29"	106° 23' 35"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 3	KX	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên			22° 36' 27"	106° 28' 02"	22° 39' 42"	106° 26' 22"	F-48-33-D
xóm Bản Vẹn	KX	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 37' 08"	106° 27' 18"					F-48-33-D
xóm Bó Luông	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 37' 23"	106° 27' 39"					F-48-33-D
xóm Bó Mắn	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 38' 01"	106° 27' 16"					F-48-33-D
xóm Bó Nọi	DA0 SV	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 36' 48"	106° 28' 02"					F-48-33-D
xóm Diển Hạ	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 38' 22"	106° 26' 31"					F-48-33-D
xóm Diển Trung	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 38' 18"	106° 26' 17"					F-48-33-D
xóm Lạc Diển Thượng	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 38' 28"	106° 26' 40"					F-48-33-D
xóm Lăng Phia	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 37' 26"	106° 27' 16"					F-48-33-D
xóm Lũng Lang	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 38' 40"	106° 26' 40"					F-48-33-D
xóm Lũng Mặc	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 38' 58"	106° 26' 14"					F-48-33-D
xóm Lũng Noa	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 39' 30"	106° 26' 26"					F-48-33-D
xóm Lũng Rì	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 39' 00"	106° 27' 03"					F-48-33-D
xóm Lũng Xỏm	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 37' 54"	106° 26' 33"					F-48-33-D
xóm Pác Nà	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 37' 19"	106° 27' 09"					F-48-33-D
xóm Pác Noạng	DC	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 36' 56"	106° 27' 41"					F-48-33-D
xóm Phia Khao	DA0 TV	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 37' 35"	106° 27' 04"					F-48-33-D
xóm Rắp Phia	SV	xã Hồng Định	H. Quảng Uyên	22° 37' 10"	106° 27' 47"					F-48-33-D
xóm Bó Ngùa	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 36' 12"	106° 29' 39"					F-48-33-D
xóm Cốc Chủ	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 36' 00"	106° 30' 23"					F-48-34-C+D
Lũng Cải	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên							
xóm Lũng Cút - Lũng Nà	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 35' 03"	106° 29' 33"					F-48-33-D
Lũng Đeng	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên							
xóm Lũng Hoóc	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 37' 29"	106° 29' 49"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Lũng khau	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên							
Lũng My	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 38' 21"	106° 29' 06"					F-48-33-D
xóm Lũng My - Chí Mu	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 38' 05"	106° 29' 10"					F-48-33-D
xóm Lũng Nậu - Lũng Tón	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 36' 42"	106° 29' 15"					F-48-33-D
xóm Lũng Nội	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên							
xóm Lũng Ồ - Lũng Nội - Lũng Sạng	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 38' 24"	106° 28' 22"					F-48-33-D
xóm Lũng Phiệt	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 36' 25"	106° 29' 30"					F-48-33-D
xóm Lũng Riếng	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 35' 26"	106° 30' 15"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Ry	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 38' 52"	106° 29' 04"					F-48-33-D
xóm Nà Sào	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 35' 10"	106° 30' 09"					F-48-34-C+D
xóm Pác Nà	DC	xã Hồng Quang	H. Quảng Uyên	22° 36' 28"	106° 28' 55"					F-48-33-D
xóm Bản Áo	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 08"	106° 24' 33"					F-48-33-D
xóm Bó Khiếng - Bó Chưởng	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 20"	106° 23' 14"					F-48-33-D
xóm Búng Thầu	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 13"	106° 24' 05"					F-48-33-D
núi Co Chở	SV	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 46"	106° 21' 53"					F-48-33-D
Cốc Quân	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 36' 06"	106° 22' 43"					F-48-33-D
xóm Đống Đa	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 47"	106° 23' 40"					F-48-33-D
xóm Lũng Mạ - Lũng Mong	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 36' 38"	106° 23' 25"					F-48-33-D
xóm Lũng Nà - Thang Lũng	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 36' 57"	106° 23' 52"					F-48-33-D
xóm Lũng Nhàu	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 33"	106° 25' 01"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Niền	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 36' 31"	106° 22' 42"					F-48-33-D
xóm Lũng Pảng - Lũng Cải	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 45"	106° 22' 11"					F-48-33-D
xóm Lũng Thoong	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 38' 04"	106° 23' 05"					F-48-33-D
xóm Nà Du	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 54"	106° 24' 27"					F-48-33-D
xóm Phia Cang	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 58"	106° 23' 52"					F-48-33-D
xóm Phia Đoỏng	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên							
xóm Phò Đoỏng	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 37"	106° 24' 39"					F-48-33-D
xóm Sộc Cốc	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 19"	106° 24' 59"					F-48-33-D
xóm Tẩu Kéo	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 30"	106° 23' 46"					F-48-33-D
xóm Tẩu Thoong	DC	xã Ngọc Động	H. Quảng Uyên	22° 37' 52"	106° 23' 17"					F-48-33-D
xóm Bản Cải	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 45"	106° 24' 02"					F-48-33-D
xóm Bản Chang	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên							
xóm Bản Châu	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 43' 27"	106° 24' 30"					F-48-33-D
xóm Bản Giáp	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 46' 19"	106° 23' 59"					F-48-33-B
xóm Bản Hoe	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 47' 00"	106° 24' 45"					F-48-33-B
xóm Bản Quản 1	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên							F-48-33-D
xóm Bản Quản 2	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên							F-48-33-D
xóm Bản Rằng	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 43' 37"	106° 23' 19"					F-48-33-D
xóm Bản Thiết	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 04"	106° 22' 23"					F-48-33-D
Bắng Bắc	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 46' 08"	106° 24' 23"					F-48-33-B
xóm Bó Lạ	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 43' 17"	106° 24' 19"					F-48-33-D
Búng Kheo	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 14"	106° 24' 13"					F-48-33-D
xóm Cáp Tao	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên							
Cốc Cam	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 24"	106° 23' 54"					F-48-33-D
xóm Cốc Phia	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 47' 02"	106° 23' 59"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đông Ké	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 46' 53"	106° 24' 06"					F-48-33-B
xóm Đoỏng Chang	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 45' 23"	106° 23' 22"					F-48-33-B
Khuổi Bây	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 46' 37"	106° 22' 06"					F-48-33-B
núi Khuổi Bây	SV	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 46' 50"	106° 22' 25"					F-48-33-B
suối Khuổi Bây	TV	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên			22° 46' 55"	106° 21' 54"	22° 46' 25"	106° 21' 18"	F-48-33-B
Khuổi Mòn	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 46' 01"	106° 21' 52"					F-48-33-B
núi Khuổi Râu	SV	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 45' 41"	106° 22' 48"					F-48-33-B
Khuổi Rị	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 46' 10"	106° 22' 10"					F-48-33-B
xóm Khuổi Xàm	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 45' 38"	106° 22' 05"					F-48-33-B
xóm Khuổi Xỏm	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 45' 45"	106° 21' 59"					F-48-33-B
xóm Lũng Búng	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 03"	106° 24' 25"					F-48-33-D
xóm Lũng Điến	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 02"	106° 24' 08"					F-48-33-D
núi Lũng Nặm	SV	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 45' 42"	106° 24' 16"					F-48-33-B
xóm Lũng Rượi	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên							
núi Lũng Úc	SV	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 47' 10"	106° 22' 57"					F-48-33-B
xóm Nà Giáng	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 30"	106° 24' 11"					F-48-33-D
xóm Nà Lái	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 45' 01"	106° 23' 41"					F-48-33-D
hang Ngườm Vài	SV	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 43' 36"	106° 25' 25"					F-48-33-D
núi Nhà Mạc	SV	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 43' 52"	106° 25' 20"					F-48-33-D
Pác Kéo	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 46' 35"	106° 24' 30"					F-48-33-B
Pác Lũng	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 43' 53"	106° 23' 24"					F-48-33-D
núi Phia Dả	SV	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 47' 23"	106° 24' 44"					F-48-33-B
Phia Đeng	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 53"	106° 22' 13"					F-48-33-D
Phia Lăm	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 43' 44"	106° 24' 26"					F-48-33-D
Phò Rây	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 43' 55"	106° 24' 26"					F-48-33-D
núi Pò Khà	SV	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 47' 07"	106° 21' 46"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Pò Noa	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 43' 26"	106° 23' 18"					F-48-33-D
hang Rù Dặp	SV	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên							
xóm Sộc Huỳnh	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 43' 44"	106° 23' 00"					F-48-33-D
xóm Sộc Phạ	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 12"	106° 23' 48"					F-48-33-D
xóm Sộc Tém	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 44' 40"	106° 23' 47"					F-48-33-D
Thua Úc	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 45' 18"	106° 22' 33"					F-48-33-B
Tong Meng	DC	xã Phi Hải	H. Quảng Uyên	22° 45' 15"	106° 22' 01"					F-48-33-B
quốc lộ 3	KX	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên			22° 41' 24"	106° 25' 44"	22° 41' 50"	106° 22' 32"	F-48-33-D
Bản Ý	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên	22° 41' 53"	106° 23' 07"					F-48-33-D
xóm Chang Dưới	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên	22° 40' 53"	106° 25' 02"					F-48-33-D
xóm Chang Trên	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên	22° 40' 53"	106° 24' 36"					F-48-33-D
xóm Đâu Cọ	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên	22° 40' 42"	106° 24' 54"					F-48-33-D
xóm Khào A	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên							F-48-33-D
xóm Khào B	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên							F-48-33-D
xóm Lũng Sâu	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên	22° 40' 29"	106° 24' 03"					F-48-33-D
Lũng Tú	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên							
xóm Lũng Vài	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên	22° 41' 29"	106° 24' 40"					F-48-33-D
xóm Pắc Rằng	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên	22° 41' 08"	106° 25' 10"					F-48-33-D
Thanh Minh	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên							
xóm Tình Đông	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên	22° 41' 11"	106° 24' 48"					F-48-33-D
xóm Tở Đông (Tẩu Đông)	DC	xã Phúc Sen	H. Quảng Uyên	22° 41' 34"	106° 22' 49"					F-48-33-D
xóm Bản Làng	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 53"	106° 27' 03"					F-48-33-D
Bản Nưa	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 45' 20"	106° 27' 04"					F-48-33-B
xóm Bản Phò	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên							
xóm Cốc Nhan	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 43' 59"	106° 27' 25"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đầu Cầu	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên							
đèo Khau Liêu	SV	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 45' 14"	106° 27' 46"					F-48-33-B
xóm Khuổi Ry	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 45' 55"	106° 25' 23"					F-48-33-B
Lũng An	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên							
Lũng Linh	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 46' 40"	106° 25' 55"					F-48-33-B
Lũng Tẩu	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 46' 48"	106° 25' 09"					F-48-33-B
núi Lũng Vài	SV	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 45' 12"	106° 26' 16"					F-48-33-B
núi Mạ Lộc	SV	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên							
xóm Nà Cướm	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 40"	106° 26' 28"					F-48-33-D
Nà Ngườm	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 48"	106° 26' 30"					F-48-33-D
Nà Sao	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 32"	106° 27' 09"					F-48-33-D
xóm Nà Tạo	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên							
Nà Thông	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 30"	106° 26' 41"					F-48-33-D
xóm Nặm Phan	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 46' 03"	106° 26' 46"					F-48-33-B
xóm Pác Ái	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 20"	106° 26' 41"					F-48-33-D
Pác Lũng	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 45' 04"	106° 26' 54"					F-48-33-B
xóm Pác Mỷ	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 17"	106° 27' 19"					F-48-33-D
núi Phia Đắng	SV	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 46"	106° 27' 44"					F-48-33-D
núi Phia linh	SV	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên							
núi Phia Pẻn	SV	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 45' 16"	106° 27' 17"					F-48-33-B
núi Phia Phạ	SV	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên							
xóm Pò Rẻ - Nà Khà	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 47' 05"	106° 25' 58"					F-48-33-B
xóm Pò Riên	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 47' 13"	106° 26' 19"					F-48-33-B
xóm Thác Đét	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 32"	106° 27' 27"					F-48-33-D
xóm Tục Hỏa	DC	xã Quảng Hưng	H. Quảng Uyên	22° 44' 10"	106° 26' 48"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 3	KX	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên			22° 41' 50"	106° 22' 32"	22° 42' 58"	106° 21' 15"	F-48-33-D
xóm Bản Kỉnh	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 33"	106° 21' 49"					F-48-33-D
núi Cốc Càng	SV	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 43' 01"	106° 22' 13"					F-48-33-D
xóm Cốc Thuốt	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 41' 59"	106° 22' 25"					F-48-33-D
xóm Dìa Dưới	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 18"	106° 23' 39"					F-48-33-D
xóm Dìa Trên	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 47"	106° 23' 28"					F-48-33-D
xóm Lũng Hà	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 41' 34"	106° 24' 06"					F-48-33-D
xóm Lũng Man	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 21"	106° 24' 38"					F-48-33-D
xóm Lũng Ỏ	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 23"	106° 22' 51"					F-48-33-D
Lũng Sâu	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên							
núi Ngàm Luộc	SV	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 45"	106° 21' 13"					F-48-33-D
núi Pàn Làu	SV	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 43' 15"	106° 21' 48"					F-48-33-D
xóm Phia Thắp	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 02"	106° 22' 00"					F-48-33-D
xóm Phò Kheo	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 43' 09"	106° 21' 25"					F-48-33-D
xóm Phung Dưới	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 47"	106° 22' 45"					F-48-33-D
xóm Phung Trên	DC	xã Quốc Dân	H. Quảng Uyên	22° 42' 54"	106° 22' 04"					F-48-33-D
đường tỉnh 206	KX	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên			22° 41' 53"	106° 26' 28"	22° 43' 00"	106° 27' 19"	F-48-33-D
xóm Bản Chang	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 14"	106° 26' 09"					F-48-33-D
xóm Đà Vĩ Dưới	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 42"	106° 26' 45"					F-48-33-D
xóm Đà Vĩ Trên	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 49"	106° 25' 58"					F-48-33-D
xóm Lũng Đác	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên							
Lũng Đắc	SV	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 43' 43"	106° 26' 23"					F-48-33-D
Lũng Hà	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên							
xóm Lũng Luông	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 49"	106° 24' 54"					F-48-33-D
Lũng Nọi	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên							
Lũng Pán	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Lũng Phầu	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên							
xóm Lũng Riềng	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 22"	106° 25' 48"					F-48-33-D
Lũng Tạc	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 26"	106° 26' 15"					F-48-33-D
Lũng Vài	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 43' 01"	106° 26' 29"					F-48-33-D
DTLS Nhà ông Lã Văn Ho	KX	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên							
xóm Pác Bó	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 04"	106° 26' 11"					F-48-33-D
xóm Pác Cam	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 01"	106° 26' 35"					F-48-33-D
xóm Phia Khao	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 17"	106° 26' 39"					F-48-33-D
Tam Quốc	DA0 SV	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 42' 05"	106° 25' 26"					F-48-33-D
xóm Tam Quốc - Bản Lũng	DC	xã Quốc Phong	H. Quảng Uyên	22° 41' 55"	106° 25' 50"					F-48-33-D
bản Bách Hoặc	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 38' 49"	106° 24' 47"					F-48-33-D
xóm Bản Mới	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 52"	106° 23' 18"					F-48-33-D
xóm Bản Phảng	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 33"	106° 23' 05"					F-48-33-D
xóm Cô Rào	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 05"	106° 23' 12"					F-48-33-D
xóm Cốc Coóc	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 38' 53"	106° 22' 54"					F-48-33-D
xóm Gia Ngữ	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 12"	106° 22' 31"					F-48-33-D
xóm Kenh Choóng	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 06"	106° 22' 12"					F-48-33-D
xóm Kéo Rỏn	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 36"	106° 25' 16"					F-48-33-D
núi Lăng Sườn	SV	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 39"	106° 24' 25"					F-48-33-D
xóm Lũng Các	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 13"	106° 25' 44"					F-48-33-D
xóm Lũng Rỳ	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 40' 12"	106° 24' 54"					F-48-33-D
xóm Lũng Úc	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 38' 29"	106° 23' 38"					F-48-33-D
xóm Pác Khuổi	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 38' 50"	106° 24' 03"					F-48-33-D
xóm Phủ Nàm	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Thà Phù	DC	xã Tự Do	H. Quảng Uyên	22° 39' 13"	106° 23' 35"					F-48-33-D
tổ dân phố 1	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An							
tổ dân phố 2	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An							
tổ dân phố 3	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An							
tổ dân phố 4	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An							
tổ dân phố 5	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An							
suối Bó Bửn	TV	TT. Đông Khê	H. Thạch An							
suối Bó Loỏng	TV	TT. Đông Khê	H. Thạch An			22° 25' 49"	106° 25' 02"	22° 25' 40"	106° 25' 38"	F-48-45-B
xóm Chang Khuyên	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An	22° 26' 10"	106° 25' 40"					F-48-45-B
DTLS Chiến thắng Đông Khê	KX	TT. Đông Khê	H. Thạch An							F-48-46-A
xóm Đoỏng Lẹng	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An	22° 25' 39"	106° 26' 19"					F-48-45-B
xóm Khau Trường	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An							
xóm Nà Báng	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An	22° 26' 09"	106° 25' 18"					F-48-45-B
xóm Nà Cúm	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An	22° 25' 54"	106° 25' 22"					F-48-45-B
đồi Nà Cún	SV	TT. Đông Khê	H. Thạch An	22° 26' 21"	106° 25' 03"					F-48-45-B
xóm Nà Dề	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An	22° 25' 19"	106° 26' 43"					F-48-45-B
Nà Lùng	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An	22° 25' 21"	106° 25' 57"					F-48-45-B
xóm Nà Luồng	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An	22° 25' 29"	106° 25' 21"					F-48-45-B
xóm Pò Diểu	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An	22° 25' 47"	106° 25' 19"					F-48-45-B
xóm Slằng Péc	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An	22° 25' 56"	106° 26' 04"					F-48-45-B
Thôm Pò	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An	22° 25' 45"	106° 25' 44"					F-48-45-B
Thôm Tao	DC	TT. Đông Khê	H. Thạch An	22° 24' 38"	106° 27' 08"					F-48-45-B
khau Trường	SV	TT. Đông Khê	H. Thạch An	22° 25' 11"	106° 27' 12"					F-48-45-B
xóm Đông Muồng	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An							
khau Đoóc	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 31' 42"	106° 16' 08"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Kéo Ngoọng - Pác Mười	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 34' 37"	106° 13' 25"					F-48-33-C
xóm Khau Xả	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 32' 39"	106° 14' 30"					F-48-33-C
xóm Khuổi Mả	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An							
núi Khuổi Hăm	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 32' 44"	106° 13' 49"					F-48-33-C
xóm Khuổi Hoỏng	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 32' 29"	106° 16' 10"					F-48-33-D
xóm Khuổi Miầu (Khuổi Mjầu)	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 34' 09"	106° 15' 08"					F-48-33-D
núi Khuổi Thôm	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 32' 31"	106° 14' 48"					F-48-33-C
Khuổi Xòm	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 31' 08"	106° 17' 04"					F-48-33-D
Miầu Xòm	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 34' 15"	106° 15' 48"					F-48-33-D
xóm Nà Áng	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 35' 03"	106° 13' 36"					F-48-33-C
Nà Căm	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 34' 13"	106° 13' 07"					F-48-33-C
Nà Chang	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 32' 29"	106° 15' 07"					F-48-33-D
suối Nà Chang	TV	xã Canh Tân	H. Thạch An			22° 32' 07"	106° 14' 38"	22° 32' 23"	106° 16' 29"	F-48-33-D
xóm Nà Chang - Phai Siếng	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 31' 53"	106° 14' 44"					F-48-33-C
xóm Nà Chia	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An							
xóm Nà Cốc	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An							
núi Nà Cốc	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 33' 43"	106° 13' 41"					F-48-33-C
Nà Mặn	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 32' 22"	106° 17' 03"					F-48-33-D
suối Nà Mặn	TV	xã Canh Tân	H. Thạch An			22° 32' 37"	106° 17' 49"	22° 32' 29"	106° 16' 34"	F-48-33-D
Nà Quan	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 34' 39"	106° 13' 47"					F-48-33-C
xóm Pác Miải (Pác Mjải)	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 34' 03"	106° 14' 32"					F-48-33-C
Pác Mười	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 33' 58"	106° 13' 02"					F-48-33-C
núi Pác Mười	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 34' 23"	106° 12' 11"					F-48-33-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Pác Pẻn	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 35' 19"	106° 13' 38"					F-48-33-C
khau Pi	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 35' 25"	106° 12' 42"					F-48-33-C
núi Quân	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 36' 01"	106° 13' 18"					F-48-33-C
khau Rấu	SV	xã Canh Tân	H. Thạch An	22° 32' 59"	106° 16' 10"					F-48-33-D
xóm Tân Hòa	DC	xã Canh Tân	H. Thạch An							
xóm Bản Bung	DC	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 26' 00"	106° 28' 33"					F-48-45-B
xóm Bản Nhặn	DC	xã Danh Sỹ	H. Thạch An							
xóm Bản Pằng	DC	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 26' 02"	106° 29' 10"					F-48-45-B
xóm Bó Luông	DC	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 25' 49"	106° 28' 12"					F-48-45-B
suối Bó Luông	TV	xã Danh Sỹ	H. Thạch An			22° 30' 24"	106° 28' 05"	22° 25' 40"	106° 30' 00"	F-48-33-D
khau Cà	SV	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 26' 38"	106° 27' 42"					F-48-45-B
xóm Chộc Chẳng	DC	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 25' 06"	106° 30' 08"					F-48-46-A
núi Lũng Vai	SV	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 25' 25"	106° 28' 47"					F-48-45-B
suối Nà Hang	TV	xã Danh Sỹ	H. Thạch An			22° 26' 38"	106° 28' 05"	22° 25' 40"	106° 30' 00"	F-48-45-B
suối Nà Ngườm	TV	xã Danh Sỹ	H. Thạch An			22° 31' 57"	106° 19' 33"	22° 32' 51"	106° 20' 08"	F-48-33-D
khau Nà Pí	SV	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 26' 44"	106° 28' 19"					F-48-45-B
Nà Vài	DC	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 25' 45"	106° 29' 41"					F-48-45-B
xóm Pác Deng	DC	xã Danh Sỹ	H. Thạch An	22° 25' 13"	106° 30' 03"					F-48-46-A
suối Bản Là	TV	xã Đức Long	H. Thạch An			22° 27' 33"	106° 30' 44"	22° 27' 01"	106° 31' 25"	F-48-46-A
xóm Bản Mới	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 25' 58"	106° 32' 51"					F-48-46-A
xóm Bản Ngèn	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 27' 08"	106° 28' 49"					F-48-45-B
xóm Bản Pò	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 12"	106° 32' 39"					F-48-46-A
xóm Bản Vì	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 04"	106° 29' 47"					F-48-45-B
xóm Bản Viện	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 35"	106° 29' 46"					F-48-45-B
DTLS BCH chiến dịch BG năm 1950	KX	xã Đức Long	H. Thạch An							F-48-46-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Cốc Phường	SV	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 27' 33"	106° 28' 54"					F-48-45-B
DTLS Đồn Đà Lạn	KX	xã Đức Long	H. Thạch An							F-48-46-A
xóm Đoỏng Đeng	DC	xã Đức Long	H. Thạch An							
đồn biên phòng Đức Long	KX	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 18"	106° 31' 37"					F-48-46-A
núi Keng Phân	SV	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 27' 02"	106° 32' 14"					F-48-46-A
núi Khau Múc	SV	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 09"	106° 33' 36"					F-48-46-A
Khum Lường	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 16"	106° 30' 27"					F-48-46-A
xóm Là Dưới	DC	xã Đức Long	H. Thạch An							
Là Tẩu	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 27' 07"	106° 31' 20"					F-48-46-A
xóm Là Trên	DC	xã Đức Long	H. Thạch An							
núi Lầm Lường	SV	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 25' 50"	106° 31' 43"					F-48-46-A
núi Lũng Phản	SV	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 27' 03"	106° 32' 49"					F-48-46-A
suối Nà Đao	TV	xã Đức Long	H. Thạch An			22° 26' 24"	106° 30' 13"	22° 26' 37"	106° 32' 08"	F-48-46-A
xóm Nà Giới	DC	xã Đức Long	H. Thạch An							
Nà Lạn	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 01"	106° 32' 23"					F-48-46-A
xóm Nà Mản	DC	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 15"	106° 31' 14"					F-48-46-A
suối Nà Rị	TV	xã Đức Long	H. Thạch An			22° 26' 41"	106° 30' 14"	22° 26' 24"	106° 30' 13"	F-48-46-A
suối No Đạo	TV	xã Đức Long	H. Thạch An			22° 27' 01"	106° 29' 01"	22° 26' 36"	106° 29' 48"	F-48-45-B
núi Phia Tòn	SV	xã Đức Long	H. Thạch An	22° 26' 19"	106° 29' 42"					F-48-45-B
xóm Bản Tuồm	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 29' 58"	106° 16' 20"					F-48-45-B
núi Bàng Bia	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 25' 42"	106° 18' 20"					F-48-45-B
khuổi Cà	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 27' 09"	106° 16' 15"	22° 27' 46"	106° 16' 53"	F-48-45-B
núi Cạm Có	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 29' 07"	106° 17' 17"					F-48-45-B
xóm Cẩu Lặn	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 26' 04"	106° 18' 30"					F-48-45-B
núi Diều Phon	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 23"	106° 18' 27"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Đinh	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 27' 26"	10° 61' 92"	22° 26' 54"	106° 17' 57"	F-48-45-B
núi Đông Luông	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 30' 04"	106° 17' 52"					F-48-33-D
núi Đông Luông	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 29' 46"	106° 17' 19"					F-48-45-B
suối Đông Rấn	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 25' 34"	106° 18' 27"	22° 26' 14"	106° 18' 14"	F-48-45-B
xóm Đoỏng Đeng	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 29' 20"	106° 16' 31"					F-48-45-B
khuổi Gìn	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 28' 10"	106° 18' 49"	22° 27' 30"	106° 18' 08"	F-48-45-B
xóm Kéo Quý	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 32"	106° 17' 10"					F-48-45-B
núi Khau Piếc	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 30' 44"	106° 16' 02"					F-48-33-D
khau Khau Tó	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 26' 50"	106° 16' 52"					F-48-45-B
xóm Khuổi Chắn	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An							
Khuổi Chủ	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 26' 34"	106° 17' 00"					F-48-45-B
núi Khuổi Chủ	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 26' 16"	106° 17' 42"					F-48-45-B
Khuổi Gìn	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 27' 46"	106° 18' 23"					F-48-45-B
Khuổi Lạc	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 27' 39"	106° 16' 35"					F-48-45-B
Khuổi Mài	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 20"	106° 15' 34"					F-48-45-B
xóm Khuổi Phùm	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 25' 25"	106° 19' 02"					F-48-45-B
xóm Khuổi Phủng	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An							
Khuổi Tàng	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 29' 16"	106° 17' 24"					F-48-45-B
Khuổi Xỏm	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 26' 51"	106° 17' 55"					F-48-45-B
khau Ma	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 27' 44"	106° 18' 53"					F-48-45-B
khau Mài	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 47"	106° 15' 24"					F-48-45-B
khuổi Mài	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 27' 44"	106° 15' 33"	22° 29' 21"	106° 15' 22"	F-48-45-B
xóm Nà Cát	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 27' 30"	106° 19' 07"					F-48-45-B
Nà Hén	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 30' 30"	106° 15' 25"					F-48-33-D
suối Nà Hén	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 30' 09"	106° 15' 28"	22° 30' 39"	106° 15' 11"	F-48-33-D
xóm Nà Mèng	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 30' 13"	106° 16' 07"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khuổi Nà Mèng	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 29' 21"	106° 15' 22"	22° 30' 02"	106° 15' 46"	F-48-45-B
Nà Pẩu	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 27' 48"	106° 17' 13"					F-48-45-B
xóm Nà Pò	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 52"	106° 16' 48"					F-48-45-B
núi Phân Mẫn	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 24' 45"	106° 18' 53"					F-48-45-B
khuổi Phùm	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 25' 17"	106° 19' 26"	22° 26' 14"	106° 18' 14"	F-48-45-B
núi Pò Lầu	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 30' 30"	106° 17' 19"					F-48-33-D
khau Pứt	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 29' 50"	106° 16' 03"					F-48-45-B
khau Quân	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 30' 21"	106° 14' 28"					F-48-33-C
khau Sam Sẩu	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 29' 14"	106° 18' 23"					F-48-45-B
xóm Sộc Coóc	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 28"	106° 17' 25"					F-48-45-B
xóm Tác Mai	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An							
khuổi Tàng	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 29' 29"	106° 17' 31"	22° 29' 10"	106° 17' 05"	F-48-45-B
khau Tành	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 35"	106° 16' 01"					F-48-45-B
khau Tèng	SV	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 27' 29"	106° 15' 46"					F-48-45-B
Tềnh Tát	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 28' 34"	106° 17' 43"					F-48-45-B
suối Tềnh Tát	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 28' 37"	106° 18' 46"	22° 28' 28"	106° 17' 58"	F-48-45-B
Thin Théc	DC	xã Đức Thông	H. Thạch An	22° 27' 57"	106° 14' 22"					F-48-45-A
suối Thin Théc	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 27' 38"	106° 15' 03"	22° 29' 21"	106° 15' 22"	F-48-45-B
khuổi Tôm	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 29' 15"	106° 18' 59"	22° 28' 33"	106° 17' 43"	F-48-45-B
khuổi Tuồm	TV	xã Đức Thông	H. Thạch An			22° 30' 09"	106° 17' 07"	22° 29' 45"	106° 16' 23"	F-48-45-B; 33-D
quốc lộ 4A	KX	xã Đức Xuân	H. Thạch An			22° 21' 44"	106° 26' 22"	22° 25' 03"	106° 26' 02"	F-48-45-B
Bủng Kiếm	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 22' 05"	106° 26' 28"					F-48-45-B
khuổi Cay	TV	xã Đức Xuân	H. Thạch An			22° 24' 13"	106° 24' 22"	22° 24' 23"	106° 25' 45"	F-48-45-B
khuổi Đeng	TV	xã Đức Xuân	H. Thạch An			22° 24' 22"	106° 24' 29"	22° 24' 39"	106° 25' 31"	F-48-45-B
Khẻ Choòng	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 23' 42"	106° 25' 54"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lũng Diều	SV	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 22' 13"	106° 26' 07"					F-48-45-B
núi Lũng Nhảng	SV	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 22' 10"	106° 25' 36"					F-48-45-B
xóm Lũng Pác Khoang	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 24' 21"	106° 25' 39"					F-48-45-B
Nà Cay	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 24' 20"	106° 26' 00"					F-48-45-B
Nà Chang	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 24' 53"	106° 25' 22"					F-48-45-B
Nà Khèo	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 24' 49"	106° 25' 38"					F-48-45-B
xóm Nà Nhằng	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 23' 38"	106° 27' 04"					F-48-45-B
xóm Nà Pá	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 23' 53"	106° 26' 05"					F-48-45-B
xóm Nà Tục	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 24' 53"	106° 25' 57"					F-48-45-B
suối Nà Tục	TV	xã Đức Xuân	H. Thạch An			22° 23' 18"	106° 26' 21"	22° 24' 22"	106° 25' 58"	F-48-45-B
khau Nọc Sa	SV	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 23' 06"	106° 26' 50"					F-48-45-B
xóm Pác Khoang	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 24' 06"	106° 24' 05"					F-48-45-B
xóm Pác Lũng	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 22' 10"	106° 27' 30"					F-48-45-B
núi Phia Luông	SV	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 22' 55"	106° 26' 00"					F-48-45-B
khau Siểm	SV	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 23' 38"	106° 24' 43"					F-48-45-B
nhà máy Than Cốc	KX	xã Đức Xuân	H. Thạch An							F-48-45-B
xóm Tục Ngã	DC	xã Đức Xuân	H. Thạch An	22° 23' 29"	106° 26' 26"					F-48-45-B
quốc lộ 4A	KX	xã Kim Đồng	H. Thạch An			22° 30' 12"	106° 20' 41"	22° 35' 02"	106° 18' 38"	F-48-33-D
xóm Bản Ba	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 33' 28"	106° 18' 12"					F-48-33-D
xóm Bản Sộc	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 34' 50"	106° 18' 39"					F-48-33-D
núi Cạm Ngần	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 33' 18"	106° 19' 34"					F-48-33-D
núi Chón Tạc	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 30' 44"	106° 18' 15"					F-48-33-D
xóm Chu Lăng	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 34' 15"	106° 20' 12"					F-48-33-D
núi Đông Đăm	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 32' 57"	106° 18' 26"					F-48-33-D
núi Khuổi Ác	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 32' 22"	106° 17' 55"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Khuổi Đăm	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 34' 27"	106° 18' 28"					F-48-33-D
xóm Khuổi Đẩy	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 30' 28"	106° 18' 40"					F-48-33-D
núi Khuổi Đeng	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 33' 45"	106° 18' 10"					F-48-33-D
Khuổi Dụ	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 18"	106° 18' 54"					F-48-33-D
xóm Khuổi Nạng	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 32' 20"	106° 18' 15"					F-48-33-D
núi Khuổi Phung	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 36"	106° 17' 55"					F-48-33-D
núi Khuổi Xá	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 34' 14"	106° 19' 17"					F-48-33-D
xóm Nà Chàm	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 33' 16"	106° 20' 27"					F-48-33-D
xóm Nà Khao	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 30' 31"	106° 19' 44"					F-48-33-D
suối Na Luông	TV	xã Kim Đồng	H. Thạch An			22° 30' 18"	106° 19' 48"	22° 31' 14"	106° 19' 35"	F-48-33-D
xóm Nà Ngườm	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 32' 30"	106° 20' 20"					F-48-33-D
suối Nà Ngườm	TV	xã Kim Đồng	H. Thạch An			22° 31' 57"	106° 19' 33"	22° 32' 51"	106° 20' 08"	F-48-33-D
xóm Nà Vai	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 32' 00"	106° 19' 09"					F-48-33-D
cầu Nà Vai	KX	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 59"	106° 19' 30"					F-48-33-D
xóm Nặm Nàng	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 21"	106° 19' 36"					F-48-33-D
cầu Nặm Nàng	KX	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 15"	106° 19' 37"					F-48-33-D
cầu Nặm Nàng 1	KX	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 27"	106° 19' 32"					F-48-33-D
cầu Nặm Nàng 2	KX	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 37"	106° 19' 34"					F-48-33-D
xóm Nặm Thẩu	DC	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 31' 47"	106° 20' 36"					F-48-33-D
khuổi Nạng	TV	xã Kim Đồng	H. Thạch An			22° 30' 24"	106° 18' 50"	22° 31' 57"	106° 18' 57"	F-48-33-D
núi Pá Đâu	SV	xã Kim Đồng	H. Thạch An	22° 33' 35"	106° 17' 46"					F-48-33-D
quốc lộ 4A	KX	xã Lê Lai	H. Thạch An			22° 26' 39"	106° 25' 12"	22° 27' 46"	106° 22' 58"	F-48-45-B
xóm Bản Cặm	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 27' 39"	106° 25' 51"					F-48-45-B
xóm Bản Dăm	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 00"	106° 26' 27"					F-48-45-B
Bản Và	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 28' 11"	106° 24' 39"					F-48-45-B
xóm Bó Pha	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 28' 26"	106° 25' 32"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đồi Cáng Lò	SV	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 27' 38"	106° 26' 34"					F-48-45-B
Kéo Lừa	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 24' 43"	106° 23' 53"					F-48-45-B
khau Khuổi Vàng	SV	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 25' 09"	106° 23' 47"					F-48-45-B
xóm Lũng Buốt	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 25' 58"	106° 23' 59"					F-48-45-B
núi Lũng Hòm	SV	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 18"	106° 23' 54"					F-48-45-B
Lũng Lăng	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 28' 09"	106° 24' 16"					F-48-45-B
xóm Lũng Mòn	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 28' 09"	106° 24' 16"					F-48-45-B
xóm Lũng Slượi	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 27' 50"	106° 24' 46"					F-48-45-B
xóm Nà Cốc	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 55"	106° 25' 13"					F-48-45-B
xóm Nà Danh	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 27"	106° 26' 27"					F-48-45-B
xóm Nà Keng	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 27' 22"	106° 24' 21"					F-48-45-B
xóm Nà Lình	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 33"	106° 24' 03"					F-48-45-B
xóm Nà Ngài	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 27"	106° 26' 27"					F-48-45-B
xóm Nà Shòng	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 25' 44"	106° 24' 52"					F-48-45-B
xóm Nà Vàng	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 27' 05"	106° 24' 22"					F-48-45-B
cầu Nà Vàng	KX	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 43"	106° 24' 57"					F-48-45-B
Phai Kéo	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 38"	106° 24' 56"					F-48-45-B
suối Pò Bửu	TV	xã Lê Lai	H. Thạch An			22° 25' 57"	106° 24' 35"	22° 25' 49"	106° 25' 02"	F-48-45-B
xóm Pú Nho	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 26' 13"	106° 27' 12"					F-48-45-B
Sằng Kheo	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 27' 41"	106° 23' 18"					F-48-45-B
Sộc Sọ	DC	xã Lê Lai	H. Thạch An	22° 27' 20"	106° 24' 48"					F-48-45-B
đồi Bá Kha Trái	SV	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 24' 19"	106° 27' 53"					F-48-45-B
đồi Bá Mạy Lềm	SV	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 22' 18"	106° 28' 06"					F-48-45-B
núi Bá Mạy Slàng	SV	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 22' 00"	106° 28' 06"					F-48-45-B
Đỏng Mu	DC	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 24' 29"	106° 28' 34"					F-48-45-B
núi Lũng Mu	SV	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 25' 06"	106° 28' 32"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Niếng	DC	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 24' 14"	106° 27' 25"					F-48-45-B
xóm Nà Nưa	DC	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 23' 39"	106° 28' 12"					F-48-45-B
xóm Nà Tậu 1	DC	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 24' 00"	106° 28' 30"					F-48-45-B
xóm Nà Tậu 2	DC	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 24' 09"	106° 28' 16"					F-48-45-B
xóm Siền Ngoại	DC	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 22' 32"	106° 28' 40"					F-48-45-B
xóm Siền Nội	DC	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 23' 00"	106° 28' 36"					F-48-45-B
núi Tốc Xì	SV	xã Lê Lợi	H. Thạch An	22° 24' 27"	106° 29' 10"					F-48-45-B
Bản Cờ	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 29' 39"	106° 07' 37"					F-48-45-A
Bàn Cộ	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 39"	106° 08' 23"					F-48-33-C
xóm Biooc Lương (Bjooc Lương)	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 28' 06"	106° 13' 47"					F-48-45-A
núi Biooc Lương (Bjooc Lương)	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 06"	106° 12' 57"					F-48-33-C
núi Cạm Tém	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 32' 28"	106° 11' 27"					F-48-33-C
xóm Chông Cá	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 36"	106° 09' 23"					F-48-33-C
khau Dáy	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 18"	106° 07' 17"					F-48-33-C
khau Động	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 31' 13"	106° 09' 33"					F-48-33-C
xóm Khau Sliểm	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 28' 17"	106° 07' 30"					F-48-45-A
xóm Khuổi Áng	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 31' 33"	106° 10' 17"					F-48-33-C
Khuổi Bải	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 31' 48"	106° 09' 43"					F-48-33-C
núi Khuổi Bải	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 32' 08"	106° 09' 44"					F-48-33-C
khau Lỉn	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 33' 03"	106° 13' 52"					F-48-33-C
núi Mây Mẹc	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 29' 17"	106° 07' 09"					F-48-45-A
sông Minh Khai	TV	xã Minh Khai	H. Thạch An			22° 30' 23"	106° 10' 59"	22° 33' 49"	106° 12' 44"	F-48-33-C
khau Mực	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 39"	106° 13' 52"					F-48-33-C
Nà Đải	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 29' 20"	106° 10' 48"					F-48-45-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Đoỏng	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 32' 11"	106° 11' 14"					F-48-33-C
xóm Nà Kẻ	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 29' 52"	106° 10' 50"					F-48-45-A
xóm Nà Lẹng	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 49"	106° 11' 03"					F-48-33-C
xóm Nà Sèn	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 31' 27"	106° 11' 18"					F-48-33-C
xóm Nặm Cáp	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 53"	106° 13' 08"					F-48-33-C
nậm Nặm Cung	TV	xã Minh Khai	H. Thạch An			22° 29' 41"	106° 08' 30"	22° 30' 23"	106° 10' 59"	F-48-33-C
xóm Nặm Tàn	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 29' 22"	106° 11' 50"					F-48-45-A
nậm Nặm Tàn	TV	xã Minh Khai	H. Thạch An			22° 29' 30"	106° 07' 38"	22° 29' 41"	106° 08' 30"	F-48-45-A
Pắc Cung	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 30' 23"	106° 10' 58"					F-48-33-C
xóm Pắc Duốc	DC	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 32' 57"	106° 12' 29"					F-48-33-C
khau Phước	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 32' 41"	106° 10' 49"					F-48-33-C
núi Pích Ca	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 33' 09"	106° 13' 14"					F-48-33-C
khau Tầu	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 29' 53"	106° 07' 38"					F-48-45-A
khau Xiểm	SV	xã Minh Khai	H. Thạch An	22° 28' 51"	106° 07' 49"					F-48-45-A
núi Bàn Pò	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 25' 34"	106° 10' 27"					F-48-45-A
khau Bon	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 28' 59"	106° 09' 10"					F-48-45-A
núi Cổng Trời	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 25' 56"	106° 06' 55"					F-48-45-A
Đông Xiền	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 18"	106° 06' 18"					F-48-45-A
Khuổi Âu	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 25' 39"	106° 09' 33"					F-48-45-A
xóm Khuổi Chót	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 27' 05"	106° 10' 59"					F-48-45-A
Khuổi Deng	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 26' 29"	106° 06' 33"					F-48-45-A
Khuổi Khêm	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 37"	106° 07' 44"					F-48-45-A
Khuổi Khiếp	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 25' 23"	106° 11' 16"					F-48-45-A
xóm Khuổi Kiếng	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 17"	106° 10' 18"					F-48-45-A
Khuổi Phát	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 18"	106° 08' 25"					F-48-45-A
Khuổi Thôm	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 25' 26"	106° 06' 10"					F-48-45-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Phải	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 27' 42"	106° 06' 40"					F-48-45-A
núi Lũng Phải	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 27' 53"	106° 06' 46"					F-48-45-A
khau Mu	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 27' 07"	106° 12' 35"					F-48-45-A
xóm Nà Bản	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 27' 28"	106° 10' 27"					F-48-45-A
xóm Nà Cành	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 26' 08"	106° 11' 29"					F-48-45-A
xóm Nà Cọn	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 28' 51"	106° 10' 36"					F-48-45-A
xóm Nà Dàn	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 17"	106° 11' 09"					F-48-45-A
suối Nà Dàn	TV	xã Quang Trọng	H. Thạch An			22° 27' 28"	106° 07' 45"	22° 27' 47"	106° 09' 36"	F-48-45-A
xóm Nà Mu	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 28' 14"	106° 10' 15"					F-48-45-A
xóm Nà Phạc	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 28' 04"	106° 08' 51"					F-48-45-A
xóm Nà Poọc	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An							
xóm Nà Pùng	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 19"	106° 06' 43"					F-48-45-A
xóm Nặm Dạng	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 26' 31"	106° 09' 03"					F-48-45-A
núi Nặm Dạng	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 27' 15"	106° 08' 44"					F-48-45-A
Nặm Dạng	TV	xã Quang Trọng	H. Thạch An			22° 24' 35"	106° 09' 45"	22° 25' 17"	106° 09' 42"	F-48-45-A
Pắc Cưởm	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 28' 18"	106° 10' 08"					F-48-45-A
xóm Pò Bẩu	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 27' 39"	106° 10' 03"					F-48-45-A
xóm Pò Làng	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 23' 46"	106° 10' 30"					F-48-45-A
Pò Mịn	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 26' 28"	106° 11' 20"					F-48-45-A
khau Pú Sí	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 26' 20"	106° 08' 22"					F-48-45-A
núi Sam Coóc	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 29"	106° 10' 51"					F-48-45-A
Sam Lái	DC	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 25' 43"	106° 07' 45"					F-48-45-A
núi Sam Lái	SV	xã Quang Trọng	H. Thạch An	22° 24' 39"	106° 08' 06"					F-48-45-A
suối Tà Chiếm	TV	xã Quang Trọng	H. Thạch An			22° 27' 44"	10° 61' 00"	22° 30' 11"	106° 10' 55"	F-48-45-A
suối Tà De	TV	xã Quang Trọng	H. Thạch An			22° 26' 28"	106° 11' 25"	22° 27' 44"	106° 09' 59"	F-48-45-A
khuổi Thôm	TV	xã Quang Trọng	H. Thạch An			22° 25' 23"	106° 07' 07"	22° 26' 29"	106° 07' 43"	F-48-45-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
quốc lộ 4A	KX	xã Thái Cường	H. Thạch An			22° 27' 37"	106° 21' 58"	22° 30' 12"	106° 20' 41"	F-48-45-B; 33-D
xóm Bản Nọoc	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 29' 02"	106° 21' 28"					F-48-45-B
Bó Hùm	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 31' 15"	106° 21' 15"					F-48-33-D
xóm Giả My	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An							
cầu Hang Ky	KX	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 29' 14"	106° 21' 14"					F-48-45-B
đèo Khau Khoang	SV	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 29' 37"	106° 21' 11"					F-48-45-B
khau Khoang	SV	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 29' 31"	106° 20' 24"					F-48-45-B
Khuổi Chủ	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 30' 42"	106° 20' 52"					F-48-45-B
xóm Khuổi Kẹn	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 28' 31"	106° 20' 17"					F-48-45-B
xóm Lũng Đơ (Lũng Đâu)	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 28' 20"	106° 21' 50"					F-48-45-B
Lũng Mười	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 27' 42"	106° 22' 15"					F-48-45-B
xóm Nà Luông	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 29' 06"	106° 20' 16"					F-48-45-B
xóm Pác Han	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An							
xóm Phiêng Un	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An	22° 29' 47"	106° 19' 05"					F-48-45-B
xóm Tẻm Tăng	DC	xã Thái Cường	H. Thạch An							
xóm Bản Muồng	DC	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 31' 26"	106° 24' 47"					F-48-33-D
xóm Cẳn Nưa	DC	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 30' 20"	106° 24' 55"					F-48-33-D
xóm Cẳn Tẩu	DC	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 30' 37"	106° 24' 03"					F-48-33-D
bản Cáu	DC	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 31' 58"	106° 24' 10"					F-48-33-D
Khuổi Ỉn	DC	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 30' 32"	106° 25' 44"					F-48-33-D
núi Lũng Mò	SV	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 29' 40"	106° 25' 41"					F-48-45-B
núi Lũng Mu	SV	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 30' 51"	106° 25' 56"					F-48-33-D
núi Lũng Sảng	SV	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 30' 51"	106° 23' 36"					F-48-33-D
Lũng Vản	DC	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 31' 32"	106° 25' 40"					F-48-33-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Muống	DC	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 29' 41"	106° 26' 03"					F-48-45-B
xóm Nà Rả	DC	xã Thị Ngân	H. Thạch An							
xóm Roỏng Nả	DC	xã Thị Ngân	H. Thạch An							
xóm Tát Sáng	DC	xã Thị Ngân	H. Thạch An	22° 29' 41"	106° 26' 03"					F-48-45-B
suối Tát Sáng	TV	xã Thị Ngân	H. Thạch An			22° 29' 12"	106° 26' 23"	22° 29' 23"	106° 26' 11"	F-48-45-B
xóm Bản Luồng	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An							
xóm Bản Néng	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 26"	106° 28' 23"					F-48-45-B
xóm Cốc Bao	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An							
núi Giã Vài	SV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 22"	106° 27' 41"					F-48-45-B
xóm Ka Liệng	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 30' 16"	106° 28' 36"					F-48-33-D
khau Khau Giồng	SV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 30' 12"	106° 28' 04"					F-48-33-D
xóm Khưa Đi	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An							
đồi Khưa Đí	SV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 28' 10"	106° 28' 57"					F-48-45-B
suối Khuổi Cải	TV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An			22° 28' 19"	106° 27' 10"	22° 28' 52"	106° 27' 20"	F-48-45-B
xóm Khuổi Cáp	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 28' 40"	106° 30' 27"					F-48-46-A
suối Khuổi Khao	TV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An			22° 29' 50"	106° 26' 12"	22° 30' 24"	106° 27' 44"	F-48-45-B; F-48-33-D
núi Lũng Lại	SV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 28' 49"	106° 28' 22"					F-48-45-B
núi Lũng Pèo	SV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 13"	106° 31' 25"					F-48-46-A
xóm Nà Én	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An							
Nà Lít	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 26"	106° 28' 23"					F-48-45-B
Pác Nàm	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 28' 00"	106° 28' 44"					F-48-45-B
núi Phia Chang	SV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 23"	106° 26' 53"					F-48-45-B
Phia Nhọt	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 37"	106° 30' 09"					F-48-46-A
đồi Phia Nhọt	SV	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 33"	106° 29' 18"					F-48-45-B
Soòng Nạc	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 29' 51"	106° 26' 42"					F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Soòng Siền	DC	xã Thụy Hùng	H. Thạch An	22° 28' 47"	106° 27' 08"					F-48-45-B
xóm Bản Cáu	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 25' 42"	106° 19' 56"					F-48-45-B
suối Bản Cáu	TV	xã Trọng Con	H. Thạch An			22° 25' 35"	106° 20' 26"	22° 24' 53"	106° 21' 02"	F-48-45-B
xóm Bản Chang	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 26' 26"	106° 22' 11"					F-48-45-B
khau Bó Quặng	SV	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 24' 37"	106° 20' 41"					F-48-45-B
xóm Cạm Khàng	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 26' 05"	106° 19' 33"					F-48-45-B
Cốc Xả	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 23' 09"	106° 23' 36"					F-48-45-B
suối Cốc Xả	TV	xã Trọng Con	H. Thạch An			22° 24' 35"	106° 23' 19"	22° 23' 11"	106° 23' 40"	F-48-45-B
khau Hai	SV	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 23' 17"	106° 20' 48"					F-48-45-B
khau Kéo	SV	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 24' 33"	106° 21' 57"					F-48-45-B
Khau Phạ	SV	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 22' 17"	106° 20' 56"					F-48-45-B
xóm Khuổi Kẹn	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 28' 31"	106° 20' 17"					F-48-45-B
Khuổi Nà	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 22' 27"	106° 20' 55"					F-48-45-B
xóm Khuổi Nghiệc	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 24' 14"	106° 21' 05"					F-48-45-B
Khuổi Vình	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 26' 05"	106° 21' 54"					F-48-45-B
Khuổi Vình	TV	xã Trọng Con	H. Thạch An			22° 26' 11"	106° 22' 35"	22° 25' 37"	106° 22' 49"	F-48-45-B
Mông Xả	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 25' 24"	106° 20' 40"					F-48-45-B
xóm Nà Cà	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 25' 36"	106° 20' 20"					F-48-45-B
Nà Chí	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 24' 37"	106° 21' 08"					F-48-45-B
xóm Nà Lẹng	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 26' 23"	106° 21' 49"					F-48-45-B
suối Nà Lẹng	TV	xã Trọng Con	H. Thạch An			22° 26' 56"	106° 21' 26"	22° 26' 01"	106° 21' 55"	F-48-45-B
xóm Nà Ngài	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 23' 16"	106° 21' 41"					F-48-45-B
Nà Nhàn	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 22' 18"	106° 21' 28"					F-48-45-B
Nà Phai	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 23' 42"	106° 21' 26"					F-48-45-B
xóm Nà Pi	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 25' 20"	106° 23' 01"					F-48-45-B
suối Nà Pi	TV	xã Trọng Con	H. Thạch An			22° 25' 23"	106° 22' 18"	22° 23' 17"	106° 21' 41"	F-48-45-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Vài	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 22' 05"	106° 22' 48"					F-48-45-B
xóm Pò Lài	DC	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 27' 30"	106° 21' 19"					F-48-45-B
khau Tào	SV	xã Trọng Con	H. Thạch An	22° 24' 29"	106° 20' 11"					F-48-45-B
khuổi Xá	TV	xã Trọng Con	H. Thạch An			22° 23' 16"	106° 22' 47"	22° 22' 27"	106° 23' 01"	F-48-45-B
núi Nà Phạc	SV	xã Vân Trình	H. Thạch An	22° 29' 38"	106° 23' 35"					F-48-45-B
xóm Bó Dường	DC	xã Vân Trình	H. Thạch An	22° 28' 34"	106° 24' 32"					F-48-45-B
xóm Cốc Ngườm	DC	xã Vân Trình	H. Thạch An	22° 29' 32"	106° 24' 59"					F-48-45-B
Khưa Pát	DC	xã Vân Trình	H. Thạch An	22° 31' 15"	106° 21' 41"					F-48-33-D
xóm Lũng Chi	DC	xã Vân Trình	H. Thạch An	22° 29' 51"	106° 24' 08"					F-48-45-B
xóm Lũng Dìn	DC	xã Vân Trình	H. Thạch An	22° 29' 13"	106° 24' 32"					F-48-45-B
xóm Lũng Hảy	DC	xã Vân Trình	H. Thạch An	22° 28' 42"	106° 22' 51"					F-48-45-B
Lũng Ít	DC	xã Vân Trình	H. Thạch An	22° 30' 35"	106° 21' 59"					F-48-33-D
xóm Lũng Mằn	DC	xã Vân Trình	H. Thạch An	22° 30' 57"	106° 22' 25"					F-48-33-D
Lũng Rì	DC	xã Vân Trình	H. Thạch An	22° 29' 13"	106° 22' 37"					F-48-45-B
xóm Lũng Xỏm	DC	xã Vân Trình	H. Thạch An	22° 28' 46"	106° 24' 11"					F-48-45-B
xóm Nà Ảng	DC	xã Vân Trình	H. Thạch An	22° 29' 12"	106° 23' 53"					F-48-45-B
Nà Ít	DC	xã Vân Trình	H. Thạch An	22° 28' 54"	106° 23' 50"					F-48-45-B
hang Nà Mẹc	TV	xã Vân Trình	H. Thạch An							F-48-45-B
xóm Nà Ón	DC	xã Vân Trình	H. Thạch An	22° 30' 13"	106° 22' 45"					F-48-33-D
xóm Phạc Siến	DC	xã Vân Trình	H. Thạch An	22° 29' 40"	106° 23' 16"					F-48-45-B
đường tỉnh 204	KX	TT. Thông Nông	H. Thông Nông			22° 47' 45"	105° 59' 20"	22° 47' 15"	106° 00' 03"	F-48-32-B+20-D; F-48-33-A+21-C
xóm Bản Viềng	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 19"	105° 59' 27"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cốc Ca	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 04"	105° 59' 12"					F-48-32-B+20-D
suối Dẻ Rào	TV	TT. Thông Nông	H. Thông Nông			22° 47' 46"	105° 59' 33"	22° 46' 29"	105° 59' 38"	F-48-32-B+20-D
xóm Đoàn Kết	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông							
phố Háng Tháng	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 02"	105° 58' 47"					F-48-32-B+20-D
xóm Liên Cơ	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông							
xóm Lũng Pảng	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 34"	105° 58' 21"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Quang	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 46' 43"	105° 58' 55"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Vịt	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 16"	105° 58' 49"					F-48-32-B+20-D
đồi Mạ Cái	SV	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 20"	105° 59' 38"					F-48-32-B+20-D
Nà Leng	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 38"	105° 59' 25"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Rằng	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 46' 18"	105° 59' 03"					F-48-32-B+20-D
xóm Pác Ca	DC	TT. Thông Nông	H. Thông Nông							
núi Ràng Mu	SV	TT. Thông Nông	H. Thông Nông	22° 47' 40"	105° 58' 45"					F-48-32-B+20-D
bản Bua	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 42' 58"	105° 57' 19"					F-48-32-D
xóm Bua Hạ	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 43' 21"	105° 58' 17"					F-48-32-D
xóm Bua Thượng	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông							
Cháo Ún	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 44' 19"	105° 58' 50"					F-48-32-D
xóm Cốc My	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 43' 31"	105° 59' 10"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Cốc Ngóa	SV	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 43' 31"	105° 57' 13"					F-48-32-D
núi Đông Phán	SV	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 42' 51"	105° 57' 35"					F-48-32-D
xóm Giả Vài	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 43' 18"	105° 59' 17"					F-48-32-D
xóm Hoan Bua	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 42' 36"	105° 57' 46"					F-48-32-D
xóm Kéo Noóng	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 43' 38"	105° 59' 01"					F-48-32-D
Kha Ma	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 43' 32"	106° 00' 20"					F-48-33-C
Khinh Hạ	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 42' 11"	105° 59' 08"					F-48-32-D
xóm Khinh Thượng	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 42' 08"	105° 58' 25"					F-48-32-D
xóm Khuổi Heo	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 43' 33"	105° 58' 53"					F-48-32-D
suối Khuổi Heo	TV	xã Bình Lãng	H. Thông Nông			22° 43' 35"	105° 57' 58"	22° 43' 19"	105° 59' 12"	F-48-32-D
Kì Chảo	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 44' 18"	105° 59' 46"					F-48-32-D
xóm Lạn Hạ	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông							
Lũng Giàng	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 44' 06"	105° 58' 53"					F-48-32-D
Lũng Hoan Phản	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 43' 02"	105° 58' 12"					F-48-32-D
Lũng Lạn	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 43' 53"	106° 00' 27"					F-48-33-C
xóm Lũng Luông	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 43' 55"	105° 59' 05"					F-48-32-D
Lũng Tao	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 42' 44"	105° 59' 44"					F-48-32-D
Lũng Thốc	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 44' 10"	105° 58' 18"					F-48-32-D
Pàn Á	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 43' 42"	105° 59' 53"					F-48-32-D
Phia Rải	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 42' 52"	105° 56' 55"					F-48-32-D
xóm Thang Tả	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 42' 52"	105° 59' 10"					F-48-32-D
xóm Tổng Pàng	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 43' 37"	105° 58' 09"					F-48-32-D
xóm Tổng Puống	DC	xã Bình Lãng	H. Thông Nông	22° 43' 21"	105° 57' 39"					F-48-32-D
xóm Bó Thẩu	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 14"	105° 53' 36"					F-48-32-B+20-D
xóm Khau Dựa	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 53' 52"	105° 51' 45"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Khau Dựa	TV	xã Cần Nông	H. Thông Nông			22° 53' 54"	105° 51' 32"	22° 53' 39"	105° 52' 48"	F-48-32-B+20-D
suối Khau Dựa	TV	xã Cần Nông	H. Thông Nông			22° 53' 39"	105° 51' 32"	22° 53' 39"	105° 52' 48"	F-48-32-B+20-D
Khuổi Sói	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 27"	105° 52' 10"					F-48-32-B+20-D
suối Khuổi Sói	TV	xã Cần Nông	H. Thông Nông			22° 53' 54"	105° 51' 53"	22° 54' 41"	105° 53' 06"	F-48-32-B+20-D
Lũng Giàng	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 11"	105° 51' 18"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Rỳ	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 56' 05"	105° 53' 26"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Suốn	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 55' 14"	105° 51' 53"					F-48-32-B+20-D
Lũng Vai	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 53' 35"	105° 54' 07"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Ca	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 53' 54"	105° 53' 52"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Cuổn	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 03"	105° 53' 01"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Én	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 19"	105° 54' 00"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Rài	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 12"	105° 53' 44"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Rào	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 53' 59"	105° 53' 36"					F-48-32-B+20-D
núi Nà Tềnh	SV	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 55' 11"	105° 51' 23"					F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Đông	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 41"	105° 53' 09"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nặm Dựa	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 35"	105° 53' 56"					F-48-32-B+20-D
Nặm Hùm	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 51"	105° 51' 51"					F-48-32-B+20-D
dãy núi Nặm Hùm	SV	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 48"	105° 50' 52"					F-48-32-B+20-D
núi Nặm Hùm	SV	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 32"	105° 51' 30"					F-48-32-B+20-D
xóm Ngườm Quốc	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 53' 54"	105° 52' 49"					F-48-32-B+20-D
xóm Phia Rặc	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 54' 55"	105° 53' 24"					F-48-32-B+20-D
xóm Phiêng Pán	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 53' 22"	105° 53' 11"					F-48-32-B+20-D
thung lũng Rì	SV	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 55' 06"	105° 53' 22"					F-48-32-B+20-D
lũng Suốn	SV	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 55' 06"	105° 51' 24"					F-48-32-B+20-D
xóm Thua Bó	DC	xã Cần Nông	H. Thông Nông	22° 53' 05"	105° 51' 53"					F-48-32-B+20-D
đường tỉnh 204	KX	xã Cần Yên	H. Thông Nông			22° 54' 32"	105° 55' 49"			F-48-32-B+20-D
xóm Bản Ải	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông							
xóm Bản Gải	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 54' 31"	105° 54' 42"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Ngẳm	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 53' 56"	105° 56' 05"					F-48-32-B+20-D
suối Bản Ngẳm	TV	xã Cần Yên	H. Thông Nông							
Bó Chà	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 53' 11"	105° 55' 39"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bó Rằng	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 55' 04"	105° 54' 27"					F-48-32-B+20-D
Cải Đoỏng	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 53' 52"	105° 55' 22"					F-48-32-B+20-D
Đồn biên phòng Cần Yên	KX	xã Cần Yên	H. Thông Nông			22° 54' 54"	105° 54' 27"			F-48-32-B+20-D
núi Chợ Cũ	SV	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 54' 04"	105° 55' 47"					F-48-32-B+20-D
xóm Dẻ Coóc	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 53' 01"	105° 55' 24"					F-48-32-B+20-D
xóm Đoỏng Có	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông							
xóm Ka Rỉnh	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 53' 47"	105° 54' 46"					F-48-32-B+20-D
Keng Lòi	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 54' 19"	105° 55' 57"					F-48-32-B+20-D
Ki Chà	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 52' 52"	105° 54' 43"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Bủng	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 52' 42"	105° 54' 13"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Khoang	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 53' 55"	105° 54' 31"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Khuông	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 55' 23"	105° 54' 53"					F-48-32-B+20-D
Lũng Muổng	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 55' 32"	105° 54' 53"					F-48-32-B+20-D
Lũng Pủ	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 54' 37"	105° 55' 33"					F-48-32-B+20-D
Mò Luông	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 54' 51"	105° 54' 24"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Dỏng	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 52' 56"	105° 55' 47"					F-48-32-B+20-D
thung lũng Nà Khau Siểm	SV	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 56' 18"	105° 54' 22"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Lủng	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 55' 40"	105° 54' 55"					F-48-32-B+20-D
Na Mu	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 55' 38"	105° 54' 19"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Pàng	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 53' 44"	105° 55' 15"					F-48-32-B+20-D
cầu Nà Pàng	KX	xã Cần Yên	H. Thông Nông			22° 53' 40"	105° 55' 49"			F-48-32-B+20-D
xóm Nà Phạc	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 53' 52"	105° 56' 11"					F-48-32-B+20-D
Nà Rài	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 54' 11"	105° 54' 46"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Thin	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 54' 34"	105° 54' 32"					F-48-32-B+20-D
sông Nà Thin	TV	xã Cần Yên	H. Thông Nông			22° 56' 33"	105° 53' 59"	22° 52' 43"	105° 56' 04"	F-48-32-B+20-D
thung lũng Nà Toàn	SV	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 55' 55"	105° 54' 45"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Vài	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 55' 38"	105° 54' 19"					F-48-32-B+20-D
suối Nặm Đông	TV	xã Cần Yên	H. Thông Nông			22° 54' 30"	105° 54' 47"	22° 54' 29"	105° 54' 28"	F-48-32-B+20-D
Pá Rả	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 55' 11"	105° 55' 24"					F-48-32-B+20-D
xóm Phia Đén	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 53' 59"	105° 56' 29"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sóc Sỉnh	DC	xã Cần Yên	H. Thông Nông	22° 53' 06"	105° 54' 52"					F-48-32-B+20-D
cầu Tả Chia	KX	xã Cần Yên	H. Thông Nông			22° 54' 32"	105° 54' 47"			F-48-32-B+20-D
đường tỉnh 204	KX	xã Đa Thông	H. Thông Nông			22° 47' 45"	105° 59' 20"	22° 50' 25"	105° 57' 04"	F-48-32-B+20-D; 33-A+21-C
xóm Bác Đại	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 27"	105° 59' 09"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Chang	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 59"	105° 58' 22"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Giàng	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 44"	105° 58' 11"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Ruồm	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 50' 03"	105° 57' 22"					F-48-32-B+20-D
suối Bản Ruồm	TV	xã Đa Thông	H. Thông Nông			22° 49' 57"	105° 57' 21"	22° 49' 09"	105° 57' 51"	F-48-32-B+20-D
xóm Bó Bủa	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 28"	105° 57' 03"					F-48-32-B+20-D
Cẩu Xum	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 25"	105° 55' 47"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Cuổi	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 49' 33"	105° 59' 54"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Khuyết	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 49' 45"	105° 56' 54"					F-48-32-B+20-D
xóm Đà Sa	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 26"	105° 58' 43"					F-48-32-B+20-D
xóm Khuổi Mò	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 28"	106° 00' 53"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khuổi Mò	SV	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 47' 34"	105° 58' 07"					F-48-32-B+20-D
suối Khuổi Ngùa	TV	xã Đa Thông	H. Thông Nông			22° 49' 44"	105° 59' 08"	22° 48' 12"	105° 58' 56"	F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Đẩy	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông							
núi Lũng Đẩy	SV	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 12"	105° 57' 27"					F-48-32-B+20-D
Lũng Đuổm	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 09"	105° 56' 47"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Hoàng	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông							
xóm Lũng Khỉnh	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 50' 14"	106° 00' 15"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Lừa	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 47' 56"	106° 01' 56"					F-48-33-A+21-C
Lũng Pán	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 49' 25"	105° 56' 25"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Rỳ	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 48"	105° 56' 14"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Tàn	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 47' 58"	105° 57' 21"					F-48-32-B+20-D
đèo Mã Quỷnh	SV	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 03"	106° 02' 07"					F-48-32-B+20-D
núi Mai Chướng	SV	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 47' 52"	105° 58' 32"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Khau	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 42"	105° 58' 51"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Ngàm	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 51"	106° 00' 33"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Nà Ngàn	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 47' 50"	106° 00' 48"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Pá	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông							
xóm Nà Pài	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 49' 30"	105° 57' 46"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Thôm	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông							
xóm Pác Ngàm	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 49' 20"	105° 55' 11"					F-48-32-B+20-D
Phia Toọc	KX	xã Đa Thông	H. Thông Nông							
xóm Phia Viềng	DC	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 49' 00"	106° 00' 57"					F-48-33-A+21-C
núi Pù Pảng	SV	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 48' 05"	105° 59' 32"					F-48-32-B+20-D
sông Rẽ Rào	TV	xã Đa Thông	H. Thông Nông			22° 49' 57"	105° 57' 56"	22° 47' 46"	105° 59' 33"	F-48-32-B+20-D
núi Tàn Hạ	SV	xã Đa Thông	H. Thông Nông	22° 47' 55"	105° 57' 12"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Pảng	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông							
suối Dẻ Rào	TV	xã Lương Can	H. Thông Nông			22° 46' 29"	105° 59' 38"	22° 44' 43"	106° 02' 17"	F-48-32-B+20-D
xóm Đồng Mây	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 15"	106° 02' 00"					F-48-33-A+21-C
xóm Gạm Dầu	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 44' 58"	106° 01' 32"					F-48-33-C
núi Kéo Vụng	SV	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 20"	105° 59' 33"					F-48-32-B+20-D
xóm Khuổi Xỏm	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông							
xóm Làng Can	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 21"	106° 01' 22"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Lũng Đẩy	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 44' 20"	106° 00' 28"					F-48-33-C
Lũng Nhùng	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 44' 18"	106° 01' 03"					F-48-33-C
xóm Lủng Pán	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông							
Lũng Riềm	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 23"	105° 59' 17"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Chia	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 43"	106° 00' 27"					F-48-33-A+21-C
Nà Diểu	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 53"	105° 59' 55"					F-48-32-B+20-D
Nà Đoỏng	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 42"	106° 00' 04"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Pia (Nà Pja)	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 18"	106° 00' 09"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Sai	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 46' 01"	105° 59' 48"					F-48-32-B+20-D
Nà Tậu	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 50"	106° 02' 04"					F-48-33-A+21-C
xóm Nà Tiều	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông							
xóm Nà Việt	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 21"	106° 00' 46"					F-48-33-A+21-C
Pác Piảo	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 45' 10"	105° 59' 39"					F-48-32-B+20-D
xóm Pác Thin - Lũng Đẩy	DC	xã Lương Can	H. Thông Nông							
núi Thin Phân	SV	xã Lương Can	H. Thông Nông	22° 46' 46"	106° 02' 32"					F-48-33-A+21-C
đường tỉnh 204	KX	xã Lương Thông	H. Thông Nông			22° 50' 25"	105° 57' 04"	22° 52' 43"	105° 56' 05"	F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bản Giế	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
Bản Lịch	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 50' 54"	105° 57' 04"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Rịch	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
Bó Kiến	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 51' 23"	105° 56' 54"					F-48-32-B+20-D
xóm Cằn Thôm	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
xóm Đông Chia	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 51' 52"	105° 56' 19"					F-48-32-B+20-D
xóm Giẽ	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 52' 02"	105° 56' 33"					F-48-32-B+20-D
núi Giẻ Gà	SV	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 51' 36"	105° 57' 09"					F-48-32-B+20-D
xóm Lòn Phìn	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 51' 12"	105° 53' 48"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Có	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 53' 14"	105° 57' 58"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Đẩy	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
xóm Lũng Khoen	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
xóm Lũng Kiến	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 51' 26"	105° 55' 43"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Nặp	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
xóm Lũng Pèo	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
xóm Lũng Po	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 51' 51"	105° 55' 18"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Rịch	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 50' 37"	105° 56' 18"					F-48-32-B+20-D
Lũng Súng	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 52' 00"	105° 58' 17"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Toản	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 51' 00"	105° 58' 28"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Tôm	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
xóm Lũng Tỳ	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 52' 35"	105° 52' 13"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Vai	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 53' 39"	105° 58' 32"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Ke	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông							
xóm Nà Tôm	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 50' 42"	105° 57' 37"					F-48-32-B+20-D
Nặm Táo	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 49' 59"	105° 59' 41"					F-48-32-B+20-D
xóm Nội Phan	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 50' 21"	105° 59' 05"					F-48-32-B+20-D
Phan Noọc	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 50' 19"	105° 57' 56"					F-48-32-B+20-D
xóm Rặc Rạy	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 49' 55"	105° 55' 22"					F-48-32-B+20-D
sông Rẻ Rào	TV	xã Lương Thông	H. Thông Nông			22° 52' 45"	105° 56' 01"	22° 49' 57"	105° 57' 56"	F-48-32-B+20-D
xóm Tả Bốc	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 50' 48"	105° 55' 55"					F-48-32-B+20-D
xóm Tềnh Khoang	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 52' 53"	105° 57' 26"					F-48-32-B+20-D
núi Thua Bó	SV	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 52' 52"	105° 52' 25"					F-48-32-B+20-D
xóm Trà Dù	DC	xã Lương Thông	H. Thông Nông	22° 50' 39"	105° 53' 09"					F-48-32-B+20-D
xóm Bó Moọc	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 48' 22"	105° 53' 55"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cốc Phát	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông							
Kéo Than	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 56"	105° 55' 47"					F-48-32-B+20-D
Lũng Khẩu	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 48' 25"	105° 54' 48"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Nặm	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông							
xóm Lũng Nhùng	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 46' 18"	105° 57' 27"					F-48-32-B+20-D
Lũng Phiêng	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 48' 53"	105° 54' 31"					F-48-32-B+20-D
Lũng Phục	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 48' 42"	105° 55' 04"					F-48-32-B+20-D
Lũng Tó	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 35"	105° 56' 54"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Vần	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 45' 47"	105° 58' 32"					F-48-32-B+20-D
núi Lũng Xì Tủng	SV	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 49' 27"	105° 52' 26"					F-48-32-B+20-D
Mần Hạ	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 46' 48"	105° 56' 56"					F-48-32-B+20-D
Mần Thượng	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 46' 51"	105° 56' 25"					F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Ngùa	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 32"	105° 54' 55"					F-48-32-B+20-D
Ngườm Nặm	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 49' 00"	105° 54' 03"					F-48-32-B+20-D
núi Ôc Phầu	SV	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 06"	105° 55' 46"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Phặt Phìn	SV	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 15"	105° 54' 16"					F-48-32-B+20-D
xóm Phiêng Pục	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông							
Phùng Lũng	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 50' 03"	105° 52' 58"					F-48-32-B+20-D
núi Phùng Lũng	SV	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 50' 15"	105° 52' 35"					F-48-32-B+20-D
Ràng Khiêu	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 48' 03"	105° 54' 17"					F-48-32-B+20-D
xóm Tàn Hạ	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 26"	105° 57' 25"					F-48-32-B+20-D
xóm Tấn Hẩu	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông							
Tận Thin	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 18"	105° 56' 33"					F-48-32-B+20-D
xóm Tàn Thượng	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 47' 33"	105° 55' 59"					F-48-32-B+20-D
núi Thôm Cán	SV	xã Ngọc Động	H. Thông Nông	22° 46' 10"	105° 56' 57"					F-48-32-B+20-D
xóm Thượng Hạ	DC	xã Ngọc Động	H. Thông Nông							
xóm Gằng Thượng Hạ	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 43' 16"	105° 56' 25"					F-48-32-D
xóm Bản Đơ (Bản Đâư)	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 44' 40"	105° 57' 13"					F-48-32-D
xóm Bản Tơ (Bản Tẩư)	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 44' 12"	105° 56' 20"					F-48-32-D
suối Cấu Pẻn	TV	xã Thanh Long	H. Thông Nông			22° 43' 22"	105° 56' 25"	22° 43' 56"	105° 56' 28"	F-48-32-D
núi Cốc Tắm	SV	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 44' 27"	105° 56' 02"					F-48-32-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Cốc Toòng	SV	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 46' 18"	105° 56' 24"					F-48-32-B+20-D
núi Kèng Troong	SV	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 45' 56"	105° 57' 05"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Chủm	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 45' 23"	105° 57' 19"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Vảy	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 44' 01"	105° 57' 22"					F-48-32-D
xóm Mường Mằn	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 44' 45"	105° 56' 03"					F-48-32-D
xóm Nà Hẩu	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 45' 37"	105° 57' 09"					F-48-32-B+20-D
suối Pắc Chào	TV	xã Thanh Long	H. Thông Nông			22° 44' 21"	105° 55' 37"	22° 43' 56"	105° 56' 28"	F-48-32-D
núi Phia Lác	SV	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 45' 30"	105° 57' 43"					F-48-32-B+20-D
núi Phia Sấn	SV	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 43' 40"	105° 56' 36"					F-48-32-D
xóm Sóc Lạn	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 45' 17"	105° 56' 51"					F-48-32-B+20-D
xóm Tặc Tẻ	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 45' 46"	105° 56' 21"					F-48-32-B+20-D
xóm Tẩn Phung	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 44' 20"	105° 57' 59"					F-48-32-D
xóm Táp Ná	DC	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 44' 30"	105° 56' 51"					F-48-32-D
núi Thôm Cán	SV	xã Thanh Long	H. Thông Nông	22° 46' 10"	105° 56' 56"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Chang	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 21"	105° 56' 40"					F-48-32-B+20-D
xóm Bản Đơ (Bản Đâư)	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông							
Cốc Cằng	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 44"	105° 56' 36"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cốc Lại	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 32"	105° 57' 12"					F-48-32-B+20-D
xóm Keng Lòi	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 03"	105° 57' 00"					F-48-32-B+20-D
xóm Khuổi Rẹp	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 38"	105° 55' 24"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Chi	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 53' 16"	105° 56' 19"					F-48-32-B+20-D
núi Lũng Chi	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 53' 31"	105° 56' 16"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Gà	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 03"	105° 57' 07"					F-48-32-B+20-D
Lũng Ngẳm	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 53' 16"	105° 56' 40"					F-48-32-B+20-D
dãy núi Lũng Nhằm	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 20"	105° 58' 20"					F-48-32-B+20-D
Lũng Tình	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 54"	105° 56' 02"					F-48-32-B+20-D
núi Lũng Vai	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 21"	105° 58' 06"					F-48-32-B+20-D
xóm Lũng Vài	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 56"	105° 55' 40"					F-48-32-B+20-D
thung lũng Mười	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 31"	105° 56' 56"					F-48-32-B+20-D
xóm Nà Lìn	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 12"	105° 56' 34"					F-48-32-B+20-D
suối Nà Rì	TV	xã Vị Quang	H. Thông Nông			22° 56' 26"	105° 56' 39"	22° 54' 55"	105° 56' 32"	F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà So	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 36"	105° 56' 40"					F-48-32-B+20-D
xóm Phia Bủng	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 57"	105° 56' 45"					F-48-32-B+20-D
núi Phia Bủng	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 56' 20"	105° 57' 03"					F-48-32-B+20-D
Phia Hoảng	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 53"	105° 56' 20"					F-48-32-B+20-D
núi Phia Nọi	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 56' 14"	105° 56' 04"					F-48-32-B+20-D
dãy núi Pò Mình	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 53' 33"	105° 57' 40"					F-48-32-B+20-D
xóm Sam Kha	DC	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 54' 22"	105° 58' 03"					F-48-32-B+20-D
núi Thiêng Nưa	SV	xã Vị Quang	H. Thông Nông	22° 55' 16"	105° 58' 02"					F-48-32-B+20-D
A Lin	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 46' 36"	105° 52' 25"					F-48-32-B+20-D
xóm Bó Rẹc	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 46' 42"	105° 54' 57"					F-48-32-B+20-D
núi Can Phó	SV	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 48' 30"	105° 51' 55"					F-48-32-B+20-D
xóm Choọc Mòn	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 46' 18"	105° 55' 36"					F-48-32-B+20-D
núi Cốc Khẻ	SV	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 46' 54"	105° 55' 46"					F-48-32-B+20-D
xóm Cốc Lùng	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 47' 00"	105° 54' 15"					F-48-32-B+20-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cốc Trà	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 45' 59"	105° 54' 26"					F-48-32-B+20-D
Kéo Bao	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 47' 34"	105° 53' 08"					F-48-32-B+20-D
xóm Khao Hạ	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông							
xóm Khao Thượng	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 46' 44"	105° 55' 45"					F-48-32-B+20-D
Lũng Giàng	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 45' 43"	105° 52' 20"					F-48-32-B+20-D
Lũng Mùng	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 46' 02"	105° 55' 21"					F-48-32-B+20-D
xóm Nặm Cốp	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 45' 43"	105° 55' 45"					F-48-32-B+20-D
xóm Ngàm Vạng	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông							
núi Phạt Phin	SV	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 47' 15"	105° 54' 16"					F-48-32-B+20-D
núi Pù Cút	SV	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 48' 20"	105° 51' 24"					F-48-32-B+20-D
xóm Vài Thai	DC	xã Yên Sơn	H. Thông Nông	22° 48' 26"	105° 52' 18"					F-48-32-B+20-D
tổ dân phố 1	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh							
tổ dân phố 2	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh							
tổ dân phố 3	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh							
đường tỉnh 205	KX	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh			22° 49' 08"	106° 19' 26"	22° 52' 38"	106° 19' 14"	F-48-33-B
đường tỉnh 210	KX	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh			22° 49' 45"	106° 18' 58"	22° 49' 45"	106° 19' 17"	F-48-33-B
đường tỉnh 211	KX	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh			22° 49' 48"	106° 19' 19"	22° 51' 02"	106° 20' 09"	F-48-33-B
xóm Bản Hía	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 52' 16"	106° 19' 35"					F-48-33-B
cầu Bản Hía	KX	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 52' 22"	106° 19' 20"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bản Khun	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 49' 51"	106° 20' 06"					F-48-33-B
cầu Bản Lang	KX	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 51' 25"	106° 19' 10"					F-48-33-B
xóm Bản Lang - Nà Mương	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 51' 15"	106° 19' 04"					F-48-33-B
xóm Cốc Cáng	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 50' 34"	106° 19' 59"					F-48-33-B
xóm Cốc Khoác	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 50' 07"	106° 19' 36"					F-48-33-B
xóm Háng Páo	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 51' 35"	106° 19' 14"					F-48-33-B
núi Kéo Lộc	SV	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 52' 27"	106° 17' 31"					F-48-33-B
đèo Kéo Sản	SV	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 51' 02"	106° 20' 09"					F-48-33-B
đồi Khau Sảng	SV	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 49' 49"	106° 20' 31"					F-48-33-B
Khuổi Phắc (Khuổi Phiắc)	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 50' 12"	106° 20' 02"					F-48-33-B
núi Lũng Cuối	SV	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 51' 20"	106° 20' 03"					F-48-33-B
xóm Nà Đoỏng	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 51' 55"	106° 19' 13"					F-48-33-B
xóm Nà Khoang	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 49' 50"	106° 19' 20"					F-48-33-B
xóm Nà Quan	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh							
xóm Nà Rạo	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 50' 16"	106° 19' 39"					F-48-33-B
xóm Nà Thấu	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 49' 20"	106° 19' 20"					F-48-33-B
núi Pài Nhũng	SV	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 51' 53"	106° 19' 51"					F-48-33-B
suối Phai Can	TV	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh			22° 52' 08"	106° 18' 50"	22° 52' 26"	106° 19' 19"	F-48-33-B
xóm Pò Khao	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh							
xóm Pò Rẫy	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 51' 35"	106° 18' 56"					F-48-33-B
Tổng Luông	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 49' 34"	106° 20' 12"					F-48-33-B
xóm Tổng Moòng	DC	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 50' 58"	106° 19' 17"					F-48-33-B
suối Trà Lĩnh	TV	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh			22° 51' 27"	106° 19' 08"	22° 49' 08"	106° 19' 27"	F-48-33-B
cầu Trà Lĩnh	KX	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 49' 48"	106° 19' 22"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cửa khẩu Trà Lĩnh	KX	TT. Hùng Quốc	H. Trà Lĩnh	22° 52' 25"	106° 19' 19"					F-48-33-B
đường tỉnh 205	KX	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh			22° 45' 57"	106° 20' 10"	22° 49' 08"	106° 19' 26"	F-48-33-B
xóm Bản Líp	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 50"	106° 20' 10"					F-48-33-B
xóm Bản Pát 1	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 46' 43"	106° 20' 17"					F-48-33-B
xóm Bản Pát 2	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 13"	106° 20' 17"					F-48-33-B
xóm Đoỏng Có	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 30"	106° 19' 08"					F-48-33-B
xóm Đoỏng Giài	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 29"	106° 19' 47"					F-48-33-B
xóm Đoỏng Khắm	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 48"	106° 19' 45"					F-48-33-B
xóm Đoỏng Vựt	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 24"	106° 19' 40"					F-48-33-B
Kéo Nạc	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 49' 01"	106° 19' 26"					F-48-33-B
xóm Khuổi Luông	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 48"	106° 19' 13"					F-48-33-B
suối Khuổi Rì	TV	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh			22° 47' 18"	106° 20' 53"	22° 46' 35"	106° 21' 09"	F-48-33-B
xóm Lũng Hang - Lũng Mười	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 25"	106° 18' 40"					F-48-33-B
Lũng Ong	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 10"	106° 18' 45"					F-48-33-B
miếu Nà An	KX	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh							
Nà Ma	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 09"	106° 18' 25"					F-48-33-B
xóm Nà Rài	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 14"	106° 19' 58"					F-48-33-B
xóm Nà Rỷ	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 43"	106° 20' 06"					F-48-33-B
xóm Nà Ý	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 39"	106° 19' 33"					F-48-33-C
xóm Phia Đeng - Lũng Mản	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 50"	106° 18' 46"					F-48-33-B
xóm Pò Gọt	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 51"	106° 19' 47"					F-48-33-B
xóm Pò Luông	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 48' 59"	106° 20' 15"					F-48-33-B
xóm Thâm Sa	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 49' 14"	106° 18' 57"					F-48-33-B
suối Thâm Tủng	TV	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh			22° 46' 07"	106° 20' 42"	22° 46' 35"	10° 62' 19"	F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
lũng Thăng Hoi	SV	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 46' 41"	106° 17' 51"					F-48-33-B
xóm Thang Sặp	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh	22° 47' 16"	106° 19' 25"					F-48-33-B
xóm Tổng Soóng	DC	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh							
sông Trà Lĩnh	TV	xã Cao Chương	H. Trà Lĩnh			22° 49' 08"	106° 19' 27"	22° 46' 34"	106° 18' 25"	F-48-33-B
đường tỉnh 210	KX	xã Cô Mười	H. Trà Lĩnh			22° 53' 27"	106° 13' 51"	22° 51' 02"	106° 17' 03"	F-48-34-B; F-48-33-A+21-C
xóm Bản Tám	DC	xã Cô Mười	H. Trà Lĩnh	22° 51' 27"	106° 16' 21"					F-48-33-B
xóm Bó Hoạt	DC	xã Cô Mười	H. Trà Lĩnh	22° 52' 57"	106° 14' 20"					F-48-33-A+21-C
xóm Cô Mười	DC	xã Cô Mười	H. Trà Lĩnh	22° 52' 13"	106° 15' 17"					F-48-33-B
xóm Cô Tó A	DC	xã Cô Mười	H. Trà Lĩnh							F-48-33-A+21-C
xóm Cô Tó B	DC	xã Cô Mười	H. Trà Lĩnh							F-48-33-A+21-C
núi Cốc Toòng	SV	xã Cô Mười	H. Trà Lĩnh	22° 51' 47"	106° 15' 22"					F-48-33-B
núi Đán Khao	SV	xã Cô Mười	H. Trà Lĩnh	22° 51' 05"	106° 16' 06"					F-48-33-B
núi Dểu Nà	SV	xã Cô Mười	H. Trà Lĩnh	22° 53' 33"	106° 14' 26"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Kím	SV	xã Cô Mười	H. Trà Lĩnh	22° 52' 16"	106° 15' 42"					F-48-33-B
núi Lùng Nhũng	SV	xã Cô Mười	H. Trà Lĩnh	22° 51' 52"	106° 16' 30"					F-48-33-B
núi Lũng Phước	SV	xã Cô Mười	H. Trà Lĩnh	22° 52' 41"	106° 14' 00"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Riềm	SV	xã Cô Mười	H. Trà Lĩnh	22° 52' 25"	106° 13' 39"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Sảng	SV	xã Cô Mười	H. Trà Lĩnh	22° 51' 31"	106° 14' 45"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Tạc	SV	xã Cô Mười	H. Trà Lĩnh	22° 52' 04"	106° 14' 00"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Táo	DC	xã Cô Mười	H. Trà Lĩnh	22° 52' 07"	106° 16' 30"					F-48-33-B
dãy núi Nà Chiu	SV	xã Cô Mười	H. Trà Lĩnh	22° 51' 49"	106° 16' 00"					F-48-33-B
núi Thông Lý	SV	xã Cô Mười	H. Trà Lĩnh	22° 53' 13"	106° 14' 46"					F-48-33-A+21-C
suối Thông Lý	TV	xã Cô Mười	H. Trà Lĩnh			22° 53' 27"	106° 13' 56"	22° 51' 01"	106° 17' 02"	F-48-33-A+21-C; F-48-33-B
xóm Vạc Khoang	DC	xã Cô Mười	H. Trà Lĩnh	22° 52' 24"	106° 14' 47"					F-48-33-A+21-C
Chi Tổng	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh							
xóm Đán Khao - Pác Tỉnh	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 48' 56"	106° 16' 24"					F-48-33-B
núi Hói Lũng	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 46' 43"	106° 17' 19"					F-48-33-B
núi Hung Rì	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 48' 47"	106° 14' 07"					F-48-33-A+21-C
núi Lình	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 47' 39"	106° 16' 43"					F-48-33-B
xóm Lũng Cưởm	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 48' 11"	106° 17' 14"					F-48-33-B
núi Lũng Đeng	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 48' 25"	106° 17' 22"					F-48-33-B
núi Lũng Khuyên	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 49' 17"	106° 15' 56"					F-48-33-B
xóm Lũng Mu - Lũng Tháy	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 47' 30"	106° 17' 21"					F-48-33-B
xóm Lũng Nhùng - Đoỏng Đeng	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 48' 23"	106° 15' 12"					F-48-33-B
xóm Lũng Pán	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 48' 48"	106° 16' 42"					F-48-33-B
xóm Lũng Rượi - Lũng Vuộc	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 47' 40"	106° 15' 34"					F-48-33-B
xóm Lũng Rỳ - Khôn Rà	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 49' 02"	106° 15' 14"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lũng Thá	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 47' 22"	106° 16' 11"					F-48-33-B
núi Lũng Thá	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 47' 53"	106° 16' 13"					F-48-33-B
xóm Lũng Tố - Lũng Rật	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 48' 09"	106° 15' 46"					F-48-33-B
núi Lũng Y	SV	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 48' 19"	106° 15' 41"					F-48-33-B
xóm Phia Đeng - Lũng Quýn	DC	xã Lưu Ngọc	H. Trà Lĩnh	22° 48' 36"	106° 17' 33"					F-48-33-B
đường tỉnh 210	KX	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh			22° 49' 45"	106° 18' 58"	22° 41' 02"	106° 17' 03"	F-48-33-B
xóm Bản Lòa	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 50' 26"	106° 18' 35"					F-48-33-B
xóm Bản Mặc	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 50' 49"	106° 17' 40"					F-48-33-B
núi Đán	SV	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 50' 32"	106° 17' 46"					F-48-33-B
xóm Đông Rìa	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 51' 07"	106° 18' 40"					F-48-33-B
xóm Giộc Đăm	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 50' 02"	106° 18' 24"					F-48-33-B
núi Khâu Hân	SV	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 50' 41"	106° 18' 45"					F-48-33-B
xóm Khâu Phải	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 51' 12"	106° 17' 51"					F-48-33-B
suối Khuổi Luông	TV	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh			22° 52' 10"	106° 17' 14"	22° 51' 19"	106° 18' 48"	F-48-33-B
núi Lồng Vường	SV	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 49' 33"	106° 17' 57"					F-48-33-B
xóm Lũng Dạc - Lũng Quang	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh							
núi Lũng Dể	SV	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 50' 15"	106° 16' 57"					F-48-33-B
xóm Lũng Hoài	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 48' 49"	106° 18' 09"					F-48-33-B
núi Lũng Hoài	SV	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 49' 01"	106° 17' 51"					F-48-33-B
núi Lũng Nhùng	SV	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 51' 25"	106° 16' 48"					F-48-33-B
Lũng Pùa	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 49' 50"	106° 17' 02"					F-48-33-B
xóm Nà Pò	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 49' 53"	106° 17' 45"					F-48-33-B
xóm Niếng Đơ (Niếng Đầu)	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 49' 05"	106° 18' 17"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Niếng Noọc	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh							
xóm Pô Dô - Lũng Nặm	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh							
xóm Pò Khoang	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 49' 52"	106° 18' 42"					F-48-33-B
xóm Pò Mán	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 49' 43"	106° 18' 28"					F-48-33-B
xóm Rỏng Búa	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh							
Rỏng Rắc	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 50' 29"	106° 17' 28"					F-48-33-B
núi Sam Sậu	SV	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 52' 05"	106° 17' 22"					F-48-33-B
xóm Thin Phong	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 51' 43"	106° 17' 03"					F-48-33-B
suối Thống Lý	TV	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh			22° 51' 01"	106° 17' 02"	22° 49' 32"	106° 18' 59"	F-48-33-B
xóm Vững Bền	DC	xã Quang Hán	H. Trà Lĩnh	22° 49' 44"	106° 18' 50"					F-48-33-B
đường tỉnh 211	KX	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh			22° 49' 36"	106° 22' 36"	22° 50' 03"	106° 26' 47"	F-48-33-B
sông Bắc Vọng	TV	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh			22° 50' 53"	106° 24' 40"	22° 49' 21"	106° 26' 37"	F-48-33-B
xóm Bản Chang	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 48' 57"	106° 24' 47"					F-48-33-B
xóm Bản Ga - Roỏng Khuất	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 49' 23"	106° 24' 55"					F-48-33-B
xóm Bản Ngắn	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 49' 39"	106° 23' 49"					F-48-33-B
xóm Búng Ỗ	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 50' 43"	106° 24' 43"					F-48-33-B
núi Cám Chóng	SV	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 50' 02"	106° 22' 58"					F-48-33-B
xóm Cốc Chí	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 49' 49"	106° 23' 49"					F-48-33-B
núi Cốc Phát	SV	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 50' 17"	106° 23' 41"					F-48-33-B
núi Động Mèo	SV	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 50' 30"	106° 25' 40"					F-48-33-B
xóm Lạn Trên - Lạn Dưới	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 49' 07"	106° 23' 30"					F-48-33-B
núi Lũng Báng	SV	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 49' 38"	106° 22' 59"					F-48-33-B
xóm Lũng Ngùa	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh							
Nga Ham	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 49' 16"	106° 26' 19"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Ngã Tư Mỏ - Tăng Giường	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 49' 26"	106° 24' 21"					F-48-33-B
xóm Pác Rình - Kéo Háo	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 50' 46"	106° 23' 10"					F-48-33-B
núi Rửa	SV	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 50' 37"	106° 22' 46"					F-48-33-B
xóm Sác Hạ	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh							
xóm Sác Thượng - Cốc Đứa	DC	xã Quang Trung	H. Trà Lĩnh	22° 50' 16"	106° 25' 26"					F-48-33-B
xóm Bó Khôn	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 51' 23"	106° 13' 20"					F-48-33-A+21-C
xóm Cả Pắng	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 47"	106° 13' 16"					F-48-33-A+21-C
xóm Lạc Hiện	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 49' 33"	106° 13' 56"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Bằng	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 48' 37"	106° 13' 15"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Cuổi	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 23"	106° 15' 44"					F-48-33-B
xóm Lũng Cuổi - Răng Hống	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 35"	106° 15' 04"					F-48-33-B
xóm Lũng Đẩn	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 39"	106° 12' 55"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Hoài	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 35"	106° 16' 35"					F-48-33-B
xóm Lũng Khoen	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 49' 14"	106° 13' 03"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Luông	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 03"	106° 15' 00"					F-48-33-B
xóm Lũng Nà	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 51' 02"	106° 14' 59"					F-48-33-A+21-C
xóm Lũng Nặm	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 42"	106° 14' 16"					F-48-33-A+21-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lũng Pản	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 49' 51"	106° 15' 56"					F-48-33-B
núi Lũng Pục	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 09"	106° 14' 15"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Roọc	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 51' 04"	106° 14' 20"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Sảng	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 51' 07"	106° 15' 13"					F-48-33-B
xóm Lũng Xỏm	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 24"	106° 13' 39"					F-48-33-A+21-C
núi Lũng Xỏm	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 50' 00"	106° 13' 20"					F-48-33-A+21-C
xóm Nặm Hoằm	DC	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 49' 24"	106° 15' 37"					F-48-33-B
núi Thăng Nà	SV	xã Quang Vinh	H. Trà Lĩnh	22° 48' 33"	106° 12' 52"					F-48-33-A+21-C
quốc lộ 3	KX	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh			22° 42' 58"	106° 21' 15"	22° 43' 11"	106° 19' 54"	F-48-33-D
đường tỉnh 205	KX	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh			22° 43' 51"	106° 20' 06"	22° 45' 57"	106° 20' 10"	F-48-33-B; 33-D
xóm Bản Danh	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 50"	106° 19' 09"					F-48-33-B
xóm Bản Quang	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 44"	106° 19' 35"					F-48-33-B
xóm Cao Xuyên	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 43' 44"	106° 20' 40"					F-48-33-D
xóm Cốc Phát	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 44' 06"	106° 20' 01"					F-48-33-D
xóm Khau Rặc	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 44' 48"	106° 20' 27"					F-48-33-D
núi Lũng Đẩy	SV	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 47"	106° 17' 27"					F-48-33-B
xóm Lũng Đẩy Dưới	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 20"	106° 18' 20"					F-48-33-B
xóm Lũng Đẩy Trên - Lũng Tỳ	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 44' 54"	106° 18' 30"					F-48-33-D
xóm Lũng Giang	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 44' 13"	106° 19' 22"					F-48-33-D
núi Lũng Lẹng	SV	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 03"	106° 19' 59"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Riệc	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 13"	106° 19' 23"					F-48-33-B
núi Lũng Riệc	SV	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 15"	106° 18' 51"					F-48-33-B
xóm Lũng Sặp	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 44' 19"	106° 19' 55"					F-48-33-D
xóm Lũng Táo	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 40"	106° 18' 35"					F-48-33-B
xóm Lũng Úc - Lũng Lẹng	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 38"	106° 20' 23"					F-48-33-B
đèo Mã Phục	SV	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 43' 46"	106° 20' 06"					F-48-33-D
núi Man Hoàng	SV	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 18"	106° 21' 11"					F-48-33-B
xóm Nhòm Nhèm	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 43' 03"	106° 20' 22"					F-48-33-D
xóm Pác Vầu	DC	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 43' 17"	10° 62' 12"					F-48-33-D
hồ Thăng Hen	TV	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 45' 38"	106° 17' 29"					F-48-33-B
hồ Thăng Luông	TV	xã Quốc Toản	H. Trà Lĩnh	22° 46' 07"	106° 17' 29"					F-48-33-B
sông Bắc Vọng	TV	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh			22° 53' 02"	106° 22' 50"	22° 50' 53"	106° 24' 40"	F-48-33-B
xóm Bản Soa	DC	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 35"	106° 23' 45"					F-48-33-B
Bản Thìn	DC	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 09"	106° 22' 59"					F-48-33-B
xóm Bình Chỉnh Dưới	DC	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 18"	106° 25' 37"					F-48-33-B
xóm Bình Chỉnh Trên	DC	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 09"	106° 25' 21"					F-48-33-B
núi Cố Rí	SV	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 31"	106° 24' 35"					F-48-33-B
xóm Đông Căm	DC	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh							F-48-33-B
núi Khau Lượt	SV	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 50' 55"	106° 25' 32"					F-48-33-B
xóm Kủng Kẹo	DC	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 40"	106° 22' 47"					F-48-33-B
núi Lũng Ái	SV	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 40"	106° 21' 35"					F-48-33-B
xóm Lũng Lão	DC	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh							
xóm Lũng Nặm	DC	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 18"	106° 21' 42"					F-48-33-B
Lũng Nặm Nưa	DC	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 36"	106° 21' 51"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Nạp	DC	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 50' 32"	106° 24' 14"					F-48-33-B
xóm Lũng Phầu	DC	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 13"	106° 22' 24"					F-48-33-B
núi Lũng Rưởi	SV	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 13"	106° 24' 43"					F-48-33-B
xóm Lũng Thiến - Lũng Pầu	DC	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 20"	106° 21' 57"					F-48-33-B
xóm Nà Đán	DC	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 47"	106° 23' 09"					F-48-33-B
suối Nà Đàn	TV	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh			22° 51' 01"	106° 22' 46"	22° 51' 31"	106° 21' 54"	F-48-33-B
xóm Nà Giốc	DC	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 11"	106° 23' 26"					F-48-33-B
núi Nà Giốc	SV	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 23"	106° 23' 41"					F-48-33-B
xóm Nà Hán	DC	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 26"	106° 22' 57"					F-48-33-B
suối Nà Hán	TV	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh			22° 50' 59"	106° 22' 51"	22° 51' 48"	106° 23' 29"	F-48-33-B
xóm Pác Soa	DC	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 16"	106° 23' 48"					F-48-33-B
núi Pác Tảy	SV	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 50' 49"	106° 22' 14"					F-48-33-B
núi Páo Năm	SV	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 52' 28"	106° 24' 59"					F-48-33-B
đồi Rí Thẳng	SV	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 00"	106° 23' 38"					F-48-33-B
núi Thành Gà	SV	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 18"	106° 22' 13"					F-48-33-B
núi Thành Gà	SV	xã Tri Phương	H. Trà Lĩnh	22° 51' 10"	106° 21' 34"					F-48-33-B
đường tỉnh 211	KX	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh			22° 51' 02"	106° 20' 09"	22° 49' 36"	106° 22' 36"	F-48-33-B
xóm Bản Khuổi - Lũng Rả	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 48' 27"	106° 22' 02"					F-48-33-B
Bản Mán	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 49' 25"	106° 21' 28"					F-48-33-B
núi Chang Rằng	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 50' 00"	106° 21' 47"					F-48-33-B
xóm Đông Luông	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 49' 09"	106° 21' 48"					F-48-33-B
thung lũng Hoài	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 50' 18"	106° 22' 08"					F-48-33-B
núi Keng Đuống	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 48' 32"	106° 23' 11"					F-48-33-B
núi Khau Sảng	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 48' 49"	106° 21' 56"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Làn Hoài - Tơ Kéo (Lũng Hoài - Tẩu Kéo)	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 49' 38"	106° 22' 09"					F-48-33-B
núi Lũng Giảo	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 48' 22"	106° 21' 13"					F-48-33-B
xóm Lũng Nooc	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh							
núi Lũng Rì	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 49' 08"	106° 22' 30"					F-48-33-B
Lũng Riềm	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 50' 36"	106° 21' 54"					F-48-33-B
xóm Lũng Tung	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 50' 55"	106° 20' 23"					F-48-33-B
xóm Mán Đơ (Mán Đâư)	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 49' 57"	106° 21' 24"					F-48-33-B
Mán Nooc	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 50' 29"	106° 21' 10"					F-48-33-B
xóm Máng	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 48' 54"	106° 21' 12"					F-48-33-B
thung lũng Mười	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 51' 07"	106° 20' 37"					F-48-33-B
núi Nà Giang	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 47' 47"	106° 21' 48"					F-48-33-B
núi Nà Giốc	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 49' 18"	106° 21' 55"					F-48-33-B
núi Nà Lếch	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 49' 17"	106° 21' 27"					F-48-33-B
xóm Nà Lếch – Nà Rưởng	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh							
xóm Nà Ngỏn - Lũng Đơ (Nà Ngỏn - Lũng Đâư)	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh							
núi Pác Mác	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 47' 47"	106° 23' 47"					F-48-33-B
xóm Súm Dưới - Lũng Coóng	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh							F-48-33-B
xóm Súm Trên	DC	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh							F-48-33-B
đồi Tẻnh Ít	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 50' 02"	106° 21' 02"					F-48-33-B
đồi Tẻnh Nà	SV	xã Xuân Nội	H. Trà Lĩnh	22° 50' 25"	106° 20' 33"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 1	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 2	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 3	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 4	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh	22° 50' 11"	106° 31' 41"					F-48-34-A
tổ 5	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 6	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 7	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 8	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 9	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 10	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 11	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 12	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
tổ 13	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
đường tỉnh 206	KX	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh			22° 49' 42"	106° 30' 45"	22° 50' 41"	106° 31' 45"	F-48-34-A
xóm Nặm Lìn	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh							
xóm Thang Lý	DC	TT. Trung Khánh	H. Trùng Khánh	22° 50' 17"	106° 31' 47"					F-48-34-A
đường tỉnh 206	KX	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh			22° 48' 49"	106° 30' 22"	22° 49' 42"	106° 30' 45"	F-48-34-A
xóm Bản Chang	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 48' 55"	106° 29' 22"					F-48-33-B
xóm Cốc Chia	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 48' 51"	106° 29' 08"					F-48-33-B
xóm Cốc Lại	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 49' 16"	106° 29' 25"					F-48-33-B
đèo Keng Mạ	SV	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 48' 45"	106° 22' 02"					F-48-33-B
xóm Pác Đông	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh							
xóm Pác Rao	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 49' 16"	106° 30' 29"					F-48-34-A
xóm Pò Có	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 49' 20"	106° 28' 33"					F-48-33-B
xóm Rằng Đin	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh							
xóm Thềng Khê	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 48' 39"	106° 32' 01"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Thềng Quốc	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 49' 01"	106° 31' 20"					F-48-34-A
Tinh Kha	DC	xã Cảnh Tiên	H. Trùng Khánh	22° 48' 42"	106° 32' 50"					F-48-34-A
xóm Bản Hâu	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 47' 57"	106° 34' 00"					F-48-34-A
xóm Bản Luông	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 47' 11"	106° 34' 58"					F-48-34-A
xóm Bo Lành	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 48' 01"	106° 35' 09"					F-48-34-A
xóm Bó Mạ	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 48' 09"	106° 34' 37"					F-48-34-A
xóm Co Rược - Bản Vạng	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 46' 22"	106° 34' 22"					F-48-34-A
xóm Đông Sâu - Phia Mạ	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 46' 31"	106° 34' 37"					F-48-34-A
xóm Đoỏng Rin	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 48' 03"	106° 33' 16"					F-48-34-A
núi Khan Pung	SV	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 48' 48"	106° 34' 23"					F-48-34-A
xóm Lũng Gùng	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 46' 24"	106° 32' 50"					F-48-34-A
xóm Nà Chi	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 46' 51"	106° 34' 47"					F-48-34-A
núi Nà Gà	SV	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 48' 43"	106° 33' 50"					F-48-34-A
xóm Pác Bo	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 47' 47"	106° 32' 52"					F-48-34-A
xóm Pác Lung	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 46' 07"	106° 33' 33"					F-48-34-A
xóm Pác Ra - Lũng Nọi	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 48' 17"	106° 34' 10"					F-48-34-A
xóm Pác Thoòng	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 47' 37"	106° 34' 37"					F-48-34-A
núi Phia Đan	SV	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 47' 25"	106° 35' 53"					F-48-34-A
xóm Phia Lốm	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 46' 54"	106° 34' 27"					F-48-34-A
đồi Phò Chiêu	SV	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 46' 00"	106° 33' 42"					F-48-34-A
xóm Pò Đon	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 47' 50"	106° 33' 32"					F-48-34-A
xóm Pò Gáp	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 46' 39"	106° 34' 15"					F-48-34-A
xóm Thang Nà	DC	xã Cao Thăng	H. Trùng Khánh	22° 47' 55"	106° 32' 51"					F-48-34-A
đường tỉnh 206	KX	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh			22° 49' 17"	106° 35' 44"	22° 50' 14"	106° 39' 24"	F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bản Háng	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 16"	106° 38' 19"					F-48-34-A
xóm Bản Khái	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 56"	106° 38' 59"					F-48-34-A
xóm Bản Ruộc	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 03"	106° 36' 26"					F-48-34-A
xóm Bản Thay	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 48' 13"	106° 39' 58"					F-48-34-A
xóm Boong Dưới	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 47' 56"	106° 38' 09"					F-48-34-A
xóm Boong Trên	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 48' 10"	106° 38' 46"					F-48-34-A
núi Chiêu Rấc	SV	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 28"	106° 39' 10"					F-48-34-A
xóm Chúc Bảo	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 02"	106° 37' 14"					F-48-34-A
xóm Đỏng Đeng	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 51' 09"	106° 38' 21"					F-48-34-A
xóm Đông Long	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 48' 33"	106° 38' 24"					F-48-34-A
xóm Đông Môn	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 50"	106° 39' 12"					F-48-34-A
xóm Đồng Tâm	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 42"	106° 37' 36"					F-48-34-A
núi Đoỏng Thiên	SV	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 44"	106° 39' 40"					F-48-34-A
xóm Gò Ma	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 44"	106° 38' 08"					F-48-34-A
núi Huyền Chinh	SV	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 49"	106° 36' 02"					F-48-34-A
xóm Kéo Háng	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 44"	106° 38' 06"					F-48-34-A
xóm Lũng Hoạt	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 51' 53"	106° 38' 29"					F-48-34-A
xóm Lũng Nội	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 48' 45"	106° 36' 42"					F-48-34-A
xóm Nà Mu	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 11"	106° 39' 06"					F-48-34-A
xóm Nà Sơn	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 07"	106° 37' 41"					F-48-34-A
xóm Nà Tuy	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 03"	106° 38' 38"					F-48-34-A
núi Ngườm Pắp	SV	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 51' 20"	106° 38' 42"					F-48-34-A
xóm Pác Mác	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 04"	106° 36' 50"					F-48-34-A
xóm Phia Đeng	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 19"	106° 37' 09"					F-48-34-A
xóm Phia Móc	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 50' 21"	106° 37' 44"					F-48-34-A
núi Phia Quán	SV	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 44"	106° 36' 42"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pò Mèo	SV	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 48' 20"	106° 38' 16"					F-48-34-A
xóm Pò Tấu	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 49' 31"	106° 37' 44"					F-48-34-A
sông Quây Sơn	TV	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh			22° 51' 15"	106° 39' 45"	22° 49' 58"	106° 36' 58"	F-48-34-A
xóm Thanh Lâm	DC	xã Chí Viễn	H. Trùng Khánh	22° 48' 38"	106° 37' 22"					F-48-34-A
đường tỉnh 206	KX	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh			22° 51' 02"	106° 39' 49"	22° 51' 01"	106° 43' 47"	F-48-34-A
xóm Bản Cải	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 50' 21"	106° 40' 45"					F-48-34-A
xóm Bản Chang	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 52' 14"	106° 41' 16"					F-48-34-A
xóm Bản Dít	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 51' 28"	106° 41' 11"					F-48-34-A
xóm Bản Giốc	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 51' 14"	106° 42' 08"					F-48-34-A
thác Bản Giốc	TV	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 51' 26"	106° 43' 14"					F-48-34-A
xóm Bản Gun - Khuổi Ky	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 51' 32"	106° 42' 15"					F-48-34-A
xóm Bản Nom	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 52' 00"	106° 42' 05"					F-48-34-A
xóm Bản Nưa	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh							
xóm Bản Phang	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh							
xóm Bản Rạ	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh							
xóm Bản Thuôn	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh							
xóm Cô Muông	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 51' 34"	106° 42' 38"					F-48-34-A
suối Gun	TV	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh			22° 50' 08"	106° 41' 26"	22° 51' 46"	106° 42' 22"	F-48-34-A
xóm Háng Hao	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh							
xóm Keo Nà	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh							
xóm Keo Nà	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 50' 55"	106° 40' 05"					F-48-34-A
núi Lũng Đeng	SV	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 52' 35"	106° 42' 14"					F-48-34-A
xóm Lũng Niếc	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 50' 38"	106° 43' 24"					F-48-34-A
xóm Lũng Phiắc 1	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 52' 48"	106° 41' 22"					F-48-34-A
xóm Lũng Phiắc 2	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh							F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Phiắc 3	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh							F-48-34-A
xóm Nà Đeng - Lũng Nọi	DC	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	22° 52' 22"	106° 41' 49"					F-48-34-A
động Ngao	SV	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh	20° 50' 58"	106° 43' 08"					F-48-34-A
sông Quây Sơn	TV	xã Đàm Thủy	H. Trùng Khánh			22° 51' 15"	106° 39' 45"	22° 51' 02"	106° 43' 20"	F-48-34-A
đường tỉnh 211	KX	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh			22° 52' 31"	106° 35' 06"	22° 53' 18"	106° 35' 36"	F-48-34-A
xóm Bản Chang - Thang Nà	DC	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh	22° 49' 08"	106° 32' 31"					F-48-34-A
xóm Bản Đà	DC	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh	22° 49' 32"	106° 32' 13"					F-48-34-A
xóm Bình Lang	DC	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh	22° 49' 51"	106° 33' 21"					F-48-34-A
xóm Bó Đa - Khau Gát	DC	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh	22° 49' 07"	106° 32' 56"					F-48-34-A
xóm Khưa Khảo	DC	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh	22° 49' 43"	106° 32' 38"					F-48-34-A
xóm Khưa Nâu - Phia Sách	DC	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh							
hang Ngườm Mạ	KX	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh							
núi Phia Luông	SV	xã Đình Minh	H. Trùng Khánh	22° 49' 13"	106° 31' 59"					F-48-34-A
đường tỉnh 211	KX	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh			22° 52' 31"	106° 35' 06"	22° 53' 18"	106° 35' 36"	F-48-34-A
xóm Bản Chang - Bản Giang	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 52' 04"	106° 36' 23"					F-48-34-A
xóm Bản Luông	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 51' 11"	106° 36' 29"					F-48-34-A
xóm Bó Thốc	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh							
núi Chông Mu	SV	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 53' 35"	106° 37' 00"					F-48-34-A
xóm Đỏng Luông - Chi Choi	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 52' 42"	106° 36' 10"					F-48-34-A
xóm Giảng Gà	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh							
xóm Giộc Giao	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 50' 33"	106° 36' 39"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đền Hoàng Lục	KX	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh							F-48-34-A
xóm Lũng Nậm	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 51' 25"	106° 37' 42"					F-48-34-A
xóm Nà Sa	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 50' 45"	106° 36' 15"					F-48-34-A
xóm Nà Thoang	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 51' 48"	106° 35' 51"					F-48-34-A
xóm Nộc Cu	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh							
xóm Pác Gọn	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 51' 19"	106° 35' 35"					F-48-34-A
núi Phia Lạng	SV	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 51' 14"	106° 37' 24"					F-48-34-A
sông Quây Sơn	TV	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh			22° 52' 36"	106° 35' 09"	22° 49' 58"	106° 36' 58"	F-48-34-A
xóm Ta Liêng - Hát Pan	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 52' 23"	106° 35' 49"					F-48-34-A
núi Ta Mấn	SV	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 51' 01"	106° 34' 53"					F-48-34-A
xóm Ta Nang	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 52' 17"	106° 36' 10"					F-48-34-A
thủy điện Thông Cót	KX	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 50' 07"	106° 36' 52"					F-48-34-A
xóm Vườn Luông - Ta Mấn	DC	xã Đình Phong	H. Trùng Khánh	22° 52' 05"	106° 35' 39"					F-48-34-A
xóm Bản Lũng - Tắp Ná	DC	xã Đoài Côn	H. Trùng Khánh	22° 43' 23"	106° 32' 21"					F-48-34-C+D
xóm Lũng Lo	DC	xã Đoài Côn	H. Trùng Khánh	22° 45' 03"	106° 30' 38"					F-48-34-A
xóm Lũng Luông - Lũng Rì	DC	xã Đoài Côn	H. Trùng Khánh							
xóm Nà Quang	DC	xã Đoài Côn	H. Trùng Khánh	22° 45' 18"	106° 30' 26"					F-48-34-A
núi Pác Mác	SV	xã Đoài Côn	H. Trùng Khánh	22° 43' 52"	106° 32' 20"					F-48-34-C+D
xóm Pác Thàn (Pài Na)	DC	xã Đoài Côn	H. Trùng Khánh	22° 45' 01"	106° 30' 07"					F-48-34-A
xóm Pò Gài	DC	xã Đoài Côn	H. Trùng Khánh	22° 45' 48"	106° 29' 52"					F-48-33-B
núi Sa Ven	SV	xã Đoài Côn	H. Trùng Khánh	22° 42' 22"	106° 31' 55"					F-48-34-C+D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Sảng Cao	SV	xã Đoài Côn	H. Trùng Khánh	22° 45' 04"	106° 30' 11"					F-48-34-A
xóm Sộc Hoắc	DC	xã Đoài Côn	H. Trùng Khánh	22° 45' 43"	106° 30' 19"					F-48-34-A
đường tỉnh 206	KX	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh			22° 46' 45"	106° 30' 23"	22° 48' 49"	106° 30' 22"	F-48-33-B
xóm Cổ Phương 1	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 47' 10"	106° 30' 17"					F-48-34-A
xóm Cổ Phương 2	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 47' 10"	106° 30' 17"					F-48-34-A
xóm Đầu Cầu	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 47' 07"	106° 31' 06"					F-48-34-A
núi Lũng Diên	SV	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 48' 18"	106° 29' 31"					F-48-33-B
núi Lũng Mò	SV	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 48' 10"	106° 30' 09"					F-48-34-A
xóm Lũng Nà	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 47' 41"	106° 29' 31"					F-48-33-B
xóm Lũng Túng	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh							F-48-33-B
xóm Nà Khiêu	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 52' 27"	106° 31' 57"					F-48-33-B
xóm Nà Ngườm	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 47' 24"	106° 32' 10"					F-48-34-A
xóm Nà Rầy 1	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 47' 02"	106° 31' 25"					F-48-34-A
xóm Nà Rầy 2	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh							F-48-34-A
xóm Nà Thia	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 51' 03"	106° 30' 27"					F-48-33-B
núi Pác Hoang	SV	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 48' 00"	106° 31' 21"					F-48-34-A
núi Pác Nà	SV	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 48' 39"	106° 30' 46"					F-48-34-A
núi Phia Đeng	SV	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh	22° 46' 51"	106° 30' 15"					F-48-34-A
xóm Sộc Khâm - Lũng Môn	DC	xã Đức Hồng	H. Trùng Khánh							F-48-33-B
đường tỉnh 211	KX	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh			22° 50' 41"	106° 31' 45"	22° 51' 35"	106° 31' 01"	F-48-34-A
xóm Bản Mới	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 50' 59"	106° 31' 45"					F-48-34-A
xóm Chăm Che	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 06"	106° 33' 02"					F-48-34-A
xóm Đà Hoặc	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 36"	106° 31' 25"					F-48-34-A
núi Lũng Cao	SV	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 31"	106° 28' 56"					F-48-33-B
núi Lũng Găn	SV	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 52' 01"	106° 30' 30"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Lũng Kít	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 50"	106° 31' 11"					F-48-34-A
núi Lũng Po	SV	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 52' 17"	106° 29' 34"					F-48-33-B
xóm Nà Gọn	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 50' 59"	106° 31' 11"					F-48-34-A
xóm Nà Nôm	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 50' 52"	106° 29' 41"					F-48-33-B
xóm Nậm Sụm - Pác Thay - Tấn Mấu	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 36"	106° 30' 03"					F-48-34-A
núi Ngườm Bang	SV	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 50' 32"	106° 32' 51"					F-48-34-A
xóm Pác Chang	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 10"	106° 30' 14"					F-48-34-A
xóm Phia Gà	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 10"	106° 32' 15"					F-48-34-A
xóm Phia Hồng	DC	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 50' 42"	106° 30' 14"					F-48-34-A
núi Thua Khao	SV	xã Khâm Thành	H. Trùng Khánh	22° 51' 26"	106° 31' 58"					F-48-34-A
đường tỉnh 211	KX	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh			22° 49' 59"	106° 27' 28"	22° 50' 11"	106° 30' 51"	F-48-34-A; F-48-33-B
xóm Bản Giăn	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh							
xóm Đà Tiên	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 49' 59"	106° 30' 01"					F-48-33-B
xóm Đông Đô	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 51' 08"	106° 28' 28"					F-48-33-B
xóm Hiếu Lễ	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 50' 26"	106° 29' 41"					F-48-33-B
núi Keng Đáy	SV	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 51' 51"	106° 28' 03"					F-48-33-B
xóm Kéo Chướng - Bản Liêng	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 50' 31"	106° 29' 08"					F-48-33-B
xóm Lũng Môn	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh							
suối Ngườm Ngàm	TV	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh							
xóm Pác Cuổi	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 50' 56"	106° 28' 59"					F-48-33-B
Pác Ra	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 51' 03"	106° 28' 53"					F-48-33-B
xóm Phia Ngược	DC	xã Lăng Hiếu	H. Trùng Khánh	22° 50' 49"	106° 28' 00"					F-48-33-B
đường tỉnh 211	KX	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh			22° 49' 59"	106° 27' 28"	22° 50' 03"	106° 26' 47"	F-48-33-B
xóm Bản Chiên	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 50' 16"	106° 27' 12"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đông Niểng	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 51' 29"	106° 27' 06"					F-48-33-B
xóm Kéo Tong	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 50' 57"	106° 26' 27"					F-48-33-B
núi Lũng Choang	SV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 53' 13"	106° 25' 00"					F-48-33-B
xóm Lũng Gia	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 51' 10"	106° 26' 38"					F-48-33-B
núi Lũng Kha	SV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 52' 57"	106° 25' 34"					F-48-33-B
xóm Lũng Rẳng	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 51' 59"	106° 26' 45"					F-48-33-B
núi Lũng Sung	SV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 53' 22"	106° 25' 17"					F-48-33-B
núi Noóc Mò	SV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 51' 00"	106° 26' 37"					F-48-33-B
xóm Pác Nà	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 51' 03"	106° 27' 31"					F-48-33-B
núi Pác Nặm	SV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 51' 59"	106° 26' 13"					F-48-33-B
suối Pác Nặm	TV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh			22° 52' 25"	106° 25' 36"	22° 51' 25"	106° 27' 42"	F-48-33-B
Páo Năm	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 52' 27"	106° 25' 33"					F-48-33-B
núi Phài Khoang	SV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 50' 44"	106° 27' 04"					F-48-33-B
xóm Rẳng Rang	DC	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 52' 14"	106° 26' 03"					F-48-33-B
núi Thin Pâu	SV	xã Lăng Yên	H. Trùng Khánh	22° 51' 45"	106° 26' 02"					F-48-33-B
núi Cô Chia	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 54' 11"	106° 28' 37"					F-48-33-B
xóm Cốc Chia	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 51' 03"	106° 28' 43"					F-48-33-B
xóm Giộc Khăm	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 04"	106° 28' 31"					F-48-33-B
xóm Giộc Vung	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 16"	106° 28' 46"					F-48-33-B
núi Khau Rung	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 07"	106° 29' 21"					F-48-33-B
núi Lũng Bằng	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 00"	106° 27' 44"					F-48-33-B
xóm Lũng Bẳng	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 43"	106° 27' 10"					F-48-33-B
xóm Lũng Chát	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 40"	106° 26' 38"					F-48-33-B
núi Lũng Chi	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 54' 02"	106° 28' 15"					F-48-33-B
núi Lũng Choát	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 10"	106° 27' 52"					F-48-33-B
xóm Lũng Chuông	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 52' 43"	106° 27' 41"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lũng Chuông	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 33"	106° 27' 36"					F-48-33-B
núi Lũng Gà	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 52' 24"	106° 27' 33"					F-48-33-B
núi Lũng Po	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 52' 49"	106° 29' 14"					F-48-33-B
núi Lũng Quang	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 37"	106° 28' 26"					F-48-33-B
Lũng Riện	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 51"	106° 28' 35"					F-48-33-B
núi Lũng Tỳ	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 50"	106° 26' 53"					F-48-33-B
núi Nậm Thúm	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 53' 57"	106° 27' 01"					F-48-33-B
xóm Pác Pó	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 52' 27"	106° 28' 33"					F-48-33-B
xóm Pác Quan	DC	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 51' 59"	106° 28' 18"					F-48-33-B
núi Pài Làn	SV	xã Ngọc Chung	H. Trùng Khánh	22° 54' 08"	106° 26' 58"					F-48-33-B
đường tỉnh 213	KX	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh			22° 54' 22"	106° 34' 06"	22° 56' 34"	106° 32' 00"	F-48-34-A
xóm Bó Hay - Pác Ngà	DC	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 55' 40"	106° 32' 00"					F-48-34-A
xóm Bản Mài (Bản Miài)	DC	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh							
xóm Đông Xi	DC	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh							
xóm Kéo Giáo	DC	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 55' 06"	106° 33' 11"					F-48-34-A
xóm Khưa Hoi	DC	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 55' 28"	106° 32' 28"					F-48-34-A
núi Lũng An	SV	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 55' 28"	106° 31' 51"					F-48-34-A
núi Lũng Khuốt	SV	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 55' 47"	106° 31' 04"					F-48-34-A
núi Lũng Qua	SV	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 54' 29"	106° 32' 05"					F-48-34-A
núi Lũng Thoang	SV	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 55' 15"	106° 34' 45"					F-48-34-A
xóm Nà Giào	DC	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 56' 13"	106° 31' 12"					F-48-34-A
xóm Phia Mạ	DC	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 55' 36"	106° 32' 37"					F-48-34-A
xóm Phia Muông	DC	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 56' 16"	106° 31' 51"					F-48-34-A
xóm Phia Riểm	DC	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 54' 55"	106° 33' 01"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Pò Dao	SV	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 56' 28"	106° 30' 51"					F-48-34-A
xóm Pò Peo	DC	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 56' 03"	106° 32' 10"					F-48-34-A
cửa khẩu Pò Peo	KX	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 56' 32"	106° 32' 01"					F-48-34-A
sông Quây Sơn	TV	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh			22° 54' 18"	106° 33' 48"	22° 56' 52"	106° 30' 58"	F-48-34-A
xóm Tậu Bản	DC	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh							
núi Tôm Đeng	SV	xã Ngọc Côn	H. Trùng Khánh	22° 54' 16"	106° 32' 22"					F-48-34-A
đường tỉnh 213	KX	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh			22° 53' 18"	106° 35' 36"	22° 54' 22"	106° 34' 06"	F-48-34-A
xóm Bảo Nhom	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 54' 13"	106° 34' 04"					F-48-34-A
xóm Đỏng Dọa - Pác Thay - Pác Piao	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 52' 37"	106° 34' 41"					F-48-34-A
xóm Đỏng Ỏi	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 53' 28"	106° 34' 49"					F-48-34-A
Gàng Nộc	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 52' 56"	106° 34' 58"					F-48-34-A
núi Giang Mũ	SV	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 54' 50"	106° 35' 24"					F-48-34-A
xóm Giộc Sâu	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 53' 51"	106° 33' 37"					F-48-34-A
xóm Giộc Sung	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 47' 33"	106° 28' 08"					F-48-33-B
núi Lũng Đắc	SV	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 53' 53"	106° 33' 14"					F-48-34-A
xóm Lũng Hoài	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 46' 32"	106° 27' 14"					F-48-33-B
xóm Lũng Lầu	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 48' 57"	106° 26' 02"					F-48-33-B
xóm Nà Bai - Khả Mong - Làng Mới	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 48' 26"	106° 25' 23"					F-48-33-B
xóm Nà Gạch	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 51' 42"	106° 33' 24"					F-48-34-A
xóm Nà Lỏng	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 52' 01"	106° 33' 13"					F-48-34-A
hang Ngườm Hoài	KX	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh							F-48-34-A
xóm Nông Trường	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 54' 16"	106° 35' 36"					F-48-34-A
Pác Phiao	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 52' 22"	106° 34' 28"					F-48-34-A
xóm Pác Thay	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 52' 44"	106° 34' 02"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Phia Thang	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh							
sông Quây Sơn	TV	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh			22° 52' 36"	106° 35' 09"	22° 54' 18"	106° 33' 48"	F-48-34-A
xóm Ta Nay	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 53' 00"	106° 34' 34"					F-48-34-A
xóm Thom Luông	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 51' 56"	106° 33' 43"					F-48-34-A
Thôm Luông	DC	xã Ngọc Khê	H. Trùng Khánh	22° 53' 24"	106° 34' 25"					F-48-34-A
đường tỉnh 206	KX	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh			22° 49' 25"	106° 33' 36"	22° 49' 17"	106° 35' 44"	F-48-34-A
xóm Bài Riêng	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh							
xóm Bản Piên	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh							
xóm Bản Quan	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 48' 56"	106° 35' 32"					F-48-34-A
xóm Bản Viết	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 48' 32"	106° 36' 06"					F-48-34-A
hồ Bản Viết	TV	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 47' 59"	106° 36' 20"					F-48-34-A
núi Bo Ngần	SV	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 47' 48"	106° 37' 40"					F-48-34-A
xóm Bó Thua Ma	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh							
xóm Co Bây	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 49' 56"	106° 34' 48"					F-48-34-A
xóm Đông Quan	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 49' 13"	106° 34' 30"					F-48-34-A
Lũng Hoài	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 48' 35"	106° 36' 31"					F-48-34-A
Lũng Luông	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 50' 50"	106° 34' 15"					F-48-34-A
xóm Nà Giốc - Pò Gài	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 49' 25"	106° 34' 47"					F-48-34-A
xóm Nà Mằn	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 50' 12"	106° 35' 19"					F-48-34-A
Nà Vựa	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 48' 46"	106° 35' 24"					F-48-34-A
xóm Pác Coóng	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 49' 22"	106° 35' 09"					F-48-34-A
Pác Mác	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 49' 09"	106° 35' 47"					F-48-34-A
xóm Phía Bó	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 49' 53"	106° 33' 56"					F-48-34-A
xóm Tân Phong	DC	xã Phong Châu	H. Trùng Khánh	22° 47' 46"	106° 36' 21"					F-48-34-A
núi Bang Nặc	SV	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh	22° 52' 33"	106° 31' 51"					F-48-34-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Canh Cấp - Bài Ban - Kéo Viếng	DC	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh	22° 52' 57"	106° 32' 09"					F-48-34-A
xóm Đà Bè	DC	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh	22° 54' 02"	106° 30' 31"					F-48-34-A
núi Đa Bê	SV	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh	22° 53' 46"	106° 30' 25"					F-48-34-A
xóm Giốc Man	DC	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh	22° 53' 09"	106° 31' 37"					F-48-34-A
xóm Gộc Rùng	DC	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh							
núi Keo Tăn	SV	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh	22° 52' 57"	106° 32' 42"					F-48-34-A
xóm Keo Việng	DC	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh	22° 47' 33"	106° 28' 08"					F-48-33-B
núi Khan Mín	SV	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh	22° 53' 37"	106° 32' 19"					F-48-34-A
núi Lũng Biên	SV	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh	22° 53' 58"	106° 29' 42"					F-48-33-B
núi Lũng Cô	SV	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh	22° 54' 09"	106° 30' 59"					F-48-34-A
xóm Lũng Điêng	DC	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh	22° 53' 24"	106° 30' 40"					F-48-34-A
núi Lũng En	SV	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh	22° 54' 39"	106° 30' 31"					F-48-34-A
núi Lũng Lợi	SV	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh	22° 53' 01"	106° 30' 08"					F-48-34-A
núi Lũng Mằn	SV	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh	22° 52' 37"	106° 30' 37"					F-48-34-A
núi Lũng Páo	SV	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh	22° 53' 36"	106° 29' 49"					F-48-33-B
núi Lũng Riên	SV	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh	22° 54' 01"	106° 29' 08"					F-48-33-B
núi Lũng Rùng	SV	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh	22° 53' 08"	106° 32' 20"					F-48-34-A
xóm Lũng Rỳ	DC	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh	22° 53' 12"	106° 29' 46"					F-48-33-B
xóm Nà Chang - Nà Hâu	DC	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh	22° 46' 32"	106° 27' 14"					F-48-33-B
xóm Nà Đoan - Đà Bút	DC	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh	22° 52' 27"	106° 32' 19"					F-48-34-A
xóm Nà Thông	DC	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh	22° 52' 50"	106° 31' 22"					F-48-34-A
xóm Ngườm Hoài	DC	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh							
xóm Pác Đông	DC	xã Phong Nậm	H. Trùng Khánh							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bản Coỏng	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh	22° 45' 11"	106° 32' 16"					F-48-34-A
xóm Bản Mang - Lũng Lác	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh							
Đồng Tâm	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh							
xóm Nà Ké	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh							
xóm Nà Răn	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh	22° 45' 21"	106° 31' 59"					F-48-34-A
xóm Ngườm Giang - Nà Noa - Khiểm Gát	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh	22° 45' 30"	106° 31' 03"					F-48-34-A
núi Pài Cải	SV	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh	22° 45' 36"	106° 34' 16"					F-48-34-A
Phò Tấu	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh	22° 45' 06"	106° 33' 45"					F-48-34-A
xóm Pò Chang - Luộc Tấu	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh							
xóm Sộc Chăng	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh	22° 45' 01"	106° 32' 32"					F-48-34-C+D
xóm Thông Lộc - Lũng Lếch	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh	22° 45' 03"	106° 31' 56"					F-48-34-A
xóm Thua Khuông	DC	xã Thân Giáp	H. Trùng Khánh	22° 44' 52"	106° 32' 20"					F-48-34-C+D
đường tỉnh 206	KX	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh			22° 45' 14"	106° 27' 46"	22° 46' 45"	106° 30' 23"	F-48-33-B; F-48-34-A
xóm Bản Cướm	DC	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 47' 33"	106° 28' 08"					F-48-33-B
xóm Bản Khuông	DC	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 46' 32"	106° 27' 14"					F-48-33-B
núi Bẩy Tiên	SV	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 46' 35"	106° 29' 38"					F-48-33-B
xóm Cốc Chia	DC	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 45' 55"	106° 28' 14"					F-48-33-B
xóm Cốc Rầy	DC	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 45' 33"	106° 28' 36"					F-48-33-B
xóm Gốc Riêng	DC	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 48' 46"	106° 27' 16"					F-48-33-B
đèo Khau Liêu	SV	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 45' 14"	106° 27' 46"					F-48-33-B
núi Lũng Thàn	SV	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 46' 25"	106° 28' 40"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lũng Xóm	SV	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 46' 13"	106° 27' 46"					F-48-33-B
xóm Nà Ít	DC	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 46' 37"	106° 29' 26"					F-48-33-B
xóm Nà Keo	DC	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 48' 26"	106° 25' 23"					F-48-33-B
xóm Nà Thềng	DC	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh							
xóm Nặm Dọi	DC	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 48' 57"	10° 62' 62"					F-48-33-B
xóm Nậm Thúm	DC	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 46' 41"	106° 29' 53"					F-48-33-B
núi Thin Phân	SV	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 44' 36"	106° 28' 56"					F-48-33-D
xóm Thông Huề 1	DC	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 46' 09"	106° 29' 33"					F-48-33-B
xóm Thông Huề 2	DC	xã Thông Huề	H. Trùng Khánh	22° 46' 12"	106° 29' 58"					F-48-34-A
sông Bắc Vọng	TV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh			22° 49' 21"	106° 26' 37"	22° 46' 49"	106° 29' 08"	F-48-33-B
xóm Bản Gằn	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 58"	106° 24' 33"					F-48-33-B
xóm Cốc Phay	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 46' 17"	106° 28' 12"					F-48-33-B
xóm Đồng Tâm	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 46' 32"	106° 27' 14"					F-48-33-B
núi Gốc Bưởi	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 45' 49"	106° 27' 27"					F-48-33-B
xóm Hao Phò	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 46' 46"	106° 28' 44"					F-48-33-B
đèo Keng Mạ	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 48' 44"	106° 28' 01"					F-48-33-B
xóm Kéo Hin	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 33"	106° 28' 08"					F-48-33-B
núi Lũng Sao	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 48' 59"	106° 27' 31"					F-48-33-B
Lũng Thàn	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 48' 26"	106° 25' 23"					F-48-33-B
mỏ Măng Gan	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh							F-48-33-B
xóm Nà Gàng	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 48' 24"	106° 27' 38"					F-48-33-B
xóm Nà Luộc	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 08"	106° 28' 48"					F-48-33-B
xóm Nà Phò	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 50"	106° 25' 29"					F-48-33-B
hang Ngườm Hoài	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh							F-48-33-B
hang Ngườm Mạ	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh							F-48-33-B
núi Ngườm Phan	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 57"	106° 28' 32"					F-48-33-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nưa Chang	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 09"	106° 27' 57"					F-48-33-B
xóm Pác Loan	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh							
xóm Pác Riêng	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 48' 46"	106° 27' 16"					F-48-33-B
núi Phác Khản	SV	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 29"	106° 26' 47"					F-48-33-B
xóm Phia Phảng	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh							
xóm Phò Phước	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh							
Roọng Tháy	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 48' 18"	106° 25' 01"					F-48-33-B
xóm Tân Chung	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh							
xóm Tân Lập	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 47' 56"	106° 27' 58"					F-48-33-B
xóm Tục Lũng	DC	xã Trung Phúc	H. Trùng Khánh	22° 48' 57"	106° 26' 02"					F-48-33-B

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng